

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI
XÉP DỠ TÂN CẢNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141 /BC-TCL

Thủ Đức, ngày 24 tháng 3 năm 2025

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XÉP DỠ TÂN CẢNG

- Tên Tiếng Anh: TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0304875444 đăng ký lần đầu ngày 08/03/2007, thay đổi lần thứ 12 ngày 08/3/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

- Vốn điều lệ: 301,584,360,000 đồng.

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 301,584,360,000 đồng.

- Địa chỉ: 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

- Số điện thoại: 028.73073979

- Số fax: 028.37423027

- Website: <http://tancanglogistics.com>

- Mã cổ phiếu: TCL

- Logo Công ty:



- Quá trình hình thành và phát triển.

✓ **Năm 2006 (Tiền thân):** Xí nghiệp Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng được thành lập theo Quyết định 82/2006/QĐ – BQP.

✓ **Năm 2007:** Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103006182, đăng ký lần đầu ngày 08/03/2007; tham gia góp vốn thành lập Công ty CP Dịch vụ và Đại lý Tân Cảng số 1 – nay là Công ty CP Vận tải bộ Tân Cảng.

✓ **Năm 2008:** Chính thức triển khai dịch vụ Đại lý Hải quan.



✓ **Năm 2009:** Niêm yết 17,000,000 cổ phiếu với mã chứng khoán TCL, theo quyết định niêm yết số 160/QĐ-SGDHCM ngày 11/12/2009 và thực hiện giao dịch lần đầu vào ngày 24/12/2009; tham gia góp vốn thành lập Công ty CP Vận tải Tân Cảng số 2 – nay là Công ty CP Vận tải Thủy Tân Cảng.

✓ **Năm 2010:** Tăng vốn điều lệ lên 186,999,050,000 đồng thông qua phát hành 1,700,000 cổ phiếu thưởng cho Cổ đông hiện hữu; tham gia góp vốn thành lập Công ty CP Tân Cảng Bến Thành.

✓ **Năm 2011:** Tăng vốn điều lệ lên 209,438,930,000 đồng thông qua phát hành 6,300,000 cổ phiếu ra công chúng; khai trương bến đóng rút hàng đổ hàng xá Tân Cảng – Nhơn Trạch tại căn cứ 696 thuộc vùng 2 Hải Quân.

✓ **Năm 2012:** Đầu tư bãi container rộng, nâng cấp bãi container hàng; Đầu tư khai thác thêm 4 băng chuyền và 2 cầu di động; Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của công ty tại Công ty CP Vận tải Tân Cảng số 2.

✓ **Năm 2013:** Tái cơ cấu vốn tại Công ty CP Tân Cảng – 128 Hải Phòng; tham gia góp vốn thành lập Công ty CP Dịch vụ Vận tải Biển Tân Cảng; Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của công ty tại Công ty CP Dịch vụ và Đại lý Tân Cảng số 1.

✓ **Năm 2014:** Bàn giao toàn bộ diện tích đất Depot 9 cho Quân Chủng Hải Quân; Đầu tư 1 tàu vận tải container (Tân Cảng Pioneer) và cho Công ty CP Vận tải Biển Tân Cảng thuê khai thác; khai trương Depot Tân Cảng Mỹ Thủy, mở rộng diện tích khai thác container rộng.

✓ **Năm 2015:** Tham gia góp vốn thành lập Công ty CP Tiếp vận Tân Cảng – Đồng Nai; Khai trương hoạt động cầu KE 03 – Bến sà lan 125; Khai trương kho bãi Tân Cảng – Nhơn Trạch; Chuyển nhượng tàu Tân Cảng Pioneer cho Công ty CP Vận tải Biển Tân Cảng.

✓ **Năm 2016:** Công bố Quyết định thành lập địa điểm làm thủ tục Hải quan tại Tân Cảng Nhơn Trạch.

✓ **Năm 2017:** Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của công ty tại Công ty CP Vận tải biển Tân Cảng; Công bố Quyết định thành lập Đội nghiệp vụ 2 thuộc chi cục Hải quan Nhơn Trạch hoạt động tại ICD Tân Cảng Nhơn Trạch.

✓ **Năm 2018:** Đưa tòa nhà Văn phòng 12 tầng (TCL Building) trên đường Đồng Văn Cống – Quận 2 đi vào hoạt động; đầu tư xây thêm 5,000 m² kho tại ICD Tân Cảng Nhơn Trạch, nâng tổng diện tích kho tại ICD Tân Cảng Nhơn Trạch lên 8,000 m², ICD Tân Cảng Nhơn Trạch từng bước tiếp nhận hàng dịch vụ của SNPL tại thị trường Nhơn Trạch.

✓ **Năm 2019:** Tăng vốn điều lệ lên 301,584,360,000 đồng thông qua phát hành 9,214,543 cổ phiếu thưởng cho Cổ đông hiện hữu; Tái cơ cấu Công ty CP Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai bằng cách tăng vốn điều lệ từ 20 tỷ đồng lên 45 tỷ

đồng (trong đó TCL góp thêm 17.44 tỷ đồng, tăng tỷ lệ vốn góp của TCL từ 20% lên 51%); khai trương dịch vụ đóng rút hàng lạnh tại Depot Tân Cảng Mỹ Thủy.

✓ **Năm 2020:** Tháng 01/2020 – Depot Tân Cảng Mỹ Thủy 2 hoạt động; mở rộng và nâng diện tích Depot Tân Cảng Mỹ Thủy từ 11ha lên 12.6ha, khu hàng hóa chất (IMDG) từ 3.4ha lên 5.2ha.

✓ **Năm 2021:** Khai trương dịch vụ khai thác container lạnh của hãng tàu SITC tại ICD Tân Cảng Nhơn Trạch; Triển khai khu giao nhận tập trung hàng hóa chất (IMDG) tại Cảng Tân Cảng Cát Lái.

✓ **Năm 2022:** Khai trương dịch vụ đón container rỗng từ khu vực Cái Mép về ICD Tân Cảng Nhơn Trạch, cung cấp các dịch vụ logistics cho Hãng tàu Maersk tại khu vực Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa – Vũng Tàu.

✓ **Năm 2023:** Mở rộng Depot Tân Cảng Mỹ Thủy 2; đưa Depot Tân Cảng Tân Vạn tại Dĩ An, Bình Dương vào khai thác

✓ **Năm 2024:** Di dời khu vực tiếp nhận container hàng IMDG xuất nhập tàu cảng về khu vực 125 và triển khai giao nhận hàng tại ICD Tân Cảng Nhơn Trạch từ ngày 01/07/2024 an toàn.

- Thành tựu năm 2024:

Công ty đã hoàn thành và vượt kế hoạch SXKD năm 2024. Bên cạnh đó, tình hình về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại các công ty con, công ty liên kết đều đạt hiệu quả và chia cổ tức cao.

Triển khai đăng ký làm hàng, thanh toán trực tuyến và thiết lập lệnh giao hàng điện tử eDO thông qua Eport tại ICD Tân Cảng Nhơn Trạch.

Depot Tân Cảng Tân Vạn tại Bình Dương khai thác ổn định. Hiện có thêm 2 hãng tàu mới, góp phần mở rộng sự hiện diện của TCL tại Bình Dương.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

➤ **Xếp dỡ Container**

- Máy móc thiết bị chuyên dụng hiện đại.
- Sản lượng trung bình khoảng 200,000 Teus/tháng.
- Địa bàn: Cảng Tân Cảng Cát Lái, ICD Tân Cảng Nhơn Trạch...

➤ **Khai thác cảng/ICD**

- ICD Tân Cảng Nhơn Trạch (Đồng Nai)

Diện tích khai thác: 145,000 m²

Chiều dài cầu tàu: 320 m

- Cảng Tân Cảng 128 Hải Phòng (Hải Phòng)

Diện tích khai thác: 200,000 m².

Chiều dài cầu tàu: 450 m

➤ **Dịch vụ vận chuyển đa phương thức**

- Vận chuyển bằng xe đầu kéo và sà lan.

Địa bàn: TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai và các tỉnh lân cận.

➤ **Dịch vụ đóng rút**

- Bến đóng rút 125 Cát Lái.

Diện tích khai thác: 15,000 m².

Năng suất đóng/rút: 350 cont/ngày đêm.

- Bến đóng gao ICD Tân Cảng Nhơn Trạch.

Diện tích khai thác: 12,000 m².

Năng suất đóng/rút: 150 cont/ngày đêm.

- Đóng rút container hàng lạnh tại Depot Tân Cảng Mỹ Thủy.

Diện tích khai thác: 5,000 m².

Năng suất đóng/rút: 100 cont/ngày đêm.

Địa bàn: Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh.

➤ **Kinh doanh khai thác Depot**

Tổng diện tích khai thác bãi trên 300,000 m².

Dung lượng thiết kế khoảng 30,000 Teus.

Địa bàn: Cảng Tân Cảng Cát Lái và khu vực lân cận TP. Hồ Chí Minh.

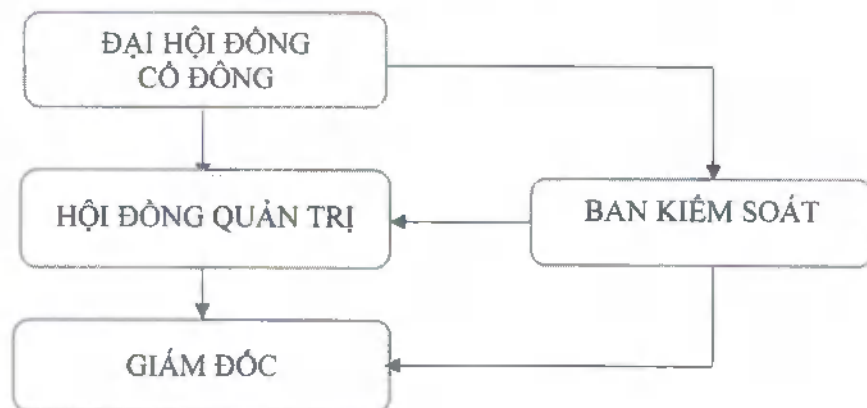
➤ **Dịch vụ cho thuê văn phòng**

Địa điểm: Tòa nhà TCL Building, 470 Đồng Văn Cống P. Thạnh Mỹ Lợi, TP. Thủ Đức, TP. HCM.

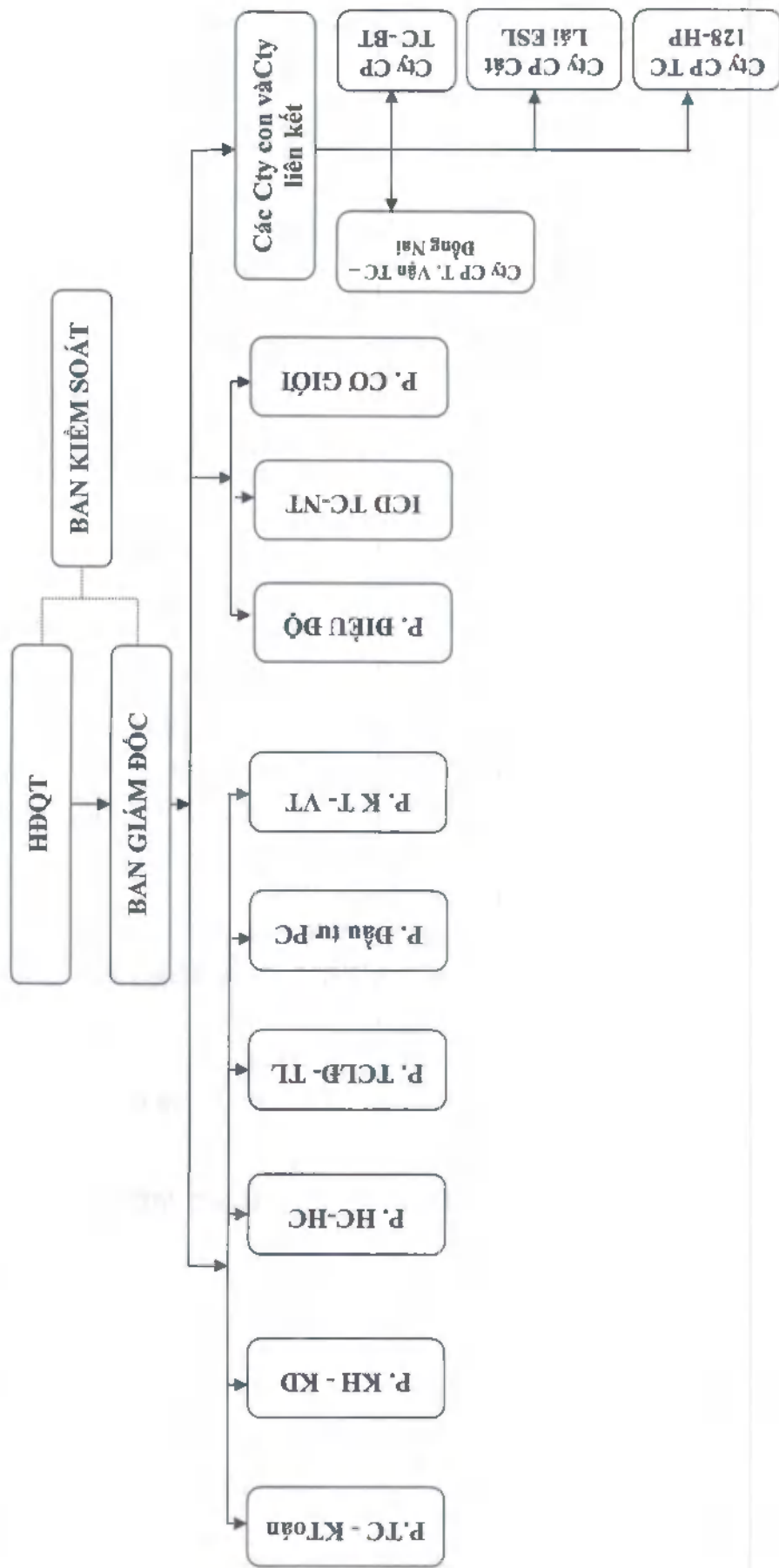
Tổng diện tích sàn: 9,500 m² (11 tầng) và diện tích dịch vụ văn phòng 5,900m².

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Theo Điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020.



- Cơ cấu bộ máy quản lý.



- Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty con

Công ty CP Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai

- Địa chỉ: Ấp 3, Xã Phú Thạnh, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại: (028) 3897 6794 Fax: (028) 3897 6794
- ĐKDN số: 3603266982 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 05/03/2015.
- Vốn điều lệ: 45 tỷ đồng (tính đến 31/12/2024).
- Tỷ lệ TCL nắm giữ: 51% (tính đến 31/12/2024).
- Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải, Dịch vụ giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu, Đại lý vận tải đường biển, Dịch vụ logistics và khai thuê hải quan, Dịch vụ môi giới hàng hải, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải....
- Doanh thu, thu nhập thuần 2024: 100.86 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế đạt: 0.34 tỷ đồng, EPS: 72 đồng/cp.

Công ty liên kết

Công ty CP Tân Cảng – Bến Thành

- Địa chỉ: 1295B, Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP.HCM.
- Điện thoại: (028) 6682 2566 Fax: (028) 3742 5341
- ĐKDN số: 0310151577 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 12/07/2010.
- Vốn điều lệ: 150 tỷ đồng (tính đến 31/12/2024).
- Tỷ lệ TCL nắm giữ: 36% (tính đến 31/12/2024).
- Ngành nghề kinh doanh: Bốc xếp hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Lưu giữ hàng hóa.
- Doanh thu, thu nhập thuần 2024: 504.53 tỷ đồng,
- Lợi nhuận sau thuế đạt: 52.86 tỷ đồng, EPS 3,161 đồng/cp.

Công ty Cổ Phần Cát Lái - Đông Sài Gòn

- Địa chỉ: 938/180 Nguyễn Thị Định, KP3, P. Thạnh Mỹ Lợi, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 0838976794 Fax: 0838976794
- ĐKDN số: 0314745980 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 20/11/2017.
- Vốn điều lệ: 50 tỷ đồng (tính đến 31/12/2024).
- Tỷ lệ TCL nắm giữ: 20% (tính đến 31/12/2024).
- Ngành nghề kinh doanh: Khai thác cảng, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.
- Doanh thu, thu nhập thuần 2024: 393.37 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế đạt: 5.86 tỷ đồng, EPS: 1,286 đồng/cp.

Xét

Công ty CP Tân Cảng 128 - Hải Phòng

- Địa chỉ: Hạ Đoạn, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng.
- Điện thoại: 022253769686 Fax: 0313269686
- ĐKDN số: 0201183522 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng cấp ngày 24/06/2011.
- Vốn điều lệ: 92 tỷ đồng (tính đến 31/12/2024).
- Tỷ lệ TCL nắm giữ: 36% (tính đến 31/12/2024).
- Ngành nghề kinh doanh: Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.
- Doanh thu, thu nhập thuần 2024: 200.25 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế đạt: (5.93) tỷ đồng,

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

Tiếp tục duy trì hoạt động hiệu quả trên tất cả các lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh của Công ty; thực hiện theo kế hoạch 2025 đã xây dựng; xây dựng Công ty trở thành một đơn vị vững mạnh, phát triển bền vững, có uy tín thương hiệu tại thị trường trong nước và khu vực.

Tiếp tục phát triển dịch vụ gia tăng, ICD Tân Cảng Nhon Trạch theo hướng nhanh hơn, mạnh hơn, hoàn thiện hơn và hiệu quả hơn gắn liền với dịch vụ khai thác cảng, dịch vụ logistics; phát huy thế mạnh kết nối và nguồn lực của các cơ sở để mở rộng thị trường, khách hàng, thị phần, trọng tâm là khách hàng lớn, truyền thống. Đẩy mạnh phát triển hệ thống kho hàng tại ICD Tân Cảng Nhon Trạch.

Ngoài phát triển các khu vực cơ sở kinh doanh hiện hữu, tích cực tìm kiếm và phát triển các cơ sở kinh doanh mới, mang tính bền vững, lâu dài. Đánh giá tốt nhu cầu thị trường trong các năm tiếp theo để đầu tư CSHT đón đầu. Đặc biệt nghiên cứu các cơ sở hạ tầng khai thác khu vực lân cận Cát Lái, Bình Dương, Đồng Nai, Cái Mép – Thị Vải và các trung tâm logistics khu kinh tế trọng điểm Phía Nam (TP. HCM, Đồng Nai, Bình Dương, ...)

Tập trung triển khai nghiên cứu đầu tư cơ sở hạ tầng tại khu vực Cái Mép – BRVT để phát triển ổn định lâu dài, việc đi thuê có thời hạn ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ, đầu tư và các kế hoạch dài hạn.

Nâng cao năng lực quản lý, công tác tài chính minh bạch, hiệu quả và phù hợp với tình hình thực tế tại công ty, đảm bảo sử dụng nguồn vốn hiệu quả.

Tăng cường công tác marketing thị trường, xây dựng đội ngũ kinh doanh chất lượng; chuẩn hóa hệ thống các quy trình; đẩy mạnh công tác quản lý bằng số hóa, phát triển “cảng xanh” tại các khu vực hoạt động của công ty.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

Tập trung phát triển vào các ngành nghề thuộc năng lực cốt lõi, mũi nhọn và có thế mạnh của công ty như khai thác cảng, kho bãi và các dịch vụ phụ trợ cho

hoạt động khai thác cảng. Các dự án đầu tư phải có thời gian thuê, hợp tác dài hạn, đảm bảo tính hiệu quả và phát triển bền vững.

+ Các dự án trọng điểm:

✓ Dự án kho hàng tại ICD Tân Cảng Nhơn Trạch.

✓ Dự án 8,8ha cảng Cát Lái.

✓ Dự án kho bãi container tại Bình Dương để triển khai chiến lược rộng mang thương hiệu SNP.

- Các mục tiêu phát triển bền vững

• Mục tiêu đối với môi trường

Công ty luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường, Đảng ủy, Ban Giám đốc công ty thường xuyên chỉ đạo Đoàn thanh niên phát động các phong trào vệ sinh các khu vực do công ty quản lý nhằm tạo ra môi trường xanh, sạch, đẹp.

Công tác phòng cháy chữa cháy được chú trọng và đảm bảo được huấn luyện, diễn tập thường xuyên theo định kỳ và theo chuyên đề, nhằm bảo vệ an toàn cho hàng hóa lẫn con người.

Công ty tiếp tục chính sách xây dựng đội ngũ nhân sự ổn định về số lượng, tốt về chất lượng, thường xuyên tổ chức huấn luyện chuyên môn, đào tạo và đào tạo lại cho phù hợp với thực tiễn sản xuất; Phân công công việc đúng với năng lực, trình độ mỗi người; thường xuyên rà soát lao động hiện có nhằm điều chỉnh, phân bổ, sử dụng hợp lý.

• Mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng

Cùng với việc mở rộng sản xuất kinh doanh như mở rộng thêm bãi container, đầu tư vào các dự án, liên doanh, liên kết công ty đã tạo thêm nhiều việc làm cho xã hội, Công ty luôn duy trì các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn, xóa đói giảm nghèo, xây nhà tình nghĩa, nhằm nâng cao tinh thần tương thân tương ái của CBCNV với xã hội và cộng đồng, đồng thời giữ vững và phát huy truyền thống tốt đẹp của công ty.

5. Các rủi ro

Trong hoạt động kinh doanh, các yếu tố rủi ro luôn tồn tại, có thể gây ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển của công ty. Chính vì vậy, công ty đã xác định danh sách các rủi ro trọng yếu và thường xuyên cập nhật, bổ sung thêm danh sách các rủi ro của đơn vị để có biện pháp quản lý rủi ro hiệu quả.

Các rủi ro	Biện pháp quản lý rủi ro
Mất khách hàng	<ul style="list-style-type: none"> - Giữ mối quan hệ tốt và liên lạc thường xuyên với khách hàng/Hãng tàu để kịp thời cập nhật những thay đổi, nhu cầu của khách hàng; - Xem xét mặt bằng giá cả thị trường để có mức điều chỉnh tăng/giảm giá phù hợp trong từng giai đoạn; - Liên tục cải tiến quy trình và đưa ra giải pháp dịch vụ đáp ứng tốt

	<p>nhất nhu cầu của khách hàng;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích đánh giá nguyên nhân mất khách hàng (nếu có) để rút kinh nghiệm trong việc giữ chân các khách hàng hiện hữu và khách hàng tiềm năng.
Những thay đổi về quy định, chính sách từ cơ quan quản lý Nhà nước.	<ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật, phổ biến kịp thời quy định, chính sách của các cơ quan quản lý Nhà nước; - Cử cán bộ, CNV tham dự các khóa huấn luyện, cập nhật, phổ biến kiến thức về Luật, các Hiệp định, ... nhằm hiểu và thực hiện đúng, linh hoạt quy định, chính sách, chủ động cân đối, điều chỉnh chính sách của đơn vị.
Về môi trường (thiên tai, lũ lụt, cháy nổ, dịch bệnh)	<ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật kịp thời các thay đổi về môi trường, khí hậu, thời tiết, tình hình dịch bệnh để lập phương án ứng phó kịp thời; - Kiểm tra định kỳ các thiết bị an toàn, PCCC, hệ thống điện, nước...; việc tuân thủ các quy định về an ninh, an toàn lao động; - Tuân thủ nghiêm mọi quy định về Phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường; thường xuyên phối hợp với các cơ quan, ban ngành xây dựng kế hoạch Phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường đồng thời tổ chức diễn tập định kỳ các tình huống giả định; - Ký hợp đồng các sản phẩm bảo hiểm phù hợp.
Thay đổi tỷ giá, lãi suất.	<ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật thường xuyên và kịp thời chính sách, quy định mới; - Lập phương án dự phòng về thay đổi tỷ giá ngoại tệ, lãi suất; - Cử nhân sự tham gia các khóa đào tạo về chính sách, nghiệp vụ.
Thu hồi công nợ, đảm bảo dòng tiền	<ul style="list-style-type: none"> - Nhanh chóng hoàn thành hồ sơ bộ chứng từ thanh toán nhằm đẩy nhanh tiến độ lập hóa đơn thu tiền khách hàng; - Theo dõi, cập nhật, giám sát tình hình công nợ của khách hàng và các khoản chi trả theo quy định; - Quy định chặt chẽ, cụ thể với nhà cung cấp về thời hạn thanh toán sau khi nhận được đầy đủ bộ chứng từ thanh toán; Lập kế hoạch thu chi phù hợp để luôn chủ động dòng tiền.

11. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Tình hình tài chính.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024: Tổng doanh thu, thu nhập thuần đạt 1,606,630.13 triệu đồng, bằng 106.06% so với kế hoạch năm và bằng 105.32% so với cùng kỳ; Lợi nhuận trước thuế đạt 166,842.55 triệu đồng bằng 102.47% so với kế hoạch năm và bằng 102.60% so với cùng kỳ; Lợi nhuận sau thuế đạt 136,374.40 triệu đồng, bằng 101.93% so với kế hoạch năm và bằng 101.96% so với cùng kỳ.

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	% so với KH năm	% so với cùng kỳ
1	Tổng doanh thu, thu nhập thuần	1,514,885.32	1,606,630.13	106.06%	105.32%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	162,826.80	166,842.55	102.47%	102.60%
3	Lợi nhuận sau thuế	133,785.94	136,374.40	101.93%	101.96%

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

Tính đến ngày 31/12/2024

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Lê Văn Cường	Giám đốc	04	0%
2	Ngô Ngọc Khánh	Phó Giám đốc	0	0%
3	Châu Thanh Hải	Phó Giám đốc	01	0%
4	Nguyễn Văn Hòa	Phó Giám đốc	0	0%
5	Phạm Thị Thu Hà	Kê toán trưởng	0	0%

- Tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Ban điều hành:

Ông Lê Văn Cường

Sinh năm 1978
 Quốc tịch Việt Nam
 Trình độ chuyên môn Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Thời gian	Chức vụ
6/2003 - 3/2007	Nhân viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn
4/2007 - 12/2008	Nhân viên Công ty CP Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng
1/2009 - 8/2009	Trưởng ban Marketing đối ngoại Công ty CP Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng
9/2009 - 12/2009	Trưởng phòng Forwarder đối ngoại Công ty CP Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng
1/2010- 3/2015	Giám đốc Công ty CP Tân Cảng Bến Thành
3/2015-02/2020	Giám đốc Công ty CP Tân Cảng Bến Thành; Phó Giám đốc Công ty CP Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng
02/2020 – đến nay	Giám đốc Công ty CP Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng
Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết	- Giám đốc - Thành viên HĐQT
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	- Thành viên HĐQT Công ty CP Tân Cảng Bến Thành

Ngô Ngọc Khánh

Sinh năm 1991
 Quốc tịch Việt Nam
 Trình độ chuyên môn Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Thời gian	Chức vụ
06/2013-12/2013	Nhân viên Phòng Thị trường - Trung tâm Logistic Tân Cảng
09/2016-08/2017	Phó phòng KHKD Cty TNHH MTV Cảng Cái Mép – Thị Vải
08/2017-06/2019	Trưởng ban Kế hoạch tổng hợp, Phòng KHKD Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn
06/2019-10/2021	Trưởng phòng KHKD, Công ty CP Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng
10/2021- 02/2024	Phó phòng KHKD Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn
02/2024 - nay	Phó giám đốc Công ty CP Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng
Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết	- Thành viên Hội đồng quản trị - Phó giám đốc Công ty
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tân Cảng 128 – Hải Phòng - Thành viên HĐQT Công ty CP Cát Lái Đông Sài Gòn

Ông Châu Thanh Hải

Sinh năm 1979
 Quốc tịch Việt Nam
 Trình độ chuyên môn Thạc sỹ QTKD

Thời gian	Chức vụ
04/2004 - 04/2006	Nhân viên Trung tâm điều độ, Công ty Tân Cảng Sài Gòn
04/2006 - 06/2006	Đội phó đội cơ giới 2 Xí nghiệp Cơ giới Xếp dỡ Tân Cảng, Công ty Tân Cảng Sài Gòn
06/2006 - 03/2008	Đội phó Đội cơ giới xếp dỡ vận tải bộ, Xí nghiệp đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng, Công ty Tân Cảng Sài Gòn
03/2008 - 06/2010	Phó phòng Phòng Logistics, Công ty CP Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng
06/2010 - 12/2010	Phó phòng Phòng Logistics Đối ngoại, Công ty CP Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng
01/2011 - 03/2011	Phó giám đốc Trung tâm Logistic, Công ty CP Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng
03/2011 - 12/2013	Giám đốc Trung tâm Logistics, Công ty CP Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng
12/2013 - 05/2014	Phó phòng dịch vụ khách hàng Trung tâm dịch vụ Logistics Tân Cảng, Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn

05/2014 - 02/2015	Trưởng phòng dịch vụ khách hàng Trung tâm dịch vụ Logistics Tân Cảng, Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn
02/2015 - 02/2021	Giám đốc Công ty cổ phần tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai
02/2021- nay	Giám đốc Công ty cổ phần tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai; Phó giám đốc Công ty CP Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng
Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết	Phó Giám đốc
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Thành viên HĐQT - Giám đốc Công ty CP Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai

Ông Nguyễn Văn Hòa

Sinh năm 1984

Quốc tịch Việt Nam

Trình độ chuyên môn Đại học Đảm bảo an toàn hàng hải

Thời gian	Chức vụ
07/2008 – 06/2013	Nhân viên Giám sát công trình, Phòng Quản lý công trình, Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn
07/2013 – 01/2019	Trưởng ban Giám sát công trình, Phòng Quản lý công trình, Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn
02/2019 – 12/2019	Phó Giám đốc Công ty CP Xây dựng Tân Cảng Số Một
01/2020 – 10/2021	Giám đốc Công ty CP Xây dựng Tân Cảng Số Một
11/2021 – đến nay	Phó Giám đốc Công ty CP Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng
Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết	Phó Giám đốc
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT Công ty CP tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai

Bà Phạm Thị Thu Hà

Sinh năm 1978

Quốc tịch Việt Nam

Trình độ chuyên môn Cử nhân Kinh tế

Thời gian	Chức vụ
7/2000 - 6/2001	Nhân viên kế toán - Xí nghiệp Kho Vận - Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn
6/2001 - 10/2007	Nhân viên Kế toán phòng Tài chính - Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn
10/2007 - 4/2008	Kế toán tổng hợp – Công ty CP Cảng Cát Lái.
4/2008 - 11/2019	Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính - Cty CP Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng

11/2019 – nay	Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính kế toán- Công ty CP Đại lý GNVT Xếp dỡ Tân Cảng
Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết	Kế toán trưởng
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	TV. BKS Công ty CP Cát Lái Đông Sài Gòn TV. BKS Công ty CP Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai TV. BKS Công ty CP Tân Cảng Bến Thành

- Những thay đổi trong ban điều hành:

Tính đến ngày 31/12/2024

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ngô Ngọc Khánh	Phó Giám đốc	19/02/2024	
2	Đặng Thanh Sơn	Phó Giám đốc	18/7/2017	07/11/2024

- Số lượng cán bộ, nhân viên.

Tính đến ngày 31/12/2024

TT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ lao động		
1	Trình độ trên đại học	23	8.01
2	Trình độ đại học	155	54
3	Trình độ cao đẳng	17	5.92
4	Khác	92	32.06
II	Theo loại hợp đồng lao động		
1	Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên chức phòng	18	6
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	237	83
3	Hợp đồng xác định thời hạn	32	11
III	Theo giới tính		
1	Nam	202	70
2	Nữ	85	30

• Tính đến cuối năm 2024, tổng lao động của Công ty là 287 người. Mức lương bình quân năm 2024 của CBCNV là 28.5 triệu đồng/người/tháng, đạt 102.9% kế hoạch. Thu nhập bình quân năm 2024 của CBCNV là 32.9 triệu đồng/người/tháng, đạt 102.6% kế hoạch.

Chính sách đối với người lao động

Thời gian làm việc:

• Công ty tổ chức làm việc 40 giờ/1 tuần. Chế độ làm việc theo ca áp dụng đối với bộ phận lao động trực tiếp (khối sản xuất). Chế độ làm việc theo giờ hành chính áp dụng đối với bộ phận lao động gián tiếp (khối cơ quan văn phòng).

Qui định thời gian làm việc:

• Lao động làm theo giờ hành chính: Sáng từ 7h30' đến 11h30'; Chiều từ 13h00' đến 17h00'.

• Đối với lao động trực tiếp sản xuất: Chỉ huy các đầu mối căn cứ vào tình hình thực tế của bộ phận để quy định thời gian đi ca, nghỉ giữa ca.

• Thời gian nghỉ giữa ca:

– Ca 1: 11h30 đến 12h30

– Ca 2: 18h30 đến 19h00

– Ca 3: 23h00 đến 0h30

• Thời gian nghỉ giữa ca được tính vào thời gian làm việc đối với người lao động làm việc liên tục 8h gồm:

– 30 phút nếu làm việc ca 01, ca 02

– 45 phút nếu làm việc ca 03.

Nghỉ lễ:

• Tết dương lịch: 01 ngày (ngày 01 tháng 01 dương lịch)

• Tết âm lịch: 05 ngày (hai ngày cuối năm, 03 ngày đầu năm)

• Ngày giỗ Tổ Hùng Vương: 01 ngày (ngày mùng 10 tháng 03 âm lịch)

• Ngày Chiến thắng: 01 ngày (ngày 30/4 dương lịch)

• Ngày Quốc tế lao động: 01 (ngày mùng 01 tháng 05 dương lịch)

• Ngày Quốc khánh: 02 ngày (ngày 02/09 và trước hoặc sau ngày 02/09).

Nghỉ thai sản: Cán bộ công nhân viên Công ty được nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 06 tháng theo Bộ luật lao động và hưởng 06 tháng lương căn cứ đóng Bảo hiểm xã hội do Bảo hiểm xã hội chi trả theo quy định, còn được hưởng thêm khoản trợ cấp nuôi con 03 triệu đồng/tháng (căn cứ thời gian nghỉ thực tế nhưng không vượt quá quy định của Bộ luật lao động).

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

Năm 2024 đầu tư đạt hơn 9.6 tỷ đồng, bằng 48.48 % so với kế hoạch năm. Nguyên nhân là do Dự án mua sắm cầu 6+1 cảng Cát Lái tiến độ đầu tư chậm, quá trình triển khai công tác chuẩn bị đầu tư, thủ tục thẩm định chặt chẽ, chi tiết nên dự án kéo dài.

b) Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty con, công ty liên kết	Giá trị đầu tư (đồng)	Tỷ lệ năm giữ	Tăng giảm trong năm
Công ty CP Tân Cảng Bến Thành	54,000,000,000	36%	0
Công ty CP Tân Cảng 128 - Hải Phòng	33,120,000,000	36%	0
Công ty CP Tiếp Vận Tân Cảng Đồng Nai	21,440,000,000	51%	0
Công ty CP Cát Lái - Đông Sài Gòn	10,000,000,000	20%	0
Tổng cộng	118,560,000,000		0

Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành:

Doanh thu, thu nhập thuần 2024: 504.53 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt: 52.86 tỷ đồng, EPS: 3,161 đồng/cp.

Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng

Doanh thu, thu nhập thuần 2024: 200.25 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt: (5.93) tỷ đồng.

Công ty Cổ phần Tiếp Vận Tân Cảng Đồng Nai

Doanh thu, thu nhập thuần 2024: 100.86 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt: 0.34 tỷ đồng, EPS: 72 đồng/cp.

Công ty CP Cát Lái - Đông Sài Gòn

Doanh thu, thu nhập thuần 2024: 393.37 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt: 5.86 tỷ đồng, EPS: 1,286 đồng/cp.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Tổng doanh thu thuần hợp nhất năm 2024 đạt 1,631,183.62 triệu đồng, tăng 106.65% so với năm 2023; Lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2024 đạt 177,016.06 triệu đồng, tăng 107.86% so với năm 2023; Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2024 đạt 146,228.00 triệu đồng, tăng 108.78% so với năm 2023; EPS năm 2024 đạt 4,067 đồng/CP, tăng 110.82% so với năm 2023.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu hợp nhất	Năm 2023	Năm 2024	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản:	940,482.30	1,110,636.38	118.09%
Doanh thu thuần:	1,529,415.51	1,631,183.62	106.65%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh:	162,094.38	177,177.67	109.31%
Lợi nhuận khác:	2,026.93	(161.61)	-7.97%
Lợi nhuận trước thuế:	164,121.31	177,016.06	107.86%
Lợi nhuận sau thuế:	134,421.32	146,228.00	108.78%
EPS (đồng)	3,670.00	4,067.00	110.82%

Số liệu báo cáo công ty mẹ: Tổng doanh thu thuần năm 2024 đạt 1,580,861.35 triệu đồng, tăng 106.03% so với năm 2023; Lợi nhuận trước thuế năm 2024 đạt 166,842.55 triệu đồng, tăng 102.60% so với năm 2023; Lợi nhuận sau thuế năm 2024 đạt 136,374.40 triệu đồng, tăng 101.96% so với năm 2023.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu công ty mẹ	Năm 2023	Năm 2024	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản:	904,749.87	1,059,363.15	117.09%
Doanh thu thuần:	1,490,904.60	1,580,861.35	106.03%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh:	160,519.19	166,859.02	103.95%
Lợi nhuận khác:	2,096.93	(16.47)	-0.79%
Lợi nhuận trước thuế:	162,616.12	166,842.55	102.60%
Lợi nhuận sau thuế:	133,757.27	136,374.40	101.96%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Số liệu báo cáo hợp nhất:

Chỉ tiêu hợp nhất	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>	Lần		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn		1.64	1.57
+ Hệ số thanh toán nhanh: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn		1.60	1.54
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>	Lần		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản		0.36	0.41
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu		0.57	0.71
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân		115.89	106.31
+ Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân		1.74	1.59

4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời	Lần		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		0.09	0.09
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu		0.22	0.22
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		0.14	0.13
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần		0.11	0.11

Số liệu báo cáo công ty mẹ:

Chỉ tiêu công ty mẹ	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán	Lần		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn		1.49	1.47
+ Hệ số thanh toán nhanh: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn		1.46	1.44
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn	Lần		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản		0.39	0.44
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu		0.64	0.79
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động	Lần		
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân		113.00	102.87
+ Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân		1.77	1.61
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời	Lần		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		0.09	0.09
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu		0.24	0.23
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		0.15	0.13
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần		0.11	0.11

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần

Tính đến 31/12/2024

STT	Nội dung	Số lượng (cổ phần)	Ghi chú
1	Số cổ phần đang lưu hành	30,158,436	cổ phần phổ thông
a	Số cổ phần chuyển nhượng tự do	30,158,436	
b	Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	0	

b) Cơ cấu cổ đông

Theo danh sách chốt ngày 03/3/2025

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
I	Cổ đông trong nước	3,419	28,307,302	283,073.02	93.86
1	Cổ đông nhà nước	01	15,381,273	153,812.73	51.00
2	Cổ đông tổ chức	22	254,021	2,540.21	0.84
3	Cổ đông cá nhân	3,396	12,672,008	126,720.08	42.08
II	Cổ đông nước ngoài	116	1,851,134	18,511.34	6.14
1	Cá nhân	97	327,463	3,274.63	1.09
2	Tổ chức	19	1,523,671	15,236.71	5.05
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0
Tổng cộng		3,535	30,158,436	301,584.36	100

- Danh sách cổ đông lớn:

STT	Tên cổ đông	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn	15,381,273	51.00%

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Năm 2024 không có thay đổi.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Năm 2024 không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

e) Các chứng khoán khác: Năm 2024 không có giao dịch chứng khoán khác.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

Với đặc thù kinh doanh trong lĩnh vực logistics, khai thác cảng, vận tải và các dịch vụ hỗ trợ vận tải khác liên quan, Công ty có các loại thiết bị chuyên dùng đa dạng trong hoạt động kinh doanh. Để vận hành các thiết bị này, năng lượng được sử dụng chủ yếu là điện và xăng dầu. Công ty đã sử dụng các loại năng lượng này với định mức và chi phí sử dụng hợp lý, phù hợp với quy mô kinh doanh: giá vốn, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Công ty đã chuyển đổi một số phương tiện sử dụng xăng/dầu sang sử dụng điện; chuyển đổi sử dụng đèn thấp sáng tiết kiệm điện; thực hiện các biện pháp quản lý, giảm phát sinh chất thải rắn và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo quy định; ngoài ra

Công ty cũng tổ chức phát động lễ trồng cây hàng năm.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

Nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh trong năm 2024, công ty đã sử dụng 1,597,394,859 Kwh điện và 1,006,907 lít dầu diesel. Ý thức được việc sử dụng xăng, dầu về lâu dài sẽ gây ra khí độc, ảnh hưởng tới môi trường, trong quá trình hoạt động công ty vẫn thường xuyên rà soát, đảm bảo việc sử dụng năng lượng hợp lý, hạn chế lãng phí nguyên, nhiên liệu.

6.3. Tiêu thụ nước:

Việc tiêu thụ nước của TCL phục vụ sinh hoạt tại văn phòng và hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Ngoài ra, việc vệ sinh công nghiệp tại các cảng, kho bãi được công ty thuê các dịch vụ môi trường đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Trong năm 2024, tổng lượng nước sử dụng của TCL là 74,583,159 m³.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty tuân thủ nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường. Trong năm 2023 công không bị xử phạt do không tuân thủ pháp luật và các quy định về bảo vệ môi trường.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Tính đến ngày 31/12/2024

STT	Năm	Tổng số lượng người lao động (người)	Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)
1	2017	288	20.4
2	2018	288	22.4
3	2019	296	24.1
4	2020	301	24.5
5	2021	304	25.4
6	2022	295	29.8
7	2023	295	31.5
8	2024	287	32.9

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Tính đến cuối năm 2024, tổng lao động của Công ty là 287 người. Mức lương bình quân năm 2024 của CBCNV là 28.5 triệu đồng/người/tháng, đạt

102.9% kế hoạch. Thu nhập bình quân năm 2024 của CBCNV là 32.9 triệu đồng/người/tháng, đạt 102.6% kế hoạch.

Môi trường làm việc chuyên nghiệp, văn minh, lịch sự và tạo điều kiện cho người lao động có cơ hội được học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

c) Hoạt động đào tạo người lao động.

- Nhân viên mới được tuyển dụng đều phải trải qua các khóa đào tạo nhằm nắm rõ về tổ chức công ty và quy trình vận hành các dịch vụ. Ngoài ra, CBCNV luôn được tạo cơ hội phát huy năng lực cá nhân, tham gia các khóa học, khóa huấn luyện phù hợp nhằm nâng cao trình độ chuyên môn.

Trong năm 2024 công ty đã tổ chức nhiều chương trình huấn luyện, đào tạo phát triển kỹ năng để hỗ trợ người lao động đáp ứng tốt yêu cầu công việc cũng như phát triển sự nghiệp.

Công ty chú trọng công tác đào tạo lại để đáp ứng tốt khi sắp xếp bố trí lại công việc, ngoài ra phối hợp với các đơn vị liên quan để đào tạo nhân sự chuyên sâu như tại khu vực hàng hóa chất (IMDG) và chứng chỉ IICL cho nhân sự M&R để đáp ứng kịp thời các loại hình dịch vụ của công ty.

Công ty phối kết hợp với Tổng công ty đã tổ chức các lớp huấn luyện, đào tạo; Tổng số học viên được huấn luyện, đào tạo hơn 262 lượt/ người. Ngoài các chương trình huấn luyện đào tạo chung, công ty có chính sách hỗ trợ kinh phí, khuyến khích người lao động tự nguyện đăng ký học tập nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ.

Tổng chi phí cho hoạt động huấn luyện, đào tạo người lao động trong năm 2024 là 701.7 triệu đồng, (trong đó TCT Tân Cảng Sài Gòn – công ty mẹ hỗ trợ huấn luyện, đào tạo người lao động của công ty TCL: 350.9 triệu đồng).

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Bên cạnh việc tập trung phát triển sản xuất kinh doanh, chăm lo đời sống cho người lao động, công ty luôn chú trọng đến các hoạt động trợ giúp cộng đồng, coi đó là nét đẹp trong văn hóa của công ty. Công ty thường xuyên duy trì các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn, xóa đói giảm nghèo, xây nhà tình nghĩa nhằm nâng cao tinh thần tương thân tương ái của công ty và của cán bộ công nhân viên công ty với xã hội và cộng đồng, đồng thời giữ vững và phát huy truyền thống tốt đẹp của Công ty.

Trong năm 2024 công ty đã chi cho các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn, xoá đói giảm nghèo cho các đơn vị, cộng đồng địa phương tổng số tiền 1.7 tỷ đồng.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024

1.1. Đặc điểm, tình hình.

Công ty luôn nhận được sự quan tâm, lãnh đạo trực tiếp của Đảng ủy, Chủ tịch, Ban Tổng Giám đốc và sự hỗ trợ của các cơ quan chức năng của TCT Tân Cảng Sài Gòn, sự chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Đảng ủy, HĐQT, BGĐ đã giúp công ty hoàn thành và vượt kế hoạch SXKD năm 2024.

Kinh tế thế giới nhìn chung tăng trưởng ổn định trong năm 2024 mặc dù ảnh hưởng tiêu cực bởi các xung đột địa chính trị tại Ukraine và Trung Đông khiến cho kinh tế thế giới không có nhiều khởi sắc, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đánh giá tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024 đạt khoảng 3.2%, giảm nhẹ so với 3.3% năm 2023.

Kinh tế Việt Nam năm 2024 được IMF đánh giá tăng trưởng 6.1%, tăng so với 5% của năm 2023, nhờ động lực chính từ dịch vụ và sản xuất công nghiệp. Bên cạnh đó, dòng vốn FDI được duy trì ở mức cao, các dự án nâng cấp cảng và cơ sở hạ tầng liên quan lần lượt được hoàn thiện. Theo Cục Hàng hải Việt Nam, khối lượng hàng hóa thông qua hệ thống cảng biển Việt Nam ước đạt 864.4 triệu tấn, tăng 14% so với cùng kỳ năm 2023. Sản lượng hàng tính theo Teus tăng 21%, ước đạt 29.9 triệu Teus. Số lượt tàu biển thông qua cảng biển năm 2024 ước đạt 102.67 nghìn lượt, tăng 2% so với cùng kỳ năm 2023.

Thị trường depot rộng nhìn chung có sự tăng trưởng nhờ vào sự phục hồi xuất khẩu và nhu cầu container rộng tăng. Tuy nhiên, áp lực từ chi phí thuê đất tăng cao và sự cạnh tranh giữa các depot theo đó cũng ngày càng gay gắt.

Từ tháng 7 năm 2024, hợp đồng thuê khu bãi hàng IMDG hết hạn ảnh hưởng tới nhân sự, phương tiện và đến kết quả SXKD của TCL.

Các dự án lớn của TCL vẫn đang tiếp tục thực hiện như: Dự án kho tại ICD Tân Cảng Nhơn Trạch đang tiến hành thi công; Dự án mua sắm 01 cầu RTG 6+1 đã được phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật, đang tiến hành thủ tục lựa chọn nhà thầu.

1.2. Kết quả hoạt động SXKD năm 2024.

Mặc dù năm 2024 gặp nhiều khó khăn, các chỉ tiêu của công ty vẫn đạt và vượt so với kế hoạch năm và so với cùng kỳ năm trước, chi tiết cụ thể như sau.

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	% so với KH 2024	% so với cùng kỳ
1	Tổng Doanh thu, thu nhập thuần	1,514,885.32	1,606,630.13	106.06%	105.32%
2	Lợi nhuận trước thuế	162,826.80	166,842.55	102.47%	102.60%

3	Lợi nhuận sau thuế	133,785.94	136,374.40	101.93%	101.96%
---	--------------------	------------	------------	---------	---------

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Số liệu báo cáo hợp nhất:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2023		Năm 2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tài sản ngắn hạn	474,241.74	50%	663,244.38	60%
Tài sản dài hạn	466,240.56	50%	447,392.01	40%
Tổng tài sản	940,482.30	100%	1,110,636.38	100%

Số liệu báo cáo công ty mẹ:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2023		Năm 2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tài sản ngắn hạn	448,988.31	50%	627,774.70	59%
Tài sản dài hạn	455,761.57	50%	431,588.45	41%
Tổng tài sản	904,749.87	100%	1,059,363.15	100%

b) Tình hình nợ phải trả

Số liệu báo cáo hợp nhất:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2023		Năm 2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ ngắn hạn	288,611.98	84%	422,039.92	92%
Nợ dài hạn	53,009.23	16%	37,943.33	8%
Tổng nợ phải trả	341,621.21	100%	459,983.24	100%

Số liệu báo cáo công ty mẹ:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2023		Năm 2024	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ ngắn hạn	299,311.60	85%	428,325.19	92%
Nợ dài hạn	54,509.23	15%	37,943.33	8%
Tổng nợ phải trả	353,820.83	100%	466,268.52	100%

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Công ty chủ trương tăng cường hình thức kiêm nhiệm theo phương châm “một người giỏi một việc, làm tốt nhiều việc” để tăng thu nhập cho người lao động và mang lại hiệu quả cho doanh nghiệp trong cắt giảm chi phí lương, thưởng, tinh giản bộ máy TCBC.

Tăng cường việc giao khoán năng suất theo từng tháng, quý đối với các đơn vị sản xuất để khuyến khích người lao động chủ động sáng tạo làm việc khoa học hiệu quả.

Công ty thường xuyên cập nhật các ứng dụng về CNTT với các phần mềm chuyên ngành nhằm đồng bộ và chuyên nghiệp hóa đội ngũ CBCNV để nâng cao năng suất lao động.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Xây dựng hệ thống Depot container mang thương hiệu Tân Cảng, làm hậu cần vững chắc cho hệ thống cảng biển và dịch vụ Logistics.

Đầu tư vào các dự án có thời gian thuê, hợp tác dài hạn, đảm bảo tính hiệu quả và phát triển bền vững. Đầu tư các dự án thuộc năng lực lõi của doanh nghiệp như: Khai thác cảng, kho bãi và các dịch vụ phụ trợ cho hoạt động khai thác cảng, đặc biệt tập trung triển khai / nghiên cứu đầu tư cơ sở hạ tầng tại khu vực Cái Mép – BRVT để phát triển ổn định lâu dài, việc di thuê có thời hạn ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ, đầu tư và các kế hoạch dài hạn.

Tiếp tục đẩy mạnh phát triển các dịch vụ tại ICD Tân Cảng Nhơn Trạch, bao gồm: dịch vụ khai thác kho, dịch vụ đóng rút và dịch vụ lạnh, dịch vụ khai thác hàng IMDG và dịch vụ vận chuyển hàng/rỗng từ Cái Mép về ICD Tân Cảng Nhơn Trạch.

Không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ và năng lực điều hành tại các khu vực hiện hữu; Gia tăng kết nối khách hàng để tăng sản lượng; tích cực bám sát, phối kết hợp với các phòng chức năng của TCT để tiếp thị khách hàng mới về sử dụng dịch vụ của công ty. Tăng cường công tác chuyển đổi số của doanh nghiệp, phát triển “cảng xanh” theo xu hướng toàn cầu.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

Công ty không gia công sản phẩm trực tiếp, không có khí thải hoặc nước thải công nghiệp. Khí thải do các phương tiện cơ giới hoạt động xả ra môi trường đảm bảo tiêu chuẩn cho phép của Việt Nam (tương đương EURO 3 trở lên).

Khu hàng Hóa chất (IMDG) đã được đầu tư hệ thống phòng cháy chữa cháy và Bảo vệ môi trường theo yêu cầu của các Cơ quan chức năng quản lý Nhà nước (Sở Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy, Sở Công thương).

Rác thải, nước thải công nghiệp: thu gom, xử lý đúng quy định, quy trình chung trong hệ thống toàn Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Nhìn chung, tình hình tổ chức biên chế (TCBC), nhân sự của công ty trong năm qua đi vào ổn định, không có nhiều thay đổi. Trong năm qua thực hiện TCBC theo đúng phê duyệt của Tổng công ty. Mặc dù có phát triển thêm về một số dịch vụ nhưng công ty vẫn giữ nguyên quân số theo kế hoạch, năng suất lao động thực hiện vượt kế hoạch đề ra dẫn đến thu nhập bình quân được đảm bảo, người lao động cơ bản ổn định yên tâm công tác gắn bó lâu dài với công ty (Thu nhập bình quân năm 2024 đạt 32.9 triệu/người/tháng đạt 102.6% so với kế hoạch và 104.4 % so với thực hiện năm 2023).

Tuy nhiên chất lượng nhân sự công ty hiện nay chỉ đáp ứng với yêu cầu sản xuất hiện tại. Một số đơn vị chưa phát huy được quyền hạn, trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc phân công đánh giá và trả lương, thưởng, gắn với năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả công tác người lao động.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty tích cực tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn, xóa đói giảm nghèo, xây nhà tình nghĩa và các chương trình vận động khác tại các địa bàn hoạt động của công ty.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.

– Trong năm 2024, HĐQT đã hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật, điều lệ công ty, vượt qua khó khăn thách thức, góp phần đem lại kết quả vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch mà ĐHCĐ đề ra. Các nội dung thuộc trách nhiệm và thẩm quyền HĐQT đã được thực thi nghiêm túc.

– Tổng doanh thu, thu nhập thuần năm 2024 đạt 1,606,630.13 triệu đồng, bằng 106.06% so với kế hoạch năm và bằng 105.32 % so với cùng kỳ;

– Lợi nhuận trước thuế năm 2024 đạt 166,842.55 triệu đồng bằng 102.47% so với kế hoạch năm và bằng 102.60% so với cùng kỳ;

– Lợi nhuận sau thuế năm 2024 đạt 136,374.40 triệu đồng, bằng 101.93% so với kế hoạch năm và bằng 101.96% so với cùng kỳ.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.

– Hội đồng quản trị thực hiện giám sát đối với Giám đốc và các thành viên Ban điều hành thông qua các báo cáo tại các cuộc họp HĐQT định kỳ, các cuộc họp bất thường... về tình hình triển khai thực hiện chiến lược, mục tiêu, nội dung, kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và việc triển khai, tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT.

– Giám đốc và các thành viên ban điều hành đã có nhiều giải pháp tốt để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty; kịp thời ban hành các quy trình, quy định và thực hiện các giải pháp, chính sách thu hút khách hàng sử dụng dịch vụ của công ty; tiếp tục triển khai các giải pháp khoản lương, thưởng

nhằm khuyến khích nâng cao năng suất lao động; chú trọng việc quản lý, quy hoạch bến, bãi để tăng dung lượng chứa container, giảm sản lượng đào chuyển đụn bãi, góp phần giảm chi phí nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho công ty.

– Công tác đầu tư mua sắm được quản lý chặt chẽ và thực hiện đúng quy định của pháp luật.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

– Chỉ đạo Ban điều hành xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 với các chỉ tiêu Doanh thu, thu nhập thuần đạt 106.58%; Lợi nhuận trước thuế đạt 105.13% so với thực hiện năm 2024 cũng như tiếp tục quyết liệt chỉ đạo, triển khai thực hiện kế hoạch sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

– Chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ và năng lực điều hành tại các khu vực hiện hữu; Gia tăng kết nối khách hàng để tăng sản lượng; tích cực bám sát, phối kết hợp với các phòng chức năng của TCT để tiếp thị khách hàng mới về sử dụng dịch vụ của công ty.

– Chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục nghiên cứu đẩy mạnh đầu tư, mở rộng cơ sở hạ tầng để ổn định và phát triển lâu dài, đồng thời có kế hoạch phân kỳ đầu tư cụ thể để đảm bảo tính thực tế của các kế hoạch đầu tư.

– Tiếp tục rà soát, sửa đổi hoàn thiện Điều lệ, các Quy chế, Quy định phù hợp với quy định của Pháp luật. Tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ, coi đây là công cụ quản lý quan trọng công ty.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

- Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Số lượng CP sở hữu/ đại diện	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Lê Hoàng Linh	Chủ tịch HĐQT	22/5/2020	10,858,101	36.00 %
2	Ông Lê Văn Cường	Thành viên HĐQT (Giám đốc)	06/6/2024	3,015,940	10.00 %
3	Ông Hoàng Đức Thịnh	TV HĐQT không điều hành	15/6/2021	1,507,968	5.00 %
4	Ông Ngô Ngọc Khánh	TV HĐQT (Phó giám đốc)	16/6/2022	0	0%
5	Ông Phạm Trung Nghị	TV HĐQT độc lập	16/6/2022	0	0%

Ông Lê Hoàng Linh

Sinh năm 1968

Quốc tịch Việt Nam

Trình độ chuyên môn Kỹ sư Kinh tế VTB, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Thời gian	: Chức vụ
-----------	-----------

12/1991 – 10/1992	Trợ lý Kỹ thuật Khai thác tàu, Phòng Kế hoạch, Tổng Công ty miền Tây, Quân Khu 9.
01/1993 – 08/2006	Nhân viên phòng KHKT, Công ty Tân Cảng Sài Gòn
9/2006 – 3/2007	Trưởng ban Khai thác, phòng KHKT, Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn.
4/2007 – 02/2008	Thành viên HĐQT, Trưởng ban Logistics, Công ty CP Đại lý GNVТ Xếp dỡ Tân Cảng.
3/2008 – 6/2009	Thành viên HĐQT, Phó giám đốc kiêm Trưởng phòng Logistics, Công ty CP Đại lý GNVТ Xếp dỡ Tân Cảng.
7/2009 – 4/2013	Thành viên HĐQT, Phó giám đốc, Công ty CP Đại lý GNVТ Xếp dỡ Tân Cảng.
9/2009 – 8/2011	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vận tải Tân Cảng Số Hai (Nay là Công ty CP Vận tải thủy Tân Cảng).
8/2011 - 8/2012	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Cty CP Vận tải Tân Cảng Số Hai
9/2012 - 2/2016	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP Vận tải thủy Tân Cảng.
3/2016 - 4/2019	Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty CP Vận tải thủy Tân Cảng
5/2019 - 5/2020	Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty CP Cảng Tân Cảng Hiệp Phước
5/2020 – nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đại lý GNVТ Xếp dỡ Tân Cảng.
Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết	Chủ tịch Hội đồng quản trị.
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	- Thành viên HĐQT Công ty CP Tân Cảng Bến Thành. - Thành viên HĐQT Công ty CP Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai

Ông Lê Văn Cường: Xem thông tin ở mục Danh sách Ban điều hành

Ông Hoàng Đức Thịnh

Sinh năm 1974
Quốc tịch Việt Nam
Trình độ chuyên môn Thạc sĩ Quản trị chuỗi cung ứng

Thời gian	: Chức vụ
- 9/2005 – 8/2010	Phó trưởng Terminal Cát lái 3, Phó trưởng Tern B, Phó Trưởng Đội TBSX, Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn;
- 9/2010 – 8/2014	Trưởng Terminal Cát Lái B, Trung tâm Điều độ Cảng Tân Cảng Sài Gòn
- 9/2014 – 1/2020	Phó Giám đốc Trung tâm Điều độ Cảng, Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn
Từ 2/2020 đến nay	Giám đốc Trung tâm Điều độ Cảng, Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn
Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết	Thành viên Hội đồng quản trị

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	- Giám đốc Trung tâm Điều độ Cảng, Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Thành viên HĐQT Công ty CP Cảng Cát Lái
-----------------------------------	---

Ông Ngô Ngọc Khánh: Xem thông tin ở mục Danh sách Ban điều hành

Ông Phạm Trung Nghị

Sinh năm 1978
Quốc tịch Việt Nam
Trình độ chuyên môn Cử nhân Luật, Cử nhân Kinh tế

Thời gian	Chức vụ
2005-2010	Trưởng phòng thẩm định giá, Công ty CP Anh Tuấn Group
2010-2014	Nhân viên Phòng Kinh doanh- Hành chính, Công ty CP Tân Cảng Bến Thành
2014 - nay	Trưởng phòng Tổ chức hành chính, Công ty CP Tân Cảng Bến Thành
Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Trưởng phòng Tổ chức hành chính, Công ty CP Tân Cảng Bến Thành

- Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban, tuy nhiên HĐQT đã phân công Ông Phạm Trung Nghị - thành viên độc lập HĐQT phụ trách vấn đề lương thưởng, nhân sự.

- Hoạt động của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị Công ty tổ chức 19 cuộc họp, duy trì họp thường kỳ mỗi quý một lần, tổ chức họp bất thường khi cần thiết, đảm bảo chương trình, số lượng thành viên dự họp và biểu quyết theo luật định. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2024 cụ thể như sau:

Các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác tham gia các chương trình đào tạo liên quan đến Quản lý doanh nghiệp, Quản lý khai thác cảng ... do TCT Tân Cảng Sài Gòn tổ chức.

Công ty cử đại diện tham dự các buổi Hội thảo, Hội nghị do UBCKNN, SGDCK TP. HCM mời tham dự.

4. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu, các cuộc họp của Ban kiểm soát:

Tính đến 31/12/2024

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Phạm Văn Phụng	Trưởng ban	15/06/2021	4/4	100%
2	Ông Trần Văn Trường	Thành viên	16/6/2022	4/4	100%
3	Bà Lê Thị Kim Chung	Thành viên	15/06/2021	4/4	100%

Ông Phạm Văn Phụng

Sinh năm 1971
 Quốc tịch Việt Nam
 Trình độ chuyên môn Cử nhân Luật

Thời gian	Chức vụ
7/1991- 4/2006	Phòng Quân sự - Bảo vệ, Tổng Công ty Tân cảng Sài Gòn
5/2006 - 8/2019	Phòng Tổ chức lao động - Tiền lương, Tổng Công ty Tân cảng Sài Gòn
9/2019 - nay	Phó trưởng phòng, Phòng Kiểm toán nội bộ, Tổng Công ty Tân cảng Sài Gòn
Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết	Trưởng ban kiểm soát
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	- Phó trưởng phòng, Phòng Kiểm toán nội bộ, Tổng Công ty Tân cảng Sài Gòn - Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Vận Tải Bộ Tân Cảng

Ông Trần Văn Trường

Sinh năm 1979
 Quốc tịch Việt Nam
 Trình độ chuyên môn Cử nhân Luật

Thời gian	Chức vụ
6/2003-12/2004	Chuyên viên phòng tổ chức hành chính- Công ty Gạch ốp lát số 1 – TCT VLXD số 1
01/2005-04/2008	Chuyên viên phòng tổ chức hành chính- Công ty cổ phần Vitaly – TCT VLXD số 1
05/2008 – 06/2015	Nhân viên phòng Tổ chức lao động - Công ty CP Đại lý GNVN Xếp dỡ Tân Cảng
07/2015- 11/2021	Phó trưởng phòng Tổ chức lao động tiền lương - Công ty CP Đại lý GNVN Xếp dỡ Tân Cảng
12/2021- nay	Trưởng phòng Tổ chức lao động tiền lương - Công ty cổ phần Đại lý GNVN Xếp dỡ Tân Cảng
Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không

Bà Lê Thị Kim Chung

Sinh năm 1997
 Quốc tịch Việt Nam
 Trình độ chuyên môn Cử nhân kế toán

Thời gian	Chức vụ
11/2019- nay	Nhân viên kế toán Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn
Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Nhân viên kế toán Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

– Ban kiểm soát cử đại diện tham dự tất cả các cuộc họp của HĐQT và tổ chức họp BKS định kỳ 6 tháng 01 lần, tổ chức họp bất thường khi cần thiết. Năm 2024 Ban kiểm soát đã họp 04 lần. Qua kiểm tra sổ sách, chứng từ kế toán của công ty được tổ chức khoa học, ghi chép rõ ràng, thuận tiện cho việc kiểm tra. Qua kiểm tra sổ sách ghi nhận như sau:

– Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt vai trò giám sát hoạt động của Ban điều hành, đã tổ chức nhiều cuộc họp để kịp thời chỉ đạo định hướng chiến lược hoạt động và hỗ trợ Ban điều hành trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

– Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật trong quản lý điều hành. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định;

– Ban điều hành đã thực hiện tốt công tác dự báo, xây dựng kế hoạch và giám sát chặt chẽ các dự án đầu tư, hạn chế thấp nhất những rủi ro trong hoạt động kinh doanh; xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp với thị trường và điều chỉnh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư cho phù hợp thực tế tình hình sản xuất xuất của đơn vị, góp phần đem lại hiệu quả nhất định;

– Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc nghiêm túc tuân thủ các quy định về công bố thông tin theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

– Đối với cổ đông: Ban kiểm soát công ty không nhận được đơn yêu cầu hay khiếu nại của Cổ đông.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích.

Đơn vị tính: đồng

TT	Họ và tên	Chức danh	Lương	Thưởng	Thù lao	Tổng thu nhập
A Hội đồng quản trị						
1	Ông Lê Hoàng Linh	Chủ tịch HĐQT	1,151,191,276	298,934,831		1,450,126,107
2	Ông Lê Văn Cường	TV. HĐQT (Giám đốc)	1,098,679,653	274,367,568	60,000,000	1,433,047,221
3	Ông Hoàng Đức Thịnh	TV. HĐQT không điều hành		49,814,567	60,000,000	109,814,567
4	Ông Ngô Ngọc Khánh	TV. HĐQT (Phó giám đốc)	389,376,773	80,714,567	60,000,000	530,091,340
5	Ông Phạm Trung Nghị	Thành viên độc lập HĐQT		49,814,567	60,000,000	109,814,567
B Ban giám đốc						
1	Ông Đặng Thanh Sơn	Phó Giám đốc	686,615,729	188,945,660		875,561,388
2	Ông Châu Thanh Hải	Phó Giám đốc	757,941,279	176,733,557		934,674,836
3	Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó Giám đốc	711,971,279	180,433,557		892,404,836
C Ban kiểm soát						
1	Ông Phạm Văn Phương	Trưởng BKS		49,814,567	60,000,000	109,814,567
2	Bà Lê Thị Kim Chung	TV BKS		39,851,653	30,000,000	69,851,653
3	Ông Trần Văn Trường	TV BKS	511,262,805	134,379,353	30,000,000	675,642,157
D TP. TCKT – Kế toán trưởng						
1	Phạm Thị Thu Hà	TP. TCKT – KTT	654,856,877	168,212,622		823,069,499
Tổng			5,961,895,670	1,692,017,069	360,000,000	8,013,912,739

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

STT	Người thực hiện giao dịch	Mối quan hệ với Công ty	Ngày thực hiện giao dịch	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
				Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	AMERICA LLC	Cổ đông lớn	25/04/2024	1,817,700	6.03%	1,803,000	5.98%	bán
2	AMERICA LLC	Cổ đông lớn	06/5/2024	3,023,200	10.02%	3,014,300	9.99%	bán
3	AMERICA LLC	Cổ đông lớn	06/6/2024	2,739,400	9.08%	2,705,200	8.97%	bán
4	AMERICA LLC	Cổ đông lớn	18/6/2024	2,427,200	8.05%	2,388,400	7.92%	bán
5	AMERICA LLC	Cổ đông lớn	26/6/2024	2,123,700	7.04%	2,108,700	6.99%	bán
6	AMERICA LLC	Cổ đông lớn	26/7/2024	1,810,200	6.002%	1,775,000	5.886%	bán
7	AMERICA LLC	Cổ đông lớn	12/12/2024	1,561,600	5.03%	1,505,100	4.99%	bán

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có.

Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với công ty mẹ (cổ đông lớn), công ty con

và các công ty mà thành viên HĐQT, thành Ban Kiểm soát, Giám đốc điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây như sau:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)
1	Công ty CP Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	Ông Lê Hoàng Linh là TV. HĐQT	Nghị quyết số 1002/NQ-HĐQT ngày 27/12/2023 của HĐQT Công ty;
2	Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	Ông Lê Văn Cường, Ông Ngô Ngọc Khánh là thành viên HĐQT.	Nghị quyết số 1002/NQ-HĐQT ngày 27/12/2023 của HĐQT Công ty;
3	Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	Ông Lê Hoàng Linh, Ông Lê Văn Cường là TV. HĐQT	Nghị quyết số 1002/NQ-HĐQT ngày 27/12/2023 của HĐQT Công ty;
4	Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn	Ông Lê Văn Cường, Ông Ngô Ngọc Khánh là thành viên HĐQT.	Nghị quyết số 1002/NQ-HĐQT ngày 27/12/2023 của HĐQT Công ty;
5	Công ty Cổ phần Tân Cảng Phú Hữu	Ông Ngô Ngọc Khánh là thành viên HĐQT trong thời gian 03 năm trở lại đây	Nghị quyết số 1002/NQ-HĐQT ngày 27/12/2023 của HĐQT Công ty;

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính: Đính kèm.

Thủ Đức, ngày 24 tháng 3 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Công bố thông tin;
- Đăng website Cty;
- Lưu: VT, ĐTPC; TA 05.



Lê Văn Cường

No.: 141/BC-TCL

Thu Duc, on March 24, 2025

ANNUAL REPORT 2024

I. General information

1. Overview information

- Trading name: TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

- English name: TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

- Business Registration Certificate: No. 0304875444, initially registered on March 8, 2007, and revised for the 12th time on March 8, 2021, issued by the Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment.

- Charter capital: 301,584,360,000 VND.

- Owner's investment capital: 301,584,360,000 VND.

- Địa chỉ: Address: 470 Dong Van Cong Street, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City.

- Phone: 028.73073979

- Fax: 028.37423027

- Website: <http://tancanglogistics.com>

- Stock code: TCL

- Company logo:



- Formation and development process.

- ✓ **In 2006 (Predecessor):** Tan Cang Logistics and Stevedoring Enterprise was established under Decision No. 82/2006/QD-BQP.
- ✓ **In 2007:** Tan Cang Logistics and Stevedoring Joint Stock Company was established under Business Registration Certificate No. 4103006182 on March 8, 2007; the company also invested in Tan Cang Agency and Service Joint Stock Company No. 1, which is now Tan Cang Road Transport Joint Stock Company.

✓ **In 2008:** Officially launched Customs Brokerage Services.

✓ **In 2009:** Listed 17,000,000 shares on the Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE) under Stock Code TCL, as per Decision No. 160/QD-SGDHCM on December 11, 2009 and The first trading session was on December 24, 2009; invested in Tan Cang Transport Joint Stock Company No. 2, now Tan Cang Waterway Transport Joint Stock Company.

✓ **In 2010:** Increased charter capital to 186,999,050,000 VND through 1,700,000 bonus shares for existing shareholders. Invested in Tan Cang Ben Thanh Corporation.

✓ **In 2011:** Increased charter capital to 209,438,930,000 VND by issuing 6,300,000 public shares. Opened Tan Cang - Nhon Trach Bulk Cargo Loading and Unloading Terminal at Naval Base 696, under Naval Region 2.

✓ **In 2012:** Invested in an empty container yard, upgraded container handling facilities, added four conveyor belts and two mobile cranes, and divested all shares from Tan Cang Transport Joint Stock Company No. 2.

✓ **In 2013:** Restructured capital in Hai Phong - 128 Tan Cang Joint Stock Company and invested in Tan Cang Maritime Transport Services Joint Stock Company. Also divested from Tan Cang Agency and Service Joint Stock Company No. 1.

✓ **In 2014:** Transferred Depot 9 land to the Vietnam People's Navy, invested in a container ship (Tan Cang Pioneer) for leasing to Tan Cang Maritime Transport Joint Stock Company, launched Tan Cang My Thuy Depot, and expanded empty container operations.

✓ **In 2015:** Invested in Tan Cang Logistics - Dong Nai Joint Stock Company, launched KE 03 crane operations at Barge Terminal 125, opened Tan Cang - Nhon Trach warehouse, and sold Tan Cang Pioneer ship to Tan Cang Maritime Transport Joint Stock Company.

✓ **In 2016:** Disclosed the Decision to establish a Customs clearance location at Tan Cang Nhon Trach.

✓ **In 2017:** Divested from Tan Cang Maritime Transport Joint Stock Company, and established Task Force 2 under Nhon Trach Customs Branch, operating at Tan Cang - Nhon Trach ICD.

✓ **In 2018:** Put the 12-storey office building (TCL Building) on Dong Van Cong Street - District 2 into operation; invested in building an additional 5,000 m² of warehouse at ICD Tan Cang Nhon Trach, increasing the total warehouse area at ICD Tan Cang Nhon Trach to 8,000 m², ICD Tan Cang Nhon Trach gradually received SNPL's goods and services in the Nhon Trach market.

✓ **In 2019:** Increased charter capital to 301,584,360,000 VND through the issuance of 9,214,543 bonus shares. Restructured Tan Cang Logistics - Dong Nai Joint Stock Company, raising its charter capital from 20 billion VND to 45 billion VND, with TCL's ownership increasing from 20% to 51%. Launched cold cargo stuffing services at Tan Cang My Thuy Depot.

✓ **In 2020:** Opened Tan Cang My Thuy 2 Depot in January 2020, expanded Tan Cang My Thuy Depot from 11ha to 12.6ha, and increased IMDG (hazardous cargo) area from 3.4ha to 5.2ha.

✓ **In 2021:** Launched reefer container services for SITC shipping line at Tan Cang - Nhon Trach ICD and centralized hazardous cargo handling at Tan Cang - Cat Lai Port.

✓ **In 2022:** Opened empty container transfer services from Cai Mep to Tan Cang - Nhon Trach ICD and provided logistics services for Maersk Line in Dong Nai, Binh Duong, and Ba Ria - Vung Tau.

✓ **In 2023:** Expanded Tan Cang My Thuy 2 Depot and launched Tan Cang - Tan Van Depot in Di An, Binh Duong.

✓ **In 2024:** Relocated IMDG container handling operations from Tan Cang - Cat Lai Port to Barge Terminal 125 and launched cargo delivery services at Tan Cang - Nhon Trach ICD from July 1, 2024, ensuring safety and efficiency.

- Achievements in 2024:

The company successfully achieved and exceeded its 2024 business targets. Investment, capital management, and state-owned capital utilization in subsidiaries and affiliates were efficient, with high dividend payouts.

Introduced online cargo registration, electronic payments, and electronic delivery orders eDO via Eport at Tan Cang - Nhon Trach ICD.

Tan Cang - Tan Van Depot in Binh Duong has been operating stably, attracting two additional shipping lines, thereby expanding TCL's presence in Binh Duong Province.

2. Business lines and locations:

➤ **Container handling**

- Modern specialized machinery and equipment.
- Average output of about 200,000 Teus/month.
- Location: Tan Cang Cat Lai Port, Tan Cang Nhon Trach ICD...

➤ **Port/ICD exploitation**

- Tan Cang Nhon Trach ICD (Dong Nai)

Exploitation area: 145,000 m²

Wharf length: 320 m

- Tan Cang 128 Hai Phong Port (Hai Phong)

Exploitation area: 200,000 m².

Wharf length: 450 m

➤ **Multimodal transportation services**

- Transport by tractor and barge.

Location: Ho Chi Minh City, Dong Nai and neighboring provinces.

➤ **Stuffing and un-stuffing services**

- 125 Cat Lai stuffing and un-stuffing terminal.

Exploitation area: 15,000 m².

Stuffing and un-stuffing capacity: 350 containers/day and night.

- Tan Cang Nhon Trach ICD rice stuffing terminal.

Exploitation area: 12,000 m².

Stuffing/un-stuffing capacity: 150 containers/day and night.

- Stuffing and un-stuffing refrigerated containers at Tan Cang My Thuy Depot.

Exploitation area: 5,000 m².

Stuffing/un-stuffing capacity: 100 containers/day and night.

Location: Dong Nai, Ho Chi Minh City.

➤ **Depot exploitation business**

Total exploitation area of the yard is over 300,000 m².

Design capacity is about 30,000 Teus.

Location: Tan Cang Cat Lai Port and neighboring areas of Ho Chi Minh City.

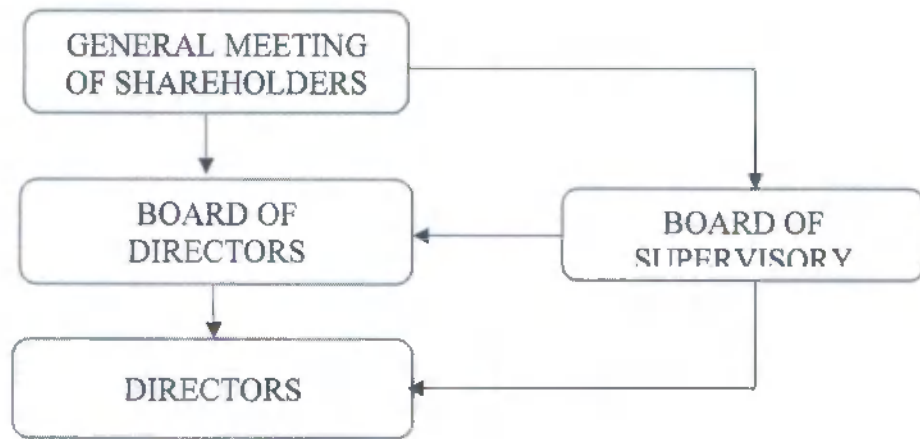
➤ **Office leasing service**

Location: TCL Building, 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City.

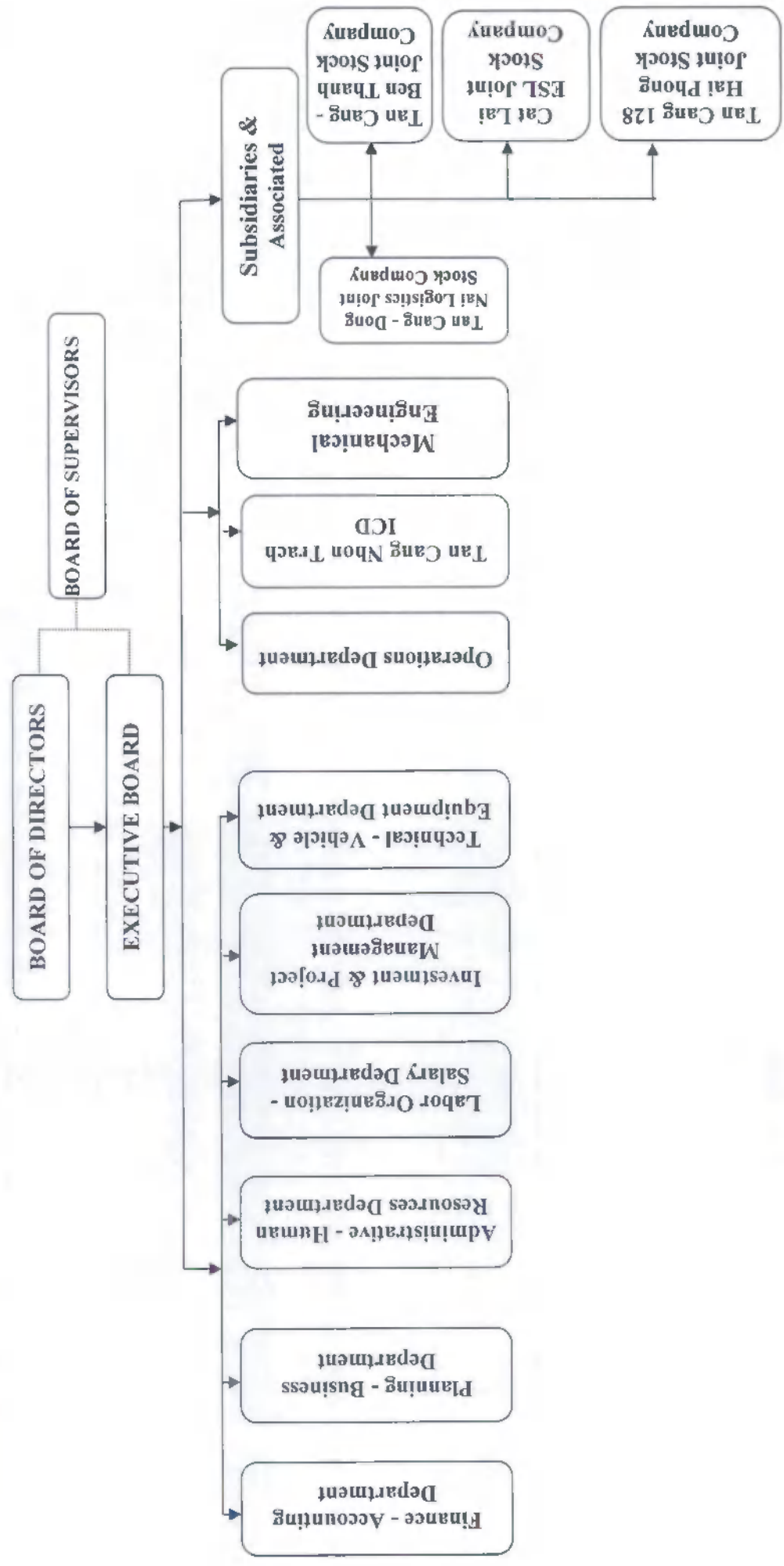
Total floor area: 9,500 m² (11 floors) and office service area of 5,900 m².

3. Information on governance model, business organization and management apparatus

- Governance model: According to Point a Clause 1 Article 137 of the Enterprise Law 2020.



- Management structure.



- Subsidiaries, Associated Companies:

Subsidiaries

Dong Nai Newport Logistics Joint Stock Company

- Address: Hamlet 3, Phu Thanh Commune, Nhon Trach District, Dong Nai Province.
- Phone: (028) 3897 6794 Fax: (028) 3897 6794
- Business Registration Number: 3603266982, issued by the Department of Planning and Investment of Dong Nai Province on March 5, 2015.
- Charter Capital: 45 billion VND (as of December 31, 2024).
- TCL's Ownership Ratio: 51% (as of December 31, 2024).
- Business activities: Transport-related support services, import-export freight forwarding, maritime transport agency, logistics services, customs brokerage, maritime brokerage, and other transport-related support services, etc.
- Revenue & Net Income 2024: 100.86 billion VND.
- Net Profit After Tax: VND 0.34 billion, EPS: 72 VND/share.

Associated Companies

Tan Cang - Ben Thanh Joint Stock Company

- Address: 1295B Nguyen Thi Dinh Street, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City.
- Phone: (028) 6682 2566 Fax: (028) 3742 5341
- Business Registration Number: 0310151577, issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on July 12, 2010.
- Charter Capital: 150 billion VND (as of December 31, 2024).
- TCL's Ownership Ratio: 36% (as of December 31, 2024).
- Business Activities: Cargo handling, other transport-related support services, warehousing.
- Revenue & Net Income 2024: 504.53 billion VND.
- Net Profit After Tax: 52.86 billion VND, EPS: 3,161 VND/share.

Cat Lai - Eastern Saigon Joint Stock Company

- Address: 938/180 Nguyen Thi Dinh Street, KP3, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City.
- Phone: 0838976794 Fax: 0838976794
- Business Registration Number: 0314745980, issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on November 20, 2017.
- Charter Capital: 50 billion VND (as of December 31, 2024).
- TCL's Ownership Ratio: 20% (as of December 31, 2024).
- Business Activities: Port operation, other transport-related support services.
- Revenue & Net Income 2024: 393.37 billion VND.

- Net Profit After Tax: 5.86 billion VND, EPS: 1,286 VND /share.

Hai Phong - 128 Tan Cang Joint Stock Company

- Address: Ha Doan, Dong Hai 2 Ward, Hai An District, Hai Phong City.
- Phone: 022253769686 Fax: 0313269686
- Business Registration Number: 0201183522, issued by the Department of Planning and Investment of Hai Phong City on June 24, 2011.
- Charter Capital: 92 billion VND (as of December 31, 2024).
- TCL's Ownership Ratio: 36% (as of December 31, 2024).
- Business Activities: Cargo handling, warehousing and storage, other transport-related support services.
- Revenue & Net Income 2024: 200.25 billion VND.
- Net Profit After Tax: (5.93) billion VND.

4. Development orientation

- Main objectives of the Company.

Continue to maintain effective operations in all areas and business lines of the Company; implement according to the established 2025 plan; build the Company into a strong, sustainable unit with a prestigious brand in the domestic and regional markets.

Continue to develop value-added services, Tan Cang Nhon Trach ICD in the direction of being faster, stronger, more complete and more effective associated with port exploitation services, logistics services; promote the connection strengths and resources of the facilities to expand the market, customers, market share, focusing on large, traditional customers. Promote the development of the warehouse system at Tan Cang Nhon Trach ICD.

Beyond improving existing business facilities, the company actively seeks new, sustainable, and long-term business opportunities. It aims to assess market demand for future infrastructure investments, particularly in areas adjacent to Cat Lai, Binh Duong, Dong Nai, Cai Mep - Thi Vai, and key logistics hubs in Southern Vietnam (Ho Chi Minh City, Dong Nai, Binh Duong, etc.).

Focus on implementing research on infrastructure investment in the Cai Mep - BRVT area for long-term stable development, the lease term affects the quality of services, investment and long-term plans.

Improve management capacity, transparent and effective financial work in accordance with the actual situation of the company, ensuring effective use of capital.

Strengthen market marketing, build a quality sales team; standardize the system of processes; promote digital management, develop "green ports" in the company's operating areas.

- Medium and long-term development strategy.

Focus on developing core, spearhead and strong industries of the company such as port exploitation, warehouses and ancillary services for port exploitation activities. Investment projects must have long-term lease and cooperation periods, ensuring efficiency and sustainable development.

+ Key projects:

✓ Warehouse project at ICD Tan Cang Nhon Trach.

✓ 8.8ha Cat Lai port project.

✓ Container warehouse project in Binh Duong to implement the empty strategy under the SNP brand.

- Sustainable development goals

• Environmental goals

The company always focuses on environmental protection, the Party Committee and the Board of Directors of the company regularly direct the Youth Union to launch movements to clean up areas managed by the company to create a green, clean and beautiful environment.

Fire fighting and prevention work is focused on and is regularly trained and drilled periodically and by topic, in order to protect the safety of both goods and people.

The company continues its policy of building a stable and high-quality workforce, regularly organizing professional training, training and retraining to suit production practices; Assigning work according to each person's capacity and qualifications; regularly reviewing existing labor to adjust, distribute and use it reasonably.

• Goals for society and the community

Along with expanding production and business such as expanding container yards, investing in projects, joint ventures, and corporate partnerships that have created more jobs for society, the company always maintains activities of gratitude, remembering the source of drinking water, eliminating hunger and reducing poverty, building charity houses, in order to enhance the spirit of mutual love of employees with society and the community, while maintaining and promoting the good traditions of the company.

5. Risks

In business operations, risk factors always exist and may impact the company's development goals. Therefore, the company has identified key risks and continuously updates and expands its risk management list to implement effective mitigation strategies.

Risks	Risk Management Measures
Loss of Customers	- Maintain strong relationships and regular communication with

	<p>customers/shipping lines to promptly update changes in customer needs;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Review market price levels to have appropriate price increases/decreases in each period; - Continuously improve processes and develop service solutions to best meet customer demands; - Analyze and evaluate the causes of customer loss (if any) to improve retention strategies for existing and potential customers.
Changes in Government Regulations and Policies	<ul style="list-style-type: none"> - Timely update and disseminate government regulations and policies; - Assign staff to attend training sessions on Laws, Agreements, etc, understand and properly and flexibly implement regulations and policies, proactively adjust company policies to align with new regulations.
Environmental risks (natural disasters, floods, fires, epidemics)	<ul style="list-style-type: none"> - Timely update changes in the environment, climate, weather, epidemic situation to develop timely response plans; - Conduct regular inspections of safety equipment, fire prevention systems, electrical and water systems, and ensure compliance with security and labor safety regulations; - Strictly comply with all regulations on Fire Prevention and Environmental Protection; regularly coordinate with agencies and departments to develop Fire Prevention and Environmental Protection plans and organize periodic drills of hypothetical situations; - Sign contracts for appropriate insurance products.
Changes in exchange rates and interest rates.	<ul style="list-style-type: none"> - Regularly and promptly update new policies and regulations; - Develop contingency plans for changes in foreign exchange rates and interest rates; - Assign personnel to attend training programs on financial policies and risk management.
Debt collection, ensuring cash flow	<ul style="list-style-type: none"> - Quickly complete payment documents to speed up the process of invoicing customers; - Track, update, and supervise customer debt and payments according to regulations; - Strictly and specifically regulate with suppliers on payment deadlines after receiving a complete set of payment documents; Plan appropriate collection and payment to always proactively manage cash flow.

II. Business performance in the year

1. Business and financial performance

a) Financial performance.

Production and business performances in 2024: Total revenue and net income reached 1,606,630.13 million VND, equal to 106.06% of the annual plan

and 105.32% over the same period; Profit before tax reached 166,842.55 million VND, equal to 102.47% of the annual plan and 102.60% over the same period; Profit after tax reached 136,374.40 million VND, equal to 101.93% of the annual plan and 101.96% over the same period.

Unit: VND

No.	Indicator	Planned 2024	Implementation in 2024	% vs. Plan	% vs. Previous Year
1	Total Revenue & Net Income	1,514,885.32	1,606,630.13	106.06%	105.32%
2	Total Pre-tax Profit	162,826.80	166,842.55	102.47%	102.60%
3	After-tax Profit	133,785.94	136,374.40	101.93%	101.96%

2. Organization and human resources

- Management Board list:

As of December 31, 2024

No.	Member	Position	Shares Owned	Ownership Percentage
1	Le Van Cuong	Director	04	0%
2	Ngo Ngoc Khanh	Deputy Director	0	0%
3	Chau Thanh Hai	Deputy Director	01	0%
4	Nguyen Van Hoa	Deputy Director	0	0%
5	Pham Thi Thu Ha	Chief Accountant	0	0%

- Summary of CV and voting shareholding ratio of the Management Board:

Mr. Le Van Cuong

Born in 1978

Nationality Vietnamese

Professional qualification Master's degree in Business Administration

Period	Position
6/2003 - 3/2007	Employee of Saigon Newport Corporation
4/2007 - 12/2008	Employee of Tan Cang Logistics And Stevedoring Joint Stock Company
1/2009 - 8/2009	Head of External Marketing Department of Tan Cang Logistics And Stevedoring Joint Stock Company
9/2009 - 12/2009	Head of External Forwarder Department of Tan Cang Logistics And Stevedoring Joint Stock Company
1/2010- 3/2015	Director of Tan Cang Ben Thanh Corporation

3/2015-02/2020	Director of Tan Cang Ben Thanh Corporation; Deputy Director of Tan Cang Logistics And Stevedoring Joint Stock Company
02/2020 - present	Director of Tan Cang Logistics And Stevedoring Joint Stock Company
Current position at listed organization	- Director - Member of Board of Directors
Current position at other organizations	- Member of Board of Directors of Tan Cang Ben Thanh Corporation

Ngo Ngoc Khanh

Born in 1991
Nationality Vietnamese
Professional qualification Master's degree in Business Administration

Period	Position
06/2013-12/2013	Staff of Market Department – Tan Cang Logistics Center
09/2016-08/2017	Deputy Head of Planning & Business Department of Tan Cang-Cai Mep Thi Vai One Member Limited Liability Company
08/2017-06/2019	Head of General Planning Department, Planning & Business Department – Saigon Newport Corporation
06/2019-10/2021	Head of Planning & Business Department, Tan Cang Logistics And Stevedoring Joint Stock Company
10/2021- 02/2024	Deputy head of Planning & Business Department Saigon Newport Corporation
02/2024 - present	Deputy Director Tan Cang Logistics And Stevedoring Joint Stock Company
Current position at listed organization	- Board Member - Deputy Director
Current position at other organizations	- Chairman of the Board of Hai Phong - 128 Tan Cang Joint Stock Company - Board Member of Cat Lai - Eastern Sai Gon Joint Stock Company

Mr. Chau Thanh Hai

Born in 1979
Nationality Vietnamese
Professional qualification: Master's Degree in Business Administration

Period	Position
04/2004 - 04/2006	Dispatch Center Staff, Tan Cang Saigon Company
04/2006 - 06/2006	Deputy Head of Mechanical Team 2, Tan Cang Mechanical Stevedoring Enterprise, Tan Cang Saigon Company
06/2006 - 03/2008	Deputy Head of Road Transport Stevedoring Mechanical

	Team, Tan Cang Stevedoring Agency Enterprise, Tan Cang Saigon Company
03/2008 - 06/2010	Deputy Head of Logistics Department, Tan Cang Logistics And Stevedoring Joint Stock Company
06/2010 - 12/2010	Deputy Head of External Logistics Department, Tan Cang Logistics And Stevedoring Joint Stock Company
01/2011 - 03/2011	Deputy Director of Logistics Center, Tan Cang Logistics And Stevedoring Joint Stock Company
03/2011 - 12/2013	Director of Logistics Center Tan Cang Logistics And Stevedoring Joint Stock Company
12/2013 - 05/2014	Deputy Head of Customer Service Department, Tan Cang Logistics Service Center, Saigon Newport Corporation
05/2014 - 02/2015	Head of Customer Service Department, Tan Cang Logistics Service Center, Saigon Newport Corporation
02/2015 - 02/2021	Director of Dong Nai Newport Logistics Joint Stock Company
02/2021 - present	Director of Dong Nai Newport Logistics Joint Stock Company; Deputy Director of Tan Cang Logistics And Stevedoring Joint Stock Company
Current position at listed organization	Deputy Director
Current position at other organizations	Board Member - Director of Dong Nai Newport Logistics Joint Stock Company

Mr. Nguyen Van Hoa

Born in 1984

Nationality Vietnamese

Professional qualification: Bachelor's Degree in Maritime Safety

Period	Position
07/2008 – 06/2013	Construction Supervision Officer, Construction Management Department, Saigon Newport Corporation
07/2013 – 01/2019	Head of Construction Supervision, Construction Management Department, Saigon Newport Corporation
02/2019 – 12/2019	Deputy Director, Tan Cang First Construction Joint Stock Company
01/2020 – 10/2021	Director, Tan Cang First Construction Joint Stock Company
11/2021 - present	Deputy Director of Tan Cang Logistics And Stevedoring Joint Stock Company
Current position at listed organization	Deputy Director
Current position at other organizations	Chairman of the Board - Dong Nai Newport Logistics Joint Stock Company

Ms. Pham Thi Thu Ha

Born in 1978
 Nationality Vietnamese
 Professional qualification: Bachelor's Degree in Economics

Period	Position
7/2000 - 6/2001	Accountant – Warehousing Enterprise, Saigon Newport Corporation
6/2001 - 10/2007	Accountant – Finance Department, Saigon Newport Corporation
10/2007 - 4/2008	General Accountant – Cat Lai Port Joint Stock Company
4/2008 - 11/2019	Chief Accountant, Head of Finance Department – Tan Cang Technical Services Joint Stock Company
11/2019 - present	Chief Accountant, Head of Finance and Accounting Department – Tan Cang Logistics And Stevedoring Joint Stock Company
Current position at listed organization	Chief Accountant
Current position at other organizations	Member of the Supervisory Board – Cat Lai - Eastern Sai Gon Joint Stock Company Member of the Supervisory Board – Dong Nai Newport Logistics Joint Stock Company Member of the Supervisory Board – Tan Cang Ben Thanh Corporation

- Changes in the Management Board:*As of December 31, 2024*

No.	Full name	Position	Appointment Date	Dismissal Date
1	Ngo Ngoc Khanh	Deputy Director	19/02/2024	
2	Dang Thanh Son	Deputy Director	18/7/2017	07/11/2024

- Quantity of Employees.*As of December 31, 2024*

No.	Classification	Quantity (person)	Percentage (%)
I	By Qualification		
1	Post-graduate level	23	8.01
2	Bachelor's level	155	54
3	College level	17	5.92
4	Others	92	32.06
II	By Employment Contract Type		
1	Officers, professional soldiers, and civil servants	18	6
2	Indefinite-term contract	237	83
3	Fixed-term contract	32	11
III	By Gender		
1	Male	202	70
2	Female	85	30

- As of the end of 2024, the total number of employees in the company is 287. The average salary in 2024 is 28.5 million VND per person per month, achieving 102.9% of the target. The average income in 2024 is 32.9 million VND per person per month, achieving 102.6% of the target.

Employee Policies

Working Hours:

- The company operates 40 hours per week. Shift work applies to direct labor employees (production units). Regular office hours apply to indirect labor employees (office staff).

Work Schedule:

- For employees working regular office hours: Morning start 07:30 AM to 11:30 AM; Afternoon start 01:00 PM to 05:00 PM.

- For direct production workers: Shift supervisors set work schedules based on actual operational needs.

- **Break Time Between Shifts:**

- Shift 1: 11:30 AM – 12:30 PM

- Shift 2: 06:30 PM – 07:00 PM

- Shift 3: 11:00 PM – 12:30 AM

- Break time is included in working hours for employees working a continuous 8-hour shift:

- 30 minutes for Shift 1 & Shift 2

- 45 minutes for Shift 3.

Holidays:

- New Year's Day: 1 day (January 1)

- Lunar New Year (Tet): 5 days (last two days of the lunar year + first three days of the new lunar year)

- Hung Kings' Commemoration Day: 1 day (March 10, Lunar Calendar)

- Reunification Day: 1 day (April 30)

- International Labor Day: 1 day (May 1)

- National Day: 2 days (September 2 and either the day before or after)

Maternity Leave Policy: Employees of the company are entitled to maternity leave as per the Labor Code, which allows for a six-month leave period with six months of salary, calculated based on the social insurance contributions and paid by Social Insurance in accordance with regulations, additionally, employees receive an extra childcare allowance of VND 3 million per month, (based on actual leave duration, but not exceeding the statutory period set by the Labor Code).

Working Conditions: Office and workshop environments are spacious and well-ventilated. For direct labor workers, the company fully provides necessary protective equipment and ensures compliance with occupational safety and hygiene regulations, strict adherence to labor safety principles is maintained across all operations.

3. Investment Situation and Project Implementation

In 2024, investment reached more than 9.6 billion VND, equal to 48.48% compared to the annual plan. The reason is that the Cat Lai Port 6+1 crane procurement project has slow investment progress, the process of implementing investment preparation work, and strict and detailed appraisal procedures, so the project is prolonged.

b) Subsidiaries and Associate Companies:

Subsidiaries and Associate Companies	Investment value (VND)	Ownership percentage	Change during the year
Tan Cang Ben Thanh Corporation	54,000,000,000	36%	0
Hai Phong - 128 Tan Cang Joint Stock Company	33,120,000,000	36%	0
Dong Nai Newport Logistics Joint Stock Company	21,440,000,000	51%	0
Cat Lai - Eastern Sai Gon Joint Stock Company	10,000,000,000	20%	0
Total	118,560,000,000		0

Tan Cang Ben Thanh Corporation:

Revenue, net income 2024: 504.53 billion VND, profit after tax: 52.86 billion VND, EPS: 3.161 VND/share.

Hai Phong - 128 Tan Cang Joint Stock Company

Revenue, net income 2024: 200.25 billion VND, profit after tax: (5.93) billion VND.

Dong Nai Newport Logistics Joint Stock Company

Revenue, net income 2024: 100.86 billion VND, profit after tax: 0.34 billion VND, EPS: 72 VND/share.

Cat Lai - Eastern Sai Gon Joint Stock Company

Revenue, net income 2024: 393.37 billion VND, profit after tax: 5.86 billion VND, EPS: 1,286 VND/share.

4. Financial situation

a) Financial situation

The total consolidated net revenue in 2024 reached 1,631,183.62 million VND, an increase of 106.65% compared to 2023; The consolidated profit before tax in 2024 reached 177,016.06 million VND, an increase of 107.86% compared to 2023; The consolidated profit after tax in 2024 reached 146,228.00 million VND, an increase of 108.78% compared to 2023; The Earnings Per Share in 2024 reached 4,067 VND/share, an increase of 110.82% compared to 2023.

Unit: Million VND

Consolidated Indicators	In 2023	In 2024	% Increase/Decrease
Total assets value:	940,482.30	1,110,636.38	118.09%
Net revenue:	1,529,415.51	1,631,183.62	106.65%
Operating profit:	162,094.38	177,177.67	109.31%
Other profit:	2,026.93	(161.61)	-7.97%
Profit before tax:	164,121.31	177,016.06	107.86%
Profit after tax:	134,421.32	146,228.00	108.78%
Earnings per share (VND)	3,670.00	4,067.00	110.82%

Parent company report figures: The total net revenue in 2024 reached 1,580,861.35 million VND, an increase of 106.03% compared to 2023. The profit before tax in 2024 reached 166,842.55 million VND, an increase of 102.60% compared to 2023. The profit after tax in 2024 reached 136,374.40 million VND, an increase of 101.96% compared to 2023.

Unit: Million VND

Parent Company Indicators	In 2023	In 2024	% Increase/Decrease
Total assets value:	904,749.87	1,059,363.15	117.09%
Net revenue:	1,490,904.60	1,580,861.35	106.03%
Operating profit:	160,519.19	166,859.02	103.95%
Other profit:	2,096.93	(16.47)	-0.79%
Profit before tax:	162,616.12	166,842.55	102.60%
Profit after tax:	133,757.27	136,374.40	101.96%

b) Key Financial Indicators

Consolidated report figures:

Consolidated Indicators	Unit	In 2023	In 2024
<i>1. Liquidity Ratios</i>	Times		
+ Current Ratio: Current Assets / Short-term Liabilities		1.64	1.57
+ Quick Ratio: Current Assets - Inventory / Short-term Liabilities		1.60	1.54

<i>2. Capital Structure Ratios</i>	Times		
+ Debt/Total Assets Ratio		0.36	0.41
+ Debt/Equity Ratio		0.57	0.71
<i>3. Activity Ratios</i>			
+ Inventory Turnover: Cost Of Goods Sold / Average Inventory		115.89	106.31
+ Total Asset Turnover: Net Revenue / Average Total Assets		1.74	1.59
<i>4. Profitability Ratios</i>	Times		
+ Net Profit After Tax/Net Revenue Ratio		0.09	0.09
+ Net Profit After Tax/Equity Ratio		0.22	0.22
+ Net Profit After Tax/Total Assets Ratio		0.14	0.13
+ Operating Profit/Net Revenue Ratio		0.11	0.11

Parent company report figures:

Parent Company Indicators	Unit	In 2023	In 2024
<i>1. Liquidity Ratios</i>	Times		
+ Current Ratio: Current Assets / Short-term Liabilities		1.49	1.47
+ Quick Ratio: Current Assets - Inventory / Short-term Liabilities		1.46	1.44
<i>2. Capital Structure Ratios</i>	Times		
+ Debt/Total Assets Ratio		0.39	0.44
+ Debt/Equity Ratio		0.64	0.79
<i>3. Activity Ratios</i>	Times		
+ Inventory Turnover: Cost Of Goods Sold / Average Inventory		113.00	102.87
+ Total Asset Turnover: Net Revenue / Average Total Assets		1.77	1.61
<i>4. Profitability Ratios</i>	Times		
+ Net Profit After Tax/Net Revenue Ratio		0.09	0.09
+ Net Profit After Tax/Equity Ratio		0.24	0.23
+ Net Profit After Tax/Total Assets Ratio		0.15	0.13
+ Operating Profit/Net Revenue Ratio		0.11	0.11

5. Shareholder structure and changes in owner's equity

a) Shares

As of December 31, 2024

No.	Description	Quantity (Shares)	Notes
1	Outstanding Shares	30,158,436	Common shares
a	Freely Transferable Shares	30,158,436	
b	Restricted Shares	0	

b) Shareholder Structure

According to the list as of March 3, 2025

No.	Shareholder Type	Number of Shareholders	Number of Shares	Value (Million VND)	Ownership/ Charter Capital (%)
I	Domestic Shareholders	3,419	28,307,302	283,073.02	93.86
1	State Shareholders	01	15,381,273	153,812.73	51.00
2	Institutional Shareholders	22	254,021	2,540.21	0.84
3	Individual Shareholders	3,396	12,672,008	126,720.08	42.08
II	Foreign Shareholders	116	1,851,134	18,511.34	6.14
1	Individuals	97	327,463	3,274.63	1.09
2	Institutions	19	1,523,671	15,236.71	5.05
III	Treasury Shares	0	0	0	0
Total		3,535	30,158,436	301,584.36	100

- List of major shareholders:

No.	Shareholder Name	Quantity (Shares)	Ownership (%)
1	Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	15,381,273	51.00%

- Maximum foreign ownership ratio: 49%

c) Changes in Owner's Equity: No changes in 2024.

d) Treasury Share Transactions: No treasury share transactions in 2024.

e) Other Securities: No other securities transactions in 2024.

6. Company's Environmental and Social Impact Report

6.1. Environmental impact:

With its business characteristics in logistics, port operations, transportation, and other related supporting services, the Company utilizes a diverse range of specialized equipment in its operations. To operate these types of equipment, the primary energy sources used are electricity and fuel. The Company has utilized these energy sources efficiently and cost-effectively, in alignment with its business scale: cost of goods sold, selling expenses, and administrative expenses.

Initiatives and Measures to reduce greenhouse gas emissions: The Company has transitioned some fuel-powered vehicles to electric ones; switched to energy-efficient lighting, implemented waste management measures to reduce solid waste generation, and signed contracts with authorized waste treatment units in compliance with regulations; additionally, the Company organizes an annual tree-planting event.

6.2. Energy consumption:

To support business operations in 2024, the Company consumed 1,597,394,859 kWh of electricity and 1,006,907 liters of diesel fuel. Aware that the long-term use of fuel can release harmful emissions and negatively impact the environment, the Company continuously reviews its energy consumption to ensure efficiency and minimize fuel and resource wastage.

6.3. Water consumption:

TCL's water consumption supports office activities and business operations. Additionally, industrial sanitation at ports and warehouses is handled by environmental service providers in compliance with legal regulations. In 2024, TCL's total water consumption was 74,583,159 m³.

6.4. Compliance with environmental protection laws

The Company strictly complies with environmental protection regulations. In 2023, the Company was not subject to any penalties for non-compliance with environmental laws and regulations.

6.5. Labor-Related Policies

a) Number of employees and average salary.

As of December 31, 2024

No.	Year	Total number of employees (Person)	Average Income (Million VND/Person/Month)
1	2017	288	20.4
2	2018	288	22.4
3	2019	296	24.1
4	2020	301	24.5
5	2021	304	25.4
6	2022	295	29.8
7	2023	295	31.5
8	2024	287	32.9

b) Labor policies to ensure employee health, safety, and welfare.

As of the end of 2024, the Company had a total workforce of 287 employees. The average salary of employees in 2024 was 28.5 million VND/person/month, reaching 102.9% of the plan. The average income, including bonuses and other benefits, was 32.9 million VND per person per month, achieving 102.6% of the plan.

The Company provides a professional, civilized, and respectful working environment, ensuring employees have opportunities for continuous learning and professional development.

c) Employee training activities.

All newly recruited employees undergo training programs to familiarize themselves with the company's organization and service operation processes. Additionally, employees are encouraged to develop their personal capabilities and participate in relevant courses and training programs to enhance their professional skills.

In 2024, the company organized multiple training and skill development programs to support employees in meeting job requirements and advancing their careers.

The Company emphasizes retraining programs to ensure smooth job reallocation when necessary. Additionally, it collaborates with relevant units to provide specialized training for employees, such as IMDG International Maritime Dangerous Goods (IMDG) training for hazardous cargo handling and IICL certification for Maintenance and Repair personnel, ensuring they meet the operational demands of the Company's service offerings.

The Company, collaboration with the Parent Corporation, has organized various training and development programs, with a total of over 262 training sessions/employee. In addition to general training programs, the Company has a financial support policy to encourage employees to voluntarily enroll in courses to enhance their professional skills and foreign language proficiency.

The total cost for employee training and development in 2024 was 701.7 million VND, (In which Saigon Newport Corporation - the parent company supported for training and developing TCL employees: 350.9 million VND).

6.6. Report on corporate social responsibility to the local community.

In addition to focusing on business growth and employee well-being, the Company is deeply committed to community support activities, considering them a beauty part of its corporate culture. The Company regularly engages in initiatives such as gratitude programs, honoring national traditions, poverty alleviation efforts, and building charity houses, fostering a spirit of solidarity and social

responsibility among employees while preserving and promoting the Company's long-standing values.

In 2024, the Company allocated 1.7 billion VND to gratitude programs, honoring national traditions, and poverty alleviation efforts for local communities and organizations.

6.7. Report on green capital market activities as per the guidelines of the State Securities Commission: None

III. Report and assessment by the Executive Board

1. Evaluation of Business Performance in 2024

1.1. Characteristics, situation.

The Company has consistently received direct leadership and support from the Party Committee, Chairman, and Executive Board, as well as assistance from relevant departments of Saigon Newport Corporation, the close and timely guidance from the Party Committee, Board of Directors, and Executive Board has enabled the Company to meet and exceed its business and production targets for 2024.

The global economy experienced stable growth in 2024 despite the negative impacts of geopolitical conflicts in Ukraine and the Middle East, which limited economic momentum. According to the International Monetary Fund (IMF), global economic growth for 2024 is estimated at approximately 3.2%, slightly lower than 3.3% in 2023.

Vietnam's economy in 2024 is estimated by the IMF to grow by 6.1%, up from 5% in 2023, driven mainly by the services and industrial production sectors. In addition, FDI inflows remain at a high level, and port upgrading projects along with related infrastructure are being completed successively. According to the Vietnam Maritime Administration, the total cargo volume passing through Vietnam's seaport system is estimated at 864.4 million tons, up 14% compared to the same period in 2023. Container throughput, measured in Teus, increased by 21%, reaching an estimated 29.9 million Teus. The number of vessels passing through seaports in 2024 is estimated at 102.67 thousand, up 2% year-over-year.

The empty depot market has generally experienced growth due to the recovery of exports and the increasing demand for empty containers. However, rising land rental costs and intensifying competition among depots have also put significant pressure on the market.

From July 2024, the expiration of the lease contract for the IMDG cargo yard has impacted TCL's workforce, equipment, and business performance.

TCL's major projects are still ongoing, such as the warehouse project at Tan Cang Nhon Trach ICD, which is under construction, and the procurement project

01 RTG 6+1 crane, which has had its technical and economic report approved and is currently in the contractor selection process.

1.2. Business performance in 2024.

Despite facing many challenges in 2024, the company's key performance indicators still met and exceeded the annual plan and the previous year's results. The specific details are as follows:

Unit: Million VND

No.	INDICATOR	Planned 2024	Implementation 2024	% vs Plan 2024	% vs previous Year
1	Total Revenue, Net Income	1,514,885.32	1,606,630.13	106.06%	105.32%
2	Profit Before Tax	162,826.80	166,842.55	102.47%	102.60%
3	Profit After Tax	133,785.94	136,374.40	101.93%	101.96%

2. Financial situation

a) Asset situation

Consolidated Report Figures:

Unit: Million VND

Item	In 2023		In 2024	
	Value	Proportion (%)	Value	Proportion (%)
Current Assets	474,241.74	50%	663,244.38	60%
Non-current Assets	466,240.56	50%	447,392.01	40%
Total Assets	940,482.30	100%	1,110,636.38	100%

Parent Company Report Figures:

Unit: Million VND

Item	In 2023		In 2024	
	Value	Proportion (%)	Value	Proportion (%)
Current Assets	448,988.31	50%	627,774.70	59%
Non-current Assets	455,761.57	50%	431,588.45	41%
Total Assets	904,749.87	100%	1,059,363.15	100%

b) Liabilities Situation

Consolidated Financial Report:

Unit: Million VND

Item	In 2023		In 2024	
	Value	Proportion (%)	Value	Proportion (%)
Short-term Liabilities	288,611.98	84%	422,039.92	92%
Long-term Liabilities	53,009.23	16%	37,943.33	8%
Total Liabilities	341,621.21	100%	459,983.24	100%

Parent Company Report Figures:

Unit: Million VND

Item	In 2023		In 2024	
	Value	Proportion (%)	Value	Proportion (%)
Short-term Liabilities	299,311.60	85%	428,325.19	92%
Long-term Liabilities	54,509.23	15%	37,943.33	8%
Total Liabilities	353,820.83	100%	466,268.52	100%

3. Improvements in organizational structure, policies, management.

The company aims to enhance the practice of concurrent job assignments under the motto "One person excels in one job, performs well in multiple tasks" to increase employees' income while improving business efficiency by reducing salary and bonus costs and streamlining the organizational structure.

Enhancing the implementation of monthly and quarterly productivity-based contracting for production units to encourage employees to proactively innovate and work efficiently.

The company regularly updates IT applications with specialized software to standardize and professionalize its workforce, thereby improving labor productivity.

4. Future development plans

Building a container depot system under the Tan Cang brand to serve as a solid logistics backbone for the port system and Logistics services.

Invest in projects with long-term lease and cooperation agreements to ensure efficiency and sustainable development. Focus on projects within the company's core competencies, such as port operations, warehousing, and auxiliary services for port operations. Particularly, prioritize the implementation and research of infrastructure investments in the Cai Mep – Ba Ria-Vung Tau area for long-term stable development, as short-term leasing affects service quality, investment, and long-term planning.

Continue to promote the development of services at Tan Cang Nhon Trach ICD, including: warehouse operation services, stuffing and unstuffing services, cold storage services, IMDG cargo handling services, and the transportation of loaded/empty containers from Cai Mep to Tan Cang Nhon Trach ICD.

Continuously improve service quality and operational capacity in existing areas; strengthen customer connections to increase volume; actively coordinate with functional departments of the Corporation to market and attract new customers to use the company's services. Enhance the company's digital transformation efforts and develop a "green port" in line with global trends.

6. Report on the company's environmental and social responsibility assessment.

a. Assessment of environmental indicators:

The company does not directly manufacture products and does not generate industrial emissions or wastewater. Emissions from operating motor vehicles comply with Vietnam's permitted standards (equivalent to EURO 3 or higher).

The IMDG Cargo Area has been equipped with a fire prevention and environmental protection system in accordance with the requirements of relevant State management agencies (Fire Prevention and Fighting Police Department, Department of Industry and Trade).

Industrial waste and wastewater are collected and treated in accordance with regulations and the general procedures of the entire Saigon Newport Corporation system.

b. Assessment related to labor issues:

Overall, the company's organizational structure and human resources remained stable throughout the year with minimal changes. The company followed the approved organizational structure as per the parent corporation's directives. Despite expanding certain services, the workforce remained unchanged as planned. Labor productivity exceeded the set targets, ensuring stable average income levels. Employees remained committed to the company for the long term. (The average income in 2024 was 32.9 million VND/ person/month, reaching 102.6% of the plan and 104.4% compared to 2023.).

However, the current quality of the company's workforce only meets the existing production requirements. Some departments have not yet fully exercised the authority and responsibility of their leaders in assigning tasks, evaluating performance, and linking salaries and bonuses to labor productivity, work quality, and overall efficiency.

c. Assessment of corporate responsibility to the local community: The company actively participates in activities such as paying tribute to those who have contributed to the nation, honoring traditions of gratitude, poverty alleviation, building charity houses, and other social programs in the areas where the company operates.

IV. Assessment of the Board of Directors on the Company's operations

1. Assessment of the Board of Directors on the Company's activities.

– In 2024, the Board of Directors operated in compliance with legal regulations and the company's charter, overcoming difficulties and challenges,

contributing to exceeding the targets set by the General Meeting of Shareholders. The matters under the responsibility and authority of the Board of Directors were carried out strictly.

- The total revenue and net income in 2024 reached 1,606,630.13 million VND, equivalent to 106.06% of the annual plan and 105.32% compared to the same period;

- The profit before tax in 2024 reached 166,842.55 million VND, equivalent to 102.47% of the annual plan and 102.60% compared to the same period;

- The profit after tax in 2024 reached 136,374.40 million VND, equivalent to 101.93% of the annual plan and 101.96% compared to the same period.

2. Assessment of the Board of Directors on the activities of the Company's Executive Board.

- The Board of Directors supervises the Director and members of the Management Board through reports at regular Board meetings, extraordinary meetings, etc., regarding the implementation of strategies, objectives, business plans approved by the General Meeting of Shareholders, and the execution of the Board's resolutions.

- The Director and members of the Management Board have implemented various effective solutions to enhance the company's business performance; promptly issued procedures and regulations and implemented strategies and policies to attract customers to use the company's services. Additionally, they have continued applying salary and bonus allocation solutions to encourage higher labor productivity, while focusing on the management and planning of berths and yards to increase container storage capacity, reduce yard-shifting activities, and ultimately minimize costs to maximize the company's profits.

- Investment and procurement activities are strictly managed and carried out in compliance with legal regulations.

3. Plans and directions of the Board of Directors.

- Directing the Management Board to develop the business plan for 2025 with targets of achieving 106.58% in Revenue and Net Income, and 105.13% in Pre-tax Profit compared to the 2024 performance, as well as continuing to rigorously direct and implement the plan after it is approved by the General Shareholders' Meeting.

- Directing the Management Board to continue improving service quality and operational capacity at existing areas; increasing customer connections to boost output; and actively collaborating with functional departments of the Corporation to market services to new customers.

– Directing the Management Board to continue researching and promoting investment, expanding infrastructure for long-term stability and development, while also having a specific investment phasing plan to ensure the practicality of investment plans.

– Continuing to review and amend the Charter, Regulations, and Rules to ensure compliance with legal provisions. Strengthening internal control and monitoring, considering this as an important management tool for the company.

V. Corporate Governance

1. Board of Directors

- Members and structure of the Board of Directors

No.	Full name	Position	Appointment Date	Number of Shares Owned/Represented	Ownership Percentage
1	Mr Le Hoang Linh	Chairman of the Board	22/05/2020	10,858,101	36.00 %
2	Mr Le Van Cuong	Board Member (Director)	06/6/2024	3,015,940	10.00 %
3	Mr Hoang Duc Thinh	Non-executive Board Member	15/06/2021	1,507,968	5.00 %
4	Mr Ngo Ngoc Khanh	Board Member (Deputy Director)	16/6/2022	0	0%
5	Mr Pham Trung Nghi	Independent Board Member	16/6/2022	0	0%

Mr Le Hoang Linh

Born in 1968

Nationality Vietnamese

Professional qualifications Maritime Transport Economic Engineer, Master's degree in Business Administration

Period	: Position
12/1991 – 10/1992	Assistant Technical Officer, Ship Exploitation Department, Planning Department, Western Region State-owned Company, Military Zone 9.
01/1993 – 08/2006	Staff member, Science and Technology Department, Tan Cang Saigon Company
9/2006 – 3/2007	Head of Exploitation Department, Science and Technology Department, Saigon Newport Corporation.
4/2007 – 02/2008	Member of Board of Directors, Head of Logistics Department, Tan Cang Logistics and Stevedoring Joint Stock Company.
3/2008 – 6/2009	Member of the Board of Directors, Deputy Director and Head of Logistics Department, Tan Cang Logistics and Stevedoring Joint Stock Company.
7/2009 – 4/2013	Member of Board of Directors, Deputy Director, Tan Cang Logistics and Stevedoring Joint Stock Company.

9/2009 – 8/2011	Chairman of the Board of Directors, Tan Cang Number Two Transport Joint Stock Company (now Tan Cang Waterway Transport Joint Stock Company).
8/2011 - 8/2012	Chairman of the Board of Directors and CEO of Tan Cang Number Two Transport Joint Stock Company.
9/2012 - 2/2016	Chairman of the Board of Directors and CEO of Tan Cang Waterway Transport Joint Stock Company.
3/2016 - 4/2019	Member of the Board of Directors, CEO of Tan Cang Waterway Transport Joint Stock Company
5/2019 - 5/2020	Member of the Board of Directors, CEO of Tan Cang Hiep Phuoc Port Joint Stock Company
5/2020 –present	Chairman of the Board of Directors of Tan Cang Logistics and Stevedoring Joint Stock Company.
Current position at the listed organization	Chairman of the Board of Directors
Current position at another organization	- Member of the Board of Directors of Tan Cang Ben Thanh Corporation - Member of the Board of Directors of Dong Nai Newport Logistics Joint Stock Company

Mr Le Van Cuong: View the information in the Management Board List section

Mr Hoang Duc Thinh

Born in 1974
Nationality Vietnamese
Professional qualifications Master's degree in Supply Chain Management

Period	: Position
- 9/2005 – 8/2010	Deputy Head of Cat Lai 3 Terminal, Deputy Head of Tern B, Deputy Head of the Production Duty Team, Sai Gon Newport Corporation.
- 9/2010 – 8/2014	Head of Cat Lai B Terminal, Tan Cang Sai Gon Port Control Center
- 9/2014 – 1/2020	Deputy Director of Port Operations Center, Sai Gon Newport Corporation
From 2/2020 to present	Director of Port Operations Center, Sai Gon Newport Corporation
Current position at the listed organization	Member of the Board of Directors
Current position at another organization	- Director of Port Operations Center, Sai Gon Newport Corporation - Member of the Board of Directors of Cat Lai Port Joint Stock Company

Mr Ngo Ngoc Khanh: View the information in the Management Board List section

Mr Pham Trung Nghi

Born in 1978
Nationality Vietnamese
Professional qualifications Bachelor of Law, Bachelor of Economics

Period	Position
2005-2010	Head of Valuation Department, Anh Tuan Group Joint Stock Company
2010-2014	Business - Administration Officer, Tan Cang Ben Thanh Corporation
2014 - present	Head of the Administration and Organization Department, Tan Cang Ben Thanh Corporation
Current position at the listed organization	Independent Member of the Board of Directors
Current position at another organization	Head of the Administration and Organization Department, Tan Cang Ben Thanh Corporation

- The Board of Directors has not yet established any subcommittees. However, the Board has appointed Mr. Pham Trung Nghi, an independent member of the Board, to be in charge of salary, bonus, and human resources matters.

- The activities of the Board of Directors: The Board of Directors of the Company organized 19 meetings, maintaining regular meetings once every quarter, and holding extraordinary meetings when necessary. It ensured the agenda, the number of members attending, and the voting in accordance with the law. The Resolutions/Decisions of the Board of Directors in 2024 are as follows:

The members of the Board of Directors, the members of the Supervisory Board, the CEO, and other management staff participated in training programs related to Business Management, Port Operations Management, etc., organized by Saigon Newport Corporation.

The company sends representatives to attend seminars and conferences invited by the State Securities Commission and the Ho Chi Minh City Stock Exchange.

4. Supervisory Board

a) Members and structure, meetings of the Supervisory Board:

As of December 31, 2024

No.	Member of the Supervisory Board	Position	Start/End Date as a Member of the Supervisory Board	Number of Meetings Attended	Attendance Rate
1	Mr Pham Van Phuong	Head of the Board	15/06/2021	4/4	100%
2	Mr Tran Van Truong	Member	16/6/2022	4/4	100%
3	Ms Le Thi Kim Chung	Member	15/06/2021	4/4	100%

Mr Pham Van Phuong

Born in 1971
Nationality Vietnamese
Professional qualifications Bachelor of Law

Period	Position
7/1991- 4/2006	Military - Security Department, Sai Gon Newport Corporation
5/2006 - 8/2019	Labor Organization - Salary Department, Sai Gon Newport Corporation
9/2019 - present	Deputy Head of Internal Audit Department., Sai Gon Newport Corporation
Current position at the listed organization	Head of the Supervisory Board
Current position at another organization	- Deputy Head of Internal Audit Department, Sai Gon Newport Corporation - Head of the Supervisory Board of Tan Cang Overland Transport Joint Stock Company

Mr Tran Van Truong

Born in 1979
Nationality Vietnamese
Professional qualifications Bachelor of Law

Period	Position
6/2003-12/2004	Specialist in the Administrative Organization Department - Tile Company No. 1 - Fico Corporation - JSC
01/2005-04/2008	Specialist in the Administrative Organization Department - Vitally Joint Stock Company - Fico Corporation - JSC
05/2008 – 06/2015	Employee in the Labor Organization Department - Tan Cang Logistics and Stevedoring Joint Stock Company.
07/2015- 11/2021	Deputy Head of the Labor Organization and Salary Department - Tan Cang Logistics and Stevedoring Joint Stock Company.

12/2021- present	Head of the Labor Organization and Salary Department - Tan Cang Logistics and Stevedoring Joint Stock Company.
Current position at the listed organization	Member of the Supervisory Board
Current position at another organization	None

Ms Le Thi Kim Chung

Born in 1997
Nationality Vietnamese
Professional qualifications Bachelor of Accounting

Period	Position
11/2019- present	Accounting staff at Sai Gon Newport Corporation
Current position at the listed organization	Member of the Supervisory Board
Current position at another organization	Accounting staff at Sai Gon Newport Corporation

b) Activities of the Supervisory Board:

– The Supervisory Board delegates representatives to attend all meetings of the Board of Directors and organizes periodic meetings of the Supervisory Board once every 6 months, as well as holding extraordinary meetings when necessary. In 2024, the Supervisory Board held 4 meetings. Upon reviewing the accounting records and documents of the company, it was found that they were well-organized, clearly recorded, and convenient for inspection. The inspection of the records revealed the following:

– The Board of Directors has effectively carried out its role in overseeing the activities of the Management Board, organizing numerous meetings to provide timely strategic direction and support the Management Board in implementing the resolutions of the General Shareholders' Meeting;

– The Board of Directors and the Executive Board fully comply with the legal regulations in management and operation. The members of the Board of Directors, the Executive Board, and the management staff have performed their functions and duties as assigned according to the regulations;

– The Management Board has done a good job in forecasting, planning, and closely monitoring investment projects, minimizing risks in business operations. They have developed business strategies that are aligned with the market and adjusted the progress of investment projects to match the actual production situation of the unit, contributing to achieving certain effectiveness;

– The Board of Directors and the Executive Board have strictly complied with the information disclosure regulations in accordance with the requirements of the securities market.

– For shareholders: The Company's Supervisory Board has not received any requests or complaints from shareholders.

3. Transactions, Remuneration, and Benefits of the Board of Directors, Executive Board, and Supervisory Board/Audit Committee.

a) Salary, Bonus, Remuneration, and Benefits.

Unit: VND

No.	Full name	Title	Salary	Bonus	Remuneration	Total Income
A Board of Directors						
1	Mr Le Hoang Linh	Chairman of the Board	1,151,191,276	298,934,831		1,450,126,107
2	Mr Le Van Cuong	Board Member (Director)	1,098,679,653	274,367,568	60,000,000	1,433,047,221
3	Mr Hoang Duc Thinh	Non-executive Board Member		49,814,567	60,000,000	109,814,567
4	Mr Ngo Ngoc Khanh	Board Member (Deputy Director)	389,376,773	80,714,567	60,000,000	530,091,340
5	Mr Pham Trung Nghi	Independent Board Member		49,814,567	60,000,000	109,814,567
B Executive Board						
1	Mr Dang Thanh Son	Deputy Director	686,615,729	188,945,660		875,561,388
2	Mr Chau Thanh Hai	Deputy Director	757,941,279	176,733,557		934,674,836
3	Mr Nguyen Van Hoa	Deputy Director	711,971,279	180,433,557		892,404,836
C Supervisory Board						
1	Mr Pham Van Phuong	Head of the Supervisory Board		49,814,567	60,000,000	109,814,567
2	Ms Le Thi Kim Chung	Supervisory Board Member		39,851,653	30,000,000	69,851,653
3	Mr Tran Van Truong	Supervisory Board Member	511,262,805	134,379,353	30,000,000	675,642,157
D Head of Finance and Accounting Department – Chief Accountant						
1	Pham Thi Thu Ha	Head of Finance and Accounting Department – Chief Accountant	654,856,877	168,212,622		823,069,499
Total			5,961,895,670	1,692,017,069	360,000,000	8,013,912,739

b) Insider Stock Transactions (Information on stock transactions of members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board/Audit Committee,

General Director, Chief Accountant, management personnel, Corporate Secretary, Major shareholders, and individuals related to the aforementioned entities).

No.	Transaction Executor	Relationship with the Company	Transaction Date	Beginning Shareholding		Ending Shareholding		Reason for Increase/ Decrease (Purchase, Sale, Conversion, Bonus,...)
				Number of Shares	Percentage	Number of Shares	Percentage	
1	AMERICA LLC	Major shareholders	25/04/2024	1,817,700	6.03%	1,803,000	5.98%	Sale
2	AMERICA LLC	Major shareholders	06/5/2024	3,023,200	10.02%	3,014,300	9.99%	Sale
3	AMERICA LLC	Major shareholders	06/6/2024	2,739,400	9.08%	2,705,200	8.97%	Sale
4	AMERICA LLC	Major shareholders	18/6/2024	2,427,200	8.05%	2,388,400	7.92%	Sale
5	AMERICA LLC	Major shareholders	26/6/2024	2,123,700	7.04%	2,108,700	6.99%	Sale
6	AMERICA LLC	Major shareholders	26/7/2024	1,810,200	6.002%	1,775,000	5.886%	Sale
7	AMERICA LLC	Major shareholders	12/12/2024	1,561,600	5.03%	1,505,100	4.99%	Sale

c) Contracts or transactions with insiders: None.

Contracts, transactions between the Company and the Parent Company (Major Shareholder), Subsidiaries, and Companies in which members of the Board of Directors, the Supervisory Board, and Executive Directors have been or are Founding Members or Members of the Board of Directors, or have served as General Directors in the past three (03) years are as follows:

No.	Name of organization/ individual	Relationship with the Company	Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)
1	Dong Nai Newport Logistics Joint Stock Company	Mr. Le Hoang Linh, is a member of the Board of Directors	Resolution No. 1002/NQ-HĐQT dated December 27, 2023 of the Board of Directors of the Company;
2	Hai Phong - 128 Tan Cang Joint Stock Company	Mr. Le Van Cuong, Mr. Ngo Ngoc Khanh are members of the Board of Directors.	Resolution No. 1002/NQ-HĐQT dated December 27, 2023 of the Board of Directors of the Company;
3	Tan Cang Ben Thanh Corporation	Mr. Le Hoang Linh, Mr. Le Van Cuong are members of the Board of Directors	Resolution No. 1002/NQ-HĐQT dated December 27, 2023 of the Board of Directors of the Company;
4	Cat Lai - Eastern Sai Gon Joint Stock Company	Mr. Le Van Cuong, Mr. Ngo Ngoc Khanh are members of the Board of Directors.	Resolution No. 1002/NQ-HĐQT dated December 27, 2023 of the Board of Directors of the Company;
5	Phu Huu - Newport Corporation	Mr. Ngo Ngoc Khanh has been a member of the Board of Directors for the past 3 years	Resolution No. 1002/NQ-HĐQT dated December 27, 2023 of the Board of Directors of the Company;

d) Assessment of compliance with Corporate Governance Regulations: The Company fully complies with corporate governance regulations. *AW* *la2* *AW*

VI. Financial Statements: Attached.

Thu Duc, March 24, 2025

**LEGAL REPRESENTATIVE
DIRECTOR**

Recipients:

- Information Disclosure;
- Posted on the Company Website;
- Save: Document, DTPC; TA 05.



Le Van Cuong

Tôi Hoàng Thị Hiền; Căn cước công dân số : 038301006865 ; Ngày cấp: 16/09/2021; Nơi cấp : Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội; cam đoan và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản dịch từ tiếng Việt sang tiếng Anh và ký tên dưới đây.

I, Hoang Thi Hien; Citizen ID card No: 038301006865; Date of issue: September 16, 2021; Place of issue: Department for Administrative Management of Social Order; undertakes and takes responsibility for the accuracy of the translation from Vietnamese to English and sign below.

Người dịch
Translator



Hoàng Thị Hiền
Hoang Thi Hien

Ngày 21 tháng 3 năm 2025

Công Ty TNHH Dịch vụ & Thương Mại ELITA xác nhận Bà Hoàng Thị Hiền, Căn cước công dân số : 038301006865; Ngày cấp: 16/09/2021; Nơi cấp : Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội; là người dịch có chữ ký bên là đúng.

March 21, 2025

ELITA Service & Trading Company Limited confirms that Ms. Hoang Thi Hien, Citizen ID card No: 038301006865; Date of issue: September 16, 2021; Place of issue: Department for Administrative Management of Social Order; is the translator whose signature is correct.

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ & THƯƠNG
MẠI ELITA
ELITA SERVICE & TRADING COMPANY



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Dung

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ
GIAO NHẬN VẬN TẢI
XÉP DỠ TÂN CẢNG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	13 - 37

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ
GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP
DỠ TÂN CẢNG**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG
DN: C=VN, L="470 đường Đồng Văn Cống, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức, Thành
phố Hồ Chí Minh, Việt Nam", OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0304875444, O=CÔNG TY
CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG, E=namnh3@
saigonnewport.com.vn, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN
CẢNG
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2025.03.05 10:41:34+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 12.1.2

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103006182, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 3 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 12 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 08 tháng 3 năm 2021 do thay đổi địa chỉ Công ty.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028 73073979
- Fax : 028 37423027

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, đường thủy nội địa;
- Dịch vụ logistics;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Đại lý vận tải đường biển;
- Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Dịch vụ cho thuê kho bãi, kiểm đếm, đóng gói hàng hóa.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Lê Hoàng Linh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2020
Ông Lê Văn Cường	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 6 tháng 6 năm 2024
Ông Hoàng Đức Thịnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021
Ông Ngô Ngọc Khánh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2022
Ông Phạm Trung Nghị	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2022

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Văn Phương	Trưởng ban	Ngày 15 tháng 6 năm 2021
Bà Lê Thị Kim Chung	Thành viên	Ngày 15 tháng 6 năm 2021
Ông Trần Văn Trường	Thành viên	Ngày 16 tháng 6 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lê Văn Cường	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 02 năm 2020
Ông Châu Thanh Hải	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 02 năm 2021
Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 11 năm 2021
Ông Ngô Ngọc Khánh	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 02 năm 2024
Ông Đặng Thanh Sơn	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 07 tháng 11 năm 2024
Bà Phạm Thị Thu Hà	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 11 năm 2019

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Lê Văn Cường.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Lê Văn Cường

Ngày 25 tháng 02 năm 2025

Số: 2.0108/25/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XÉP DỠ TÂN CẢNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25 tháng 02 năm 2025, từ trang 6 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức – Thành viên Ban Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0368-2023-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2025

Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 4028-2022-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		627.774.700.587	448.988.305.965
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	45.012.198.445	61.612.071.652
1. Tiền	111		12.012.198.445	13.612.071.652
2. Các khoản tương đương tiền	112		33.000.000.000	48.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		145.000.000.000	138.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	145.000.000.000	138.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		421.332.408.116	233.886.489.743
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	413.240.846.038	225.254.749.927
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.383.245.912	1.954.001.400
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	6.362.223.909	7.227.937.697
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(653.907.743)	(550.199.281)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		13.096.217.340	12.916.648.263
1. Hàng tồn kho	141	V.7	13.096.217.340	12.916.648.263
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.333.876.686	2.573.096.307
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.391.159.089	1.503.997.909
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.942.717.597	1.069.098.398
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		431.588.447.110	455.761.567.827
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		17.991.300.000	19.991.300.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	17.991.300.000	19.991.300.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		244.068.740.252	265.824.626.097
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	221.945.394.142	242.955.607.331
<i>Nguyên giá</i>	222		839.328.683.091	834.644.031.244
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(617.383.288.949)	(591.688.423.913)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	22.123.346.110	22.869.018.766
<i>Nguyên giá</i>	228		28.691.911.391	28.691.911.391
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(6.568.565.281)	(5.822.892.625)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	3.408.141.075	2.956.427.324
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.408.141.075	2.956.427.324
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	134.534.134.514	136.668.420.885
1. Đầu tư vào công ty con	251		21.440.000.000	21.440.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		97.120.000.000	97.120.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		26.479.480.000	26.479.480.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(10.505.345.486)	(8.371.059.115)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		31.586.131.269	30.320.793.521
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	31.586.131.269	30.320.793.521
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.059.363.147.697	904.749.873.792

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		466.268.517.162	353.820.832.473
I. Nợ ngắn hạn	310		428.325.190.406	299.311.599.817
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	280.119.425.732	176.433.624.007
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		507.226.395	332.767.062
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	12.064.023.975	12.991.135.827
4. Phải trả người lao động	314		31.117.950.761	24.690.601.062
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	20.216.180.907	22.617.860.065
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	33.617.934.274	37.299.136.840
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	32.249.712.000	7.249.712.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	18.432.736.362	17.696.762.954
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		37.943.326.756	54.509.232.656
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	36.131.626.504	45.447.820.404
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	1.811.700.252	9.061.412.252
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		593.094.630.535	550.929.041.319
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	593.094.630.535	550.929.041.319
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		301.584.360.000	301.584.360.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		301.584.360.000	301.584.360.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20.712.126.338	20.712.126.338
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		198.737.225.616	157.824.904.656
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		72.060.918.581	70.807.650.325
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	70.807.650.325
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		72.060.918.581	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.059.363.147.697	904.749.873.792

Người lập biểu

Nguyễn Xuân Tân

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thu Hà

Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2025

Giám đốc



Lê Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.580.861.351.721	1.490.904.601.908
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.580.861.351.721	1.490.904.601.908
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.338.011.635.346	1.258.007.325.543
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		242.849.716.375	232.897.276.365
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	25.761.839.918	32.490.637.004
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.638.101.316	4.522.377.395
Trong đó: chi phí lãi vay	23		503.814.945	1.025.856.761
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	30.236.949.367	34.939.347.268
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	68.877.484.257	65.406.997.213
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		166.859.021.353	160.519.191.493
11. Thu nhập khác	31	VI.7	6.936.667	2.134.779.398
12. Chi phí khác	32		23.403.870	37.850.080
13. Lợi nhuận khác	40		(16.467.203)	2.096.929.318
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		166.842.554.150	162.616.120.811
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	30.468.150.951	28.858.846.107
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>136.374.403.199</u>	<u>133.757.274.704</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Xuân Tân

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thu Hà

Giám đốc



Lê Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thanh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		166,842,554,150	162,616,120,811
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, 10	24,986,299,848	23,657,211,817
- Các khoản dự phòng	03	VI.4, 6	2,237,994,833	3,909,533,246
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	(81,021)	(46,718)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(25,741,678,480)	(32,983,532,165)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	503,814,945	1,025,856,761
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		168,828,904,275	158,225,143,752
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(184,380,911,203)	(124,461,517,113)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(179,569,077)	(3,568,526,370)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		96,461,661,858	79,443,001,458
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1,152,498,928)	(21,039,720,643)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(503,814,945)	(1,025,856,761)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(31,584,210,458)	(27,015,576,438)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.17	70,480,000	53,000,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.17	(23,383,259,618)	(17,821,997,750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		24,176,781,904	42,787,950,135
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(7,388,415,498)	(16,248,736,230)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	557,480,909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(85,000,000,000)	(85,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		78,000,000,000	39,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		25,951,393,549	32,100,941,667
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		11,562,978,051	(29,590,313,654)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-	-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-	-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.16	25,000,000,000	-	-	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16	(7,249,712,000)	(7,249,712,000)	-	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(70,090,002,183)	(32,910,925,428)	-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(52,339,714,183)	(40,160,637,428)		
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(16,599,954,228)	(26,963,000,947)		
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	61,612,071,652	88,575,025,881		
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	VI.3	81,021	46,718		
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	45,012,198,445	61,612,071,652		

Người lập biểu

Nguyễn Xuân Tân

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thu Hà

Ngày 25 tháng 02 năm 2025

Giám đốc



Lê Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, đường thủy nội địa;
- Dịch vụ logistics;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Đại lý vận tải đường biển;
- Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Dịch vụ cho thuê kho bãi, kiểm đếm, đóng gói hàng hóa.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

5. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Công ty chi đầu tư vào một công ty con là Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai có trụ sở chính tại Cảng Tân Cảng Nhơn Trạch, Ấp 3, Xã Phú Thạnh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là dịch vụ cảng biển. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 51%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Các Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ cảng biển	36,00%	36,00%	36,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	Hạ Đoạn, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng	Dịch vụ cảng biển	36,00%	36,00%	36,00%
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đồng Sài Gòn	938/180 Nguyễn Thị Định, khu phố 3, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ cảng biển	20,00%	20,00%	20,00%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 288 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 294 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức lập dự phòng căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Đối với hàng tồn kho là nguyên vật liệu, giá gốc hàng tồn kho được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí liên quan đến kho bãi như chi phí thuê đất, chi phí xây dựng kho bãi, chi phí thuê cơ sở hạ tầng và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí xây dựng kho bãi

Chi phí đầu tư xây dựng bãi chứa container rỗng (depot) được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê kho bãi là 05 năm.

Chi phí thuê cơ sở hạ tầng

Chi phí thuê cơ sở hạ tầng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian không quá 03 năm.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 38
Máy móc và thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3
Cây lâu năm	2
Tài sản cố định khác	5 - 8

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thanh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất còn lại là 35 năm 9 tháng.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu Công ty được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí Công ty phải gánh chịu.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	12.993.298	75.769.659
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.999.205.147	13.536.301.993
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	33.000.000.000	48.000.000.000
Cộng	45.012.198.445	61.612.071.652

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 6 tháng đến 1 năm, lãi suất từ 3,7% - 5,2%/năm	145.000.000.000	138.000.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Á Châu là 25.000.000.000 VND bị phong tỏa để đảm bảo cho khoản vay tại cùng Ngân hàng (xem thuyết minh tại V.16).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	21.440.000.000	-	21.440.000.000	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	21.440.000.000	-	21.440.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết	97.120.000.000 (10.505.345.486)	-	97.120.000.000 (8.371.059.115)	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	33.120.000.000 (10.505.345.486)	-	33.120.000.000 (8.371.059.115)	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	54.000.000.000	-	54.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26.479.480.000	-	26.479.480.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	11.812.500.000	-	11.812.500.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	14.666.980.000	-	14.666.980.000	-
Cộng	145.039.480.000 (10.505.345.486)	-	145.039.480.000 (8.371.059.115)	-

Số lượng cổ phần nắm giữ và tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các đơn vị như sau:

Tên Công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	2.295.200	51,00%	2.295.200	51,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	3.312.000	36,00%	3.312.000	36,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	5.400.000	36,00%	5.400.000	36,00%
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn	1.000.000	20,00%	1.000.000	20,00%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	3.094.743	-	3.094.743	-
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	1.237.500	3,64%	1.237.500	3,64%

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính, chi tiết như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	77.678.053.065	57.716.959.748
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	44.302.500.000	45.663.750.000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty con và các công ty liên kết

Công ty con và các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Giao dịch với các công ty con, công ty liên kết*

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con, công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai		
Cổ tức được chia	218.646.223	362.338.414
Cung cấp dịch vụ cho Công ty con	1.686.309.384	4.083.109.563
Sử dụng dịch vụ của Công ty con	48.562.224.419	66.060.826.994
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	1.048.608.000	3.148.992.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành		
Cổ tức được chia	13.500.000.000	13.500.000.000
Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	360.742.000	375.446.900
Sử dụng dịch vụ của Công ty liên kết	333.044.086.891	337.845.612.652
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn		
Sử dụng dịch vụ của Công ty liên kết	347.434.966.386	318.915.964.969
Mua vật tư của Công ty liên kết	15.693.340.000	21.257.800.000
Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	2.639.066.400	698.023.036
Cổ tức được chia	824.766.240	1.185.962.231

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	390.468.594.587	200.717.040.157
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	386.005.068.022	197.071.393.066
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	1.672.431.300	1.024.792.760
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	1.087.207.920	237.299.400
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	460.185.166	623.859.142
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước	93.980.520	538.772.600
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	94.089.600	283.409.280
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	144.898.740	486.433.680
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	90.149.760	18.354.600
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	725.213.706	342.781.462
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	65.601.360	75.340.800
Công ty TNHH Một thành viên Hoa Tiêu Tân Cảng	21.657.300	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ thông tin Tân Cảng	-	1.844.640
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	199.113	12.758.727
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	7.912.080	-
Phải thu các khách hàng khác	22.772.251.451	24.537.709.770
Cộng	413.240.846.038	225.254.749.927

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thương mại và Kỹ thuật Phúc Lâm	1.024.716.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Thương mại và Đầu tư Lin Đan	674.942.400	1.518.599.700
Các nhà cung cấp khác	683.587.512	435.401.700
Cộng	2.383.245.912	1.954.001.400

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Phải thu khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	247.320.000	-	494.365.056	-
Công ty Cổ phần Cát Lái- Đông Sài Gòn - Đặt cọc thuê bãi	231.000.000	-	231.000.000	-
Công ty Cổ phần Cát Lái- Đông Sài Gòn - Phải thu khác	16.320.000	-	-	-
Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn - Chi hộ	-	-	263.365.056	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	6.114.903.909	-	6.733.572.641	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Đông Sài Gòn - Đặt cọc sử dụng dịch vụ	4.112.000.000	-	4.112.000.000	-
Dự thu lãi tiền gửi	1.602.926.027	-	1.812.641.096	-
Các khoản ký quỹ, ký cược	40.000.000	-	45.000.000	-
Tạm ứng	287.508.062	-	302.183.646	-
Công ty TNHH MTV Hiệp Huy Hoàng - Vốn góp hợp tác kinh doanh	-	-	375.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	72.469.820	-	86.747.899	-
Cộng	6.362.223.909	-	7.227.937.697	-

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Đặt cọc cung cấp nước	30.000.000	-	30.000.000	-
Đặt cọc thuê văn phòng tòa nhà TCL	-	-	2.000.000.000	-
Bà Bùi Thị Nở - Đặt cọc tiền thuê đất	300.000.000	-	300.000.000	-
Đặt cọc thuê bãi	17.661.300.000	-	17.661.300.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 14	8.316.000.000	-	8.316.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vận tải Quang Minh	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
Công ty TNHH Tincons	6.345.300.000	-	6.345.300.000	-
Cộng	17.991.300.000	-	19.991.300.000	-

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư Phân bón Toàn Cầu ^(*)	Trên 3 năm	2.376.686.073	(516.721.074)	786.644.103	(171.026.200)
	Từ 2-3 năm	-	-	1.590.041.970	(241.986.412)
Phải thu các tổ chức khác	Trên 3 năm	137.186.669	(137.186.669)	137.186.669	(137.186.669)
Cộng		2.513.872.742	(653.907.743)	2.513.872.742	(550.199.281)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty Cổ phần Đầu tư Phân bón Toàn Cầu được trích lập sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	550.199.281	137.186.669
Trích lập dự phòng bổ sung	103.708.462	413.012.612
Số cuối năm	653.907.743	550.199.281

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	13.096.217.340	12.916.648.263

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí phần mềm	-	63.487.742
Chi phí quân trang, đồng phục, bảo hộ lao động	614.989.800	665.386.100
Chi phí bảo hiểm	776.169.289	775.124.067
Cộng	1.391.159.089	1.503.997.909

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa, thay mới đệm, cầu Bền đóng gạo	6.598.097.448	9.970.098.175
Chi phí sửa chữa, thi công tại Tân Cảng Nhon Trạch	14.863.582.113	16.564.440.582
Chi phí sửa chữa, cải tạo đường dây cấp nguồn điện Tân Cảng Mỹ Thủy	645.161.336	1.100.195.056
Thi công, sửa chữa nội thất, lắp đặt trang thiết bị tòa nhà TCL	1.194.121.088	1.084.737.244
Chi phí thi công, nâng cấp tại Depot Tân Cảng Mỹ Thủy 2	1.756.722.265	1.434.025.376
Chi phí thi công, xây dựng tại Depot Tân Cảng Tân Vạn	2.434.623.788	167.297.088
Chi phí sửa chữa cầu	4.093.823.231	-
Cộng	31.586.131.269	30.320.793.521

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thanh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	273.249.176.123	537.825.555.902	9.323.285.831	2.512.306.509	80.000.000	11.653.706.879	834.644.031.244
Mua trong năm	-	-	972.627.273	73.884.540	-	407.455.556	1.453.967.369
Đầu tư XD/CB hoàn thành	3.133.464.073	-	-	140.231.000	-	-	3.273.695.073
Tăng theo quyết toán	83.333.333	90.000.000	-	-	-	60.185.185	233.518.518
Giảm do kết luận của thanh tra BTC	-	-	-	-	-	(276.529.113)	(276.529.113)
Số cuối năm	276.465.973.529	537.915.555.902	10.295.913.104	2.726.422.049	80.000.000	11.844.818.507	839.328.683.091
<i>Trong đó:</i>							
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	13.608.662.300	192.599.384.229	6.619.821.285	2.397.276.509	80.000.000	215.582.902	215.520.727.225
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn							
Số đầu năm	117.896.957.550	462.183.138.804	7.018.691.951	2.403.326.190	80.000.000	2.106.309.418	591.688.423.913
Khấu hao trong năm	11.375.427.978	11.358.640.890	676.680.418	80.469.237	-	2.203.646.513	25.694.865.036
Số cuối năm	129.272.385.528	473.541.779.694	7.695.372.369	2.483.795.427	80.000.000	4.309.955.931	617.383.288.949
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	155.352.218.573	75.642.417.098	2.304.593.880	108.980.319	-	9.547.397.461	242.955.607.331
Số cuối năm	147.193.588.001	64.373.776.208	2.600.540.735	242.626.622	-	7.534.862.576	221.945.394.142
<i>Trong đó:</i>							
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 68.286.894.050 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*)	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	27.991.682.391	700.229.000	28.691.911.391
Số cuối năm	27.991.682.391	700.229.000	28.691.911.391
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	580.229.000	580.229.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	5.233.738.895	589.153.730	5.822.892.625
Khấu hao trong năm	705.672.660	39.999.996	745.672.656
Số cuối năm	5.939.411.555	629.153.726	6.568.565.281
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	22.757.943.496	111.075.270	22.869.018.766
Số cuối năm	22.052.270.836	71.075.274	22.123.346.110
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

(*) Là quyền sử dụng đất tại phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 2; thời hạn sử dụng đến ngày 30 tháng 8 năm 2055; có giá trị còn lại 22.052.270.836 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh	Kết chuyển vào TSCĐ	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	288.000.000	1.485.283.110	(1.453.967.369)	319.315.741
Xây dựng cơ bản dở dang	2.668.427.324	3.694.093.083	(3.273.695.073)	3.088.825.334
Dự án di dời kho xăng dầu vùng 2	1.808.239.341	87.384.138	-	1.895.623.479
Công trình Đường kết nối Bãi IMDG tại ICD TCNT	-	2.433.939.073	(2.433.939.073)	-
Các công trình khác	860.187.983	1.172.769.872	(839.756.000)	1.193.201.855
Cộng	2.956.427.324	5.179.376.193	(4.727.662.442)	3.408.141.075

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	218.333.638.683	152.708.265.163
Công ty Cổ phần Tân Cảng Phú Hữu	15.874.920	25.923.240
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	19.947.820.777	11.834.236.546
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	35.357.000	244.129.731
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đồng Sài Gòn	29.691.170.956	20.641.457.950
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	8.801.507.909	5.163.866.468
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	50.447.070	56.552.040
Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân lực STC	42.920.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	140.422.506.082	97.007.582.280
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	19.121.671.023	16.638.609.588
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	148.758.120	1.095.907.320
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	28.169.856	-
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	27.434.970	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	61.785.787.049	23.725.358.844
Cộng	280.119.425.732	176.433.624.007

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	22.624.351.095	(22.624.351.095)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.484.549.613	30.468.150.951	(31.584.210.458)	10.368.490.106
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp hộ bên hợp tác kinh doanh	1.319.371.794	1.437.067.916	(1.478.536.220)	1.277.903.490
Thuế thu nhập cá nhân	187.214.420	6.835.966.857	(6.605.550.898)	417.630.379
Thuế môn bài	-	5.500.000	(5.500.000)	-
Thuế nhà thầu	-	113.706.818	(113.706.818)	-
Cộng	12.991.135.827	61.484.743.637	(62.411.855.489)	12.064.023.975

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho tiền bán nước là 5%, dịch vụ khác là 8% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	166.842.554.150	162.616.120.811
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	4.806.484.567	2.616.805.870
- Các khoản điều chỉnh tăng	4.806.565.588	4.727.030.661
<i>Các khoản chi phí không hợp lệ</i>	4.806.518.870	4.726.985.576
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại tiền năm trước đã thực hiện trong năm nay</i>	46.718	45.085
- Các khoản điều chỉnh giảm	(81.021)	(2.110.224.791)
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại tiền cuối năm nay</i>	(81.021)	(46.718)
<i>Chênh lệch tạm thời mà không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại năm trước</i>	-	(2.110.178.073)
Thu nhập chịu thuế	171.649.038.717	165.232.926.681
Thu nhập được miễn thuế (cổ tức được chia)	(19.308.283.963)	(20.947.841.145)
Thu nhập tính thuế	152.340.754.754	144.285.085.536
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	30.468.150.951	28.857.017.107
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	-	1.829.000
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	30.468.150.951	28.858.846.107

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	14.680.217.982	18.322.814.365
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Chi phí thuê đất	3.372.386.322	472.582.400
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Chi phí xếp dỡ, nâng hạ	2.042.398.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành - Chi phí vận chuyển, xếp dỡ, lưu bãi	9.265.433.660	17.850.231.965
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	5.535.962.925	4.295.045.700
Chi phí lãi vay	22.884.171	-
Chi phí vận chuyển, xếp dỡ	2.269.994.996	1.190.188.350
Chi phí lưu bãi	3.243.083.758	3.104.857.350
Cộng	20.216.180.907	22.617.860.065

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Phải trả khác****15a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	19.391.273.904	21.350.903.936
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành ⁽ⁱ⁾	10.598.617.337	13.378.334.623
- <i>Vốn góp hợp tác kinh doanh</i>	6.000.000.000	-
- <i>Phải trả lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh</i>	4.598.617.337	13.378.334.623
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	2.930.563.532	3.892.452.914
- <i>Thu chi hộ</i>	-	266.960.056
- <i>Vốn góp hợp tác kinh doanh</i> ⁽ⁱ⁾	1.500.000.000	-
- <i>Đặt cọc thuê văn phòng</i>	280.909.200	280.909.200
- <i>Phải trả lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh</i> ⁽ⁱ⁾	1.149.654.332	3.344.583.658
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Phải trả về thu chi hộ	21.000.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng – lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh ⁽ⁱⁱ⁾	5.841.093.035	4.080.116.399
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	14.226.660.370	15.948.232.904
Kinh phí công đoàn	357.370.549	699.538.669
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	807.034.261	722.401.407
Cổ tức phải trả	6.349.573.989	6.279.515.215
Đặt cọc thuê văn phòng	100.000.000	283.806.100
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Tiếp vận Union One - lợi nhuận từ hợp tác liên doanh ⁽ⁱⁱ⁾	2.299.656.040	1.125.671.572
Công ty Hiệp Huy Hoàng – phải trả về hợp tác kinh doanh	-	4.922.483.282
Phải trả về thu hộ tiền cước container	2.391.772.510	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.921.253.021	1.914.816.659
Cộng	33.617.934.274	37.299.136.840

15b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	20.813.210.000	28.313.210.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	-	6.000.000.000
- <i>Vốn góp hợp tác kinh doanh</i> ⁽ⁱ⁾	-	6.000.000.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	-	1.500.000.000
- <i>Vốn góp hợp tác kinh doanh</i> ⁽ⁱ⁾	-	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng - Đặt cọc tiền thuê văn phòng	63.210.000	63.210.000
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng – <i>Vốn góp hợp tác kinh doanh</i> ⁽ⁱⁱ⁾	18.750.000.000	18.750.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng – Đặt cọc tiền thuê văn phòng	2.000.000.000	2.000.000.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	15.318.416.504	17.134.610.404
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Tiếp vận Union One - <i>Vốn góp hợp tác kinh doanh</i> ⁽ⁱⁱ⁾	12.500.000.000	12.500.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.818.416.504	4.634.610.404
Cộng	36.131.626.504	45.447.820.404

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin bổ sung về các hợp đồng hợp tác kinh doanh:

- (i) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 490/HĐ-GNVT-KHKD ngày 30 tháng 5 năm 2014, Biên bản thỏa thuận tăng vốn ngày 25 tháng 5 năm 2016 và các thỏa thuận bổ sung về hợp tác kinh doanh khai thác bãi Container và các dịch vụ liên quan đến xếp dỡ container hàng imo, cont tank tại Depot 6 – Cảng Cát Lái, 3 bên tham gia gồm: Công ty góp 7.500.000.000 VND tương đương 50%; Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành góp 6.000.000.000 VND tương đương 40%; Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai góp 1.500.000.000 VND, tương đương 10%. Tại thời điểm 31/12/2024, các bên đang hoàn tất các thủ tục để kết thúc hoạt động hợp tác kinh doanh này.
- (ii) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 612/2015/TCL-HT-TT ngày 26 tháng 10 năm 2015 và Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 10 tháng 01 năm 2017 về việc hợp tác kinh doanh để thực hiện dự án “nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư xây dựng, khai thác tòa nhà văn phòng làm việc” tại phường Mỹ Thạnh Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, 3 bên tham gia gồm: Công ty góp 50%; Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng góp 30% và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Union One (nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH MTV Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Thủ Thiêm) góp 20% tổng vốn đầu tư của dự án. Công ty là bên đại diện cho hợp doanh. Thời hạn của hợp đồng là 50 năm.

15c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

16. Vay

16a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Á Châu - Hội sở - Vay ngắn hạn (*)	25.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam- Chi nhánh Sài Gòn- Vay dài hạn đến hạn trả (Xem thuyết minh số V.16b)	7.249.712.000	7.249.712.000
Cộng	<u>32.249.712.000</u>	<u>7.249.712.000</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

(*) Khoản vay theo Hợp đồng ngày 27/12/2024, số tiền vay là 25 tỷ VND với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn cho vay 3 tháng kể từ ngày kế tiếp của ngày nhận tiền vay lần đầu tiên. Lãi suất trong hạn là 5%/năm. Tài sản thế chấp là toàn bộ số dư bao gồm số vốn gốc và lãi phát sinh của tài khoản tiền gửi có kỳ hạn tại cùng ngân hàng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	7.249.712.000	7.249.712.000
Số tiền vay phát sinh	25.000.000.000	-
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	7.249.712.000	7.249.712.000
Số tiền vay đã trả	<u>(7.249.712.000)</u>	<u>(7.249.712.000)</u>
Số cuối năm	<u>32.249.712.000</u>	<u>7.249.712.000</u>

16b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	1.811.700.252	9.061.412.252

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khoản vay theo hợp đồng tín dụng ngày 24/01/2018, để đầu tư dự án: "Nhận chuyển nhượng QSDĐ và Đầu tư xây dựng khai thác tòa nhà làm việc" tại lô 11, Khu dân cư số 1, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Q2, TP.HCM. Tổng số tiền hợp đồng tín dụng là: 62.500.000.000 VND, trong vòng 18 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Các khoản vay phải hoàn trả theo 28 lần hoàn trả bằng nhau vào mỗi quý, bắt đầu vào tháng thứ 15 kể từ ngày rút vốn lần đầu. Lãi suất thả nổi, được xác định thời điểm giải ngân (lãi suất năm 2024 là 7 - 8%/năm). Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất và công trình trên đất hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	7.249.712.000	7.249.712.000
Trên 1 năm đến 5 năm	1.811.700.252	9.061.412.252
Trên 5 năm	-	-
Cộng	9.061.412.252	16.311.124.252

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	9.061.412.252	16.311.124.252
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(7.249.712.000)	(7.249.712.000)
Số cuối năm	1.811.700.252	9.061.412.252

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ thưởng Ban điều hành	Cộng
Số đầu năm	8.660.837.071	9.035.925.883	-	17.696.762.954
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	11.700.581.829	11.700.581.829	647.589.368	24.048.753.026
Tăng do Công ty mẹ cấp	70.480.000	-	-	70.480.000
Chi quỹ trong năm	(10.756.000.000)	(11.979.670.250)	(647.589.368)	(23.383.259.618)
Số cuối năm	9.675.898.900	8.756.837.462	-	18.432.736.362

18. Vốn chủ sở hữu**18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Năm 2023					
Số dư đầu năm	301.584.360.000	20.712.126.338	117.697.722.245	67.950.359.046	507.944.567.629
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	133.757.274.704	133.757.274.704
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2022	-	-	-	(67.278.359.046)	(67.278.359.046)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2022	-	-	-	(772.000.000)	(772.000.000)
Điều chỉnh chia lãi liên doanh năm 2022	-	-	-	100.000.000	100.000.000
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2023	-	-	40.127.182.411	(62.949.624.379)	(22.822.441.968)
Số dư cuối năm	301.584.360.000	20.712.126.338	157.824.904.656	70.807.650.325	550.929.041.319

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Năm 2024					
Số dư đầu năm	301.584.360.000	20.712.126.338	157.824.904.656	70.807.650.325	550.929.041.319
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	136.374.403.199	136.374.403.199
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2023	-	-	-	(70.160.060.957)	(70.160.060.957)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2023	-	-	-	(647.589.368)	(647.589.368)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2024	-	-	40.912.320.960	(64.313.484.618)	(23.401.163.658)
Số dư cuối năm	301.584.360.000	20.712.126.338	198.737.225.616	72.060.918.581	593.094.630.535

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	153.812.730.000	153.812.730.000
Các cổ đông khác	147.771.630.000	147.771.630.000
Cộng	301.584.360.000	301.584.360.000

18c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	30.158.436	30.158.436
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	30.158.436	30.158.436
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	30.158.436	30.158.436

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 453/NQ-ĐHĐCĐTN.2024 ngày 06 tháng 6 năm 2024 như sau:

	VND
Phân phối từ lợi nhuận sau thuế năm 2023	
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 70.160.060.957
• Trích quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	: 647.589.368
Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024	
• Trích quỹ đầu tư phát triển (30% lợi nhuận sau thuế)	: 40.912.320.960
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (25% quỹ lương thực hiện)	: 23.401.163.658

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 65,34 USD (số đầu năm là 65,34 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ vận tải, xếp dỡ	255.968.305.426	270.741.445.669
Doanh thu dịch vụ Depot	1.254.366.725.250	1.130.375.400.287
Doanh thu dịch vụ khác	70.526.321.045	89.787.755.952
Cộng	1.580.861.351.721	1.490.904.601.908

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các công ty con, công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty còn phát sinh các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	812.317.102.568	860.187.364.491
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	3.506.759.677	2.937.225.569
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	3.602.790.962	2.702.499.506
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	1.908.271.778	1.625.936.709
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	705.011.723	1.747.696.265
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ thông tin Tân Cảng	526.662.500	228.147.500
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	250.535.600	194.699.545
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng - Hiệp Phước	3.317.111.704	1.296.050.746
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	54.581.091	192.106.364
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	1.065.728.151	1.316.400.791
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng- Bình Dương	187.962.963	-
Công ty TNHH Một thành viên Hoa Tiêu Tân Cảng	5.309.995.446	5.294.623.080
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	29.489.000	23.121.818

2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn dịch vụ cung cấp trong năm.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	6.433.394.517	11.478.210.111
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	20.080.417	64.539.030
Cổ tức, lợi nhuận được chia	19.308.283.963	20.947.841.145
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	81.021	46.718
Cộng	25.761.839.918	32.490.637.004

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	503.814.945	1.025.856.761
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	2.134.286.371	3.496.520.634
Cộng	2.638.101.316	4.522.377.395

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thanh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí hoa hồng dịch vụ	24.134.310.883	27.246.350.059
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.262.685.184	3.132.989.368
Các chi phí khác	2.839.953.300	4.560.007.841
Cộng	30.236.949.367	34.939.347.268

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	37.247.366.573	35.423.482.129
Chi phí đồ dùng văn phòng	848.818.637	1.038.461.651
Chi phí khấu hao tài sản cố định	737.975.855	709.723.133
Thuế, phí và lệ phí	410.071.027	114.151.891
Dự phòng phải thu khó đòi	103.708.462	413.012.612
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.256.715.821	7.950.675.840
Các chi phí khác	21.272.827.882	19.757.489.957
Cộng	68.877.484.257	65.406.997.213

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý tài sản cố định	-	557.480.909
Tiền thu bồi thường tổn thất	1.963.377	1.558.718.789
Thu nhập khác	4.973.290	18.579.700
Cộng	6.936.667	2.134.779.398

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	46.576.382.463	54.901.204.459
Chi phí nhân công	107.971.018.501	104.086.969.946
Chi phí khấu hao tài sản cố định (*)	24.986.299.848	23.657.211.817
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.226.550.794.060	1.144.168.616.506
Chi phí khác	31.041.574.098	31.539.667.296
Cộng	1.437.126.068.970	1.358.353.670.024
(*) Tổng chi phí khấu hao trong năm (thuyết minh V.9, V.10)	26.440.537.692	25.111.449.661
Khấu hao phân chia các bên hợp tác kinh doanh	(1.454.237.844)	(1.454.237.844)
Chi phí khấu hao của Công ty	24.986.299.848	23.657.211.817

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch và số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ông Lê Hoàng Linh	Chủ tịch HĐQT	1.450.126.107	1.487.321.024
Ông Lê Văn Cường	Thành viên HĐQT/Giám đốc	1.433.047.221	1.410.760.042
Ông Hoàng Đức Thịnh	Thành viên HĐQT	109.814.567	117.540.373
Ông Nguyễn Xuân Bình	Thành viên HĐQT	-	28.770.186
Ông Phạm Trung Nghị	Thành viên HĐQT	109.814.567	88.770.186
Ông Ngô Ngọc Khánh	Thành viên HĐQT/Phó Giám đốc	530.091.340	88.770.186
Ông Phạm Văn Phụng	Trưởng Ban Kiểm soát	109.814.567	117.540.373
Ông Trần Văn Trường	Thành viên Ban Kiểm soát	675.642.157	635.221.551
Bà Lê Thị Kim Chung	Thành viên Ban Kiểm soát	69.851.653	76.032.298
Ông Đặng Thanh Sơn	Pho Giám đốc	875.561.388	966.370.821
Ông Châu Thanh Hải	Phó Giám đốc	934.674.836	930.618.081
Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó Giám đốc	892.404.836	875.882.361
Bà Phạm Thị Thu Hà	Kế toán trưởng	823.069.499	794.736.524
Cộng		<u>8.013.912.739</u>	<u>7.618.334.007</u>

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác có phát sinh giao dịch với Công ty trong năm gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	Công ty con
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Sóng Thần	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan khác

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước
Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân lực Tân Cảng – STC
Công ty Cổ phần Tân Cảng Phú Hữu
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái
Công ty TNHH Tiếp vận SITC Tân Cảng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Tây Ninh
Công ty TNHH Tiếp vận Tân Cảng HMM
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng
Công ty TNHH Dịch vụ Kho bãi Tan Cang Shipping

Mối quan hệ

Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con, công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con, công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Sử dụng dịch vụ của công ty mẹ	13.985.586.710	13.366.004.550
Chia cổ tức cho công ty mẹ	35.782.725.977	34.313.013.032
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng		
Chia doanh thu hợp tác kinh doanh	4.651.709.356	4.669.400.179
Chia chi phí hợp tác kinh doanh	3.111.261.737	3.148.834.604
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái		
Cổ tức được chia	3.217.500.000	4.554.000.000
Sử dụng dịch vụ của các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	264.627.000	432.160.380
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	3.841.429.000	8.142.111.550
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	40.037.834.325	39.145.451.819
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	-	4.084.623.599
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	138.848.600	133.705.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	229.156.000	174.790.000
Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân lực Tân Cảng – STC	334.234.049	159.082.168
Công ty TNHH Dịch vụ Kho bãi Tan Cang Shipping	861.111	14.213.637
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	100.395.500	723.920.200
Công ty TNHH Tiếp vận Tân Cảng HMM	31.870.365	91.974.407
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	37.452.132.109	33.154.194.780
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	568.209.332	550.851.228
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	443.731.750	354.614.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5a, V.12, V.14 và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ vận tải giao nhận xếp dỡ, thực hiện trên địa bàn khu vực Đồng Nai, trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý địa lý.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Xuân Tân

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thu Hà

Giám đốc



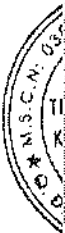
Lê Văn Cường

FINANCIAL STATEMENTS
FOR THE FISCAL YEAR ENDED 31 DECEMBER 2024

TAN CANG
LOGISTICS AND STEVEDORING
JOINT STOCK COMPANY

CONTENTS

	Page
1. Contents	1
2. Statement of the Board of Management	2 - 3
3. Independent Auditor's Report	4 - 5
4. Balance Sheet as at 31 December 2024	6 - 9
5. Income Statement for the fiscal year ended 31 December 2024	10
6. Cash Flow Statement for the fiscal year ended 31 December 2024	11 - 12
7. Notes to the Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2024	13 - 37



TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT

The Board of Management of Tan Cang Logistics and Stevedoring Joint Stock Company (hereinafter referred to as "the Company") presents this statement together with the Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2024.

Business highlights

Tan Cang Logistics and Stevedoring Joint Stock Company is a joint stock company operating in accordance with the 1st Business Registration Certificate No. 4103006182 dated 8 March 2007 granted by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City. During the course of operation, the Company has been additionally 12 times granted by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City with the amended Business Registration Certificates. In which, the 12th amended Business Registration Certificate dated 8 March 2021 was due to the change in the Company's address.

Head office

- Address : No. 470 Dong Van Cong Road, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City
- Tel. : 028 73073979
- Fax : 028 37423027

The principal business activities of the Company are:

- Trading freight transport by car, inland waterway;
- Services of logistics;
- Services of import and export freight forwarding;
- Sea freight agent;
- Services of loading and unloading goods;
- Services of customs clearance; and
- Services of leasing warehouses, yards, tally and packaging goods.

Board of Directors, Board of Supervisors and Executive Officers

The members of the Board of Directors, the Board of Supervisors, the Board of Management and the Chief Accountant of the Company during the year and as of the date of this statement include:

Board of Directors

Full name	Position	Appointing date/re-appointing date
Mr. Le Hoang Linh	Chairman	Appointed on 22 May 2020
Mr. Le Van Cuong	Member	Re-appointed on 6 June 2024
Mr. Hoang Duc Thinh	Member	Appointed on 15 June 2021
Mr. Ngo Ngoc Khanh	Member	Appointed on 16 June 2022
Mr. Pham Trung Nghi	Member	Appointed on 16 June 2022

Board of Supervisors

Full name	Position	Appointing date
Mr. Pham Van Phuong	Head of BOS	15 June 2021
Ms. Le Thi Kim Chung	Member	15 June 2021
Mr. Tran Van Truong	Member	16 June 2022

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY
STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT (cont.)

Executive Officers

Full name	Position	Appointing date/resigning date
Mr. Le Van Cuong	Director	Appointed on 26 February 2020
Mr. Chau Thanh Hai	Deputy Director	Appointed on 08 February 2021
Mr. Nguyen Van Hoa	Deputy Director	Appointed on 30 November 2021
Mr. Ngo Ngoc Khanh	Deputy Director	Appointed on 19 February 2024
Mr. Dang Thanh Son	Deputy Director	Resigned on 07 November 2024
Ms. Pham Thi Thu Ha	Chief Accountant	Appointed on 19 November 2019

Legal representative

The legal representative of the Company during the year and as of the date of this statement is Mr. Le Van Cuong.

Auditor

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd. has been appointed to perform the audit on the Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2024 of the Company.

Responsibilities of the Board of Management

The Board of Management is responsible for the preparation of the Financial Statements to give a true and fair view on the financial position, the financial performance and the cash flows of the Company during the year. In order to prepare these Financial Statements, the Board of Management must:

- select appropriate accounting policies and apply them consistently;
- make judgments and estimates reasonably and prudently;
- state clearly whether the accounting standards applied to the Company are followed or not, and all the material differences from these standards are disclosed and explained in the Financial Statements;
- prepare the Financial Statements of the Company on the going-concern basis, except for the cases that the going-concern assumption is considered inappropriate; and
- design and implement effectively the internal control system to minimize the risks of material misstatements due to frauds or errors in the preparation and presentation of the Financial Statements.

The Board of Management hereby ensures that all the proper accounting books of the Company have been fully recorded and can fairly reflect the financial position of the Company at any time, and that all the accounting books have been prepared in compliance with the applicable Accounting System. The Board of Management is also responsible for managing the Company's assets and consequently has taken appropriate measures to prevent and detect frauds and other irregularities.

The Board of Management hereby commits to the compliance with the aforementioned requirements in preparation of the Financial Statements.

Approval on the Financial Statements

The Board of Management hereby approves the accompanying Financial Statements, which give a true and fair view of the financial position as at 31 December 2024, the financial performance and the cash flows for the fiscal year then ended of the Company in conformity with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant statutory requirements on the preparation and presentation of Financial Statements.

For and on behalf of the Board of Management,


Director
CÔNG TY
CƠ PHÂN
DAILY GIAO NHẬN
VẬN TẢI KÈP ĐỒ
TAN CANG
TP. THỦ ĐỨC - TP. HỒ CHÍ MINH

Le Van Cuong

25 February 2025

4.8
18 N
CÓN
NHÍ
10ÁN
A 4
TẠI H
ĐA

No. 2.0108/25/TC-AC

INDEPENDENT AUDITOR'S REPORT**THE SHAREHOLDERS, THE BOARD OF DIRECTORS AND THE BOARD OF MANAGEMENT
TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY**

We have audited the accompanying Financial Statements of Tan Cang Logistics and Stevedoring Joint Stock Company (hereinafter referred to as "the Company"), which were prepared on 25 February 2025, from page 06 to page 37, including the Balance Sheet as at 31 December 2024, the Income Statement, the Cash Flow Statement for the fiscal year then ended and the Notes to the Financial Statements.

Responsibility of the Board of Management

The Company's Board of Management is responsible for the preparation, true and fair presentation of the Company's Financial Statements in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant statutory requirements on the preparation and presentation of Financial Statements; and responsible for the internal control as the Board of Management determines necessary to enable the preparation and presentation of the Financial Statements to be free from material misstatement due to fraud or error.

Responsibility of Auditors

Our responsibility is to express an opinion on the Financial Statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with the Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical standards and requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the Company's Financial Statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the Financial Statements. The procedures selected depend on the auditor's judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the Financial Statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the Company's preparation and true and fair presentation of the Financial Statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Company's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by the Board of Management, as well as evaluating the overall presentation of the Financial Statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

Opinion of Auditors

In our opinion, the Financial Statements give a true and fair view, in all material respects, of the financial position as at 31 December 2024 of Tan Cang Logistics and Stevedoring Joint Stock Company, its financial performance and its cash flows for the fiscal year then ended in conformity with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant statutory requirements on the preparation and presentation of Financial Statements.

Other matter

The Auditor's Report on the Company's Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2024 is prepared in Vietnamese and English. Should there be any conflict between the Vietnamese and English versions, the Vietnamese version shall take precedence.

For and on behalf of

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd.

Hanoi Branch



Nguyen Hoang Duc – Partner

Audit Practice Registration Certificate:

No. 0368-2023-008-1

Authorized signatory

Hanoi, 25 February 2025

Vu Tuan Nghia – Auditor

Audit Practice Registration Certificate:

No. 4028-2022-008-1

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

BALANCE SHEET

As at 31 December 2024

Unit: VND

ASSETS	Code	Note	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
A - CURRENT ASSETS	100		627,774,700,587	448,988,305,965
I. Cash and cash equivalents	110	V.1	45,012,198,445	61,612,071,652
1. Cash	111		12,012,198,445	13,612,071,652
2. Cash equivalents	112		33,000,000,000	48,000,000,000
II. Short-term financial investments	120		145,000,000,000	138,000,000,000
1. Trading securities	121		-	-
2. Provisions for diminution in value of trading securities	122		-	-
3. Held-to-maturity investments	123	V.2a	145,000,000,000	138,000,000,000
III. Short-term receivables	130		421,332,408,116	233,886,489,743
1. Short-term trade receivables	131	V.3	413,240,846,038	225,254,749,927
2. Short-term prepayments to suppliers	132	V.4	2,383,245,912	1,954,001,400
3. Short-term inter-company receivables	133		-	-
4. Receivables based on the progress of construction contracts	134		-	-
5. Receivables for short-term loans	135		-	-
6. Other short-term receivables	136	V.5a	6,362,223,909	7,227,937,697
7. Allowance for short-term doubtful debts	137	V.6	(653,907,743)	(550,199,281)
8. Deficit assets for treatment	139		-	-
IV. Inventories	140		13,096,217,340	12,916,648,263
1. Inventories	141	V.7	13,096,217,340	12,916,648,263
2. Allowance for devaluation of inventories	149		-	-
V. Other current assets	150		3,333,876,686	2,573,096,307
1. Short-term prepaid expenses	151	V.8a	1,391,159,089	1,503,997,909
2. Deductible VAT	152		1,942,717,597	1,069,098,398
3. Taxes and other receivables from the State	153		-	-
4. Trading Government bonds	154		-	-
5. Other current assets	155		-	-

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Balance Sheet (cont.)

ASSETS	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
B - NON-CURRENT ASSETS	200		431,588,447,110	455,761,567,827
I. Long-term receivables	210		17,991,300,000	19,991,300,000
1. Long-term trade receivables	211		-	-
2. Long-term prepayments to suppliers	212		-	-
3. Working capital in affiliates	213		-	-
4. Long-term inter-company receivables	214		-	-
5. Receivables for long-term loans	215		-	-
6. Other long-term receivables	216	V.5b	17,991,300,000	19,991,300,000
7. Allowance for long-term doubtful debts	219		-	-
II. Fixed assets	220		244,068,740,252	265,824,626,097
1. Tangible fixed assets	221	V.9	221,945,394,142	242,955,607,331
<i>Historical costs</i>	222		839,328,683,091	834,644,031,244
<i>Accumulated depreciation</i>	223		(617,383,288,949)	(591,688,423,913)
2. Financial leased assets	224		-	-
<i>Historical costs</i>	225		-	-
<i>Accumulated depreciation</i>	226		-	-
3. Intangible fixed assets	227	V.10	22,123,346,110	22,869,018,766
<i>Historical costs</i>	228		28,691,911,391	28,691,911,391
<i>Accumulated amortization</i>	229		(6,568,565,281)	(5,822,892,625)
III. Investment properties	230		-	-
Historical costs	231		-	-
Accumulated depreciation	232		-	-
IV. Long-term assets in progress	240	V.11	3,408,141,075	2,956,427,324
1. Long-term work in progress	241		-	-
2. Construction-in-progress	242		3,408,141,075	2,956,427,324
V. Long-term financial investments	250	V.2b	134,534,134,514	136,668,420,885
1. Investments in subsidiaries	251		21,440,000,000	21,440,000,000
2. Investments in joint ventures and associates	252		97,120,000,000	97,120,000,000
3. Investments in other entities	253		26,479,480,000	26,479,480,000
4. Provisions for diminution in value of long-term financial investments	254		(10,505,345,486)	(8,371,059,115)
5. Held-to-maturity investments	255		-	-
VI. Other non-current assets	260		31,586,131,269	30,320,793,521
1. Long-term prepaid expenses	261	V.8b	31,586,131,269	30,320,793,521
2. Deferred income tax assets	262		-	-
3. Long-term components and spare parts	263		-	-
4. Other non-current assets	268		-	-
TOTAL ASSETS	270		1,059,363,147,697	904,749,873,792



TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Balance Sheet (cont.)

RESOURCES	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
C - LIABILITIES	300		466,268,517,162	353,820,832,473
I. Current liabilities	310		428,325,190,406	299,311,599,817
1. Short-term trade payables	311	V.12	280,119,425,732	176,433,624,007
2. Short-term advances from customers	312		507,226,395	332,767,062
3. Taxes and other obligations to the State Budget	313	V.13	12,064,023,975	12,991,135,827
4. Payables to employees	314		31,117,950,761	24,690,601,062
5. Short-term accrued expenses	315	V.14	20,216,180,907	22,617,860,065
6. Short-term inter-company payables	316		-	-
7. Payables based on the progress of construction contracts	317		-	-
8. Short-term unearned revenue	318		-	-
9. Other short-term payables	319	V.15a	33,617,934,274	37,299,136,840
10. Short-term borrowings and financial leases	320	V.16a	32,249,712,000	7,249,712,000
11. Short-term provisions	321		-	-
12. Bonus and welfare funds	322	V.17	18,432,736,362	17,696,762,954
13. Price stabilization fund	323		-	-
14. Trading Government bonds	324		-	-
II. Non-current liabilities	330		37,943,326,756	54,509,232,656
1. Long-term trade payables	331		-	-
2. Long-term advances from customers	332		-	-
3. Long-term accrued expenses	333		-	-
4. Inter-company payables for working capital	334		-	-
5. Long-term inter-company payables	335		-	-
6. Long-term unearned revenue	336		-	-
7. Other long-term payables	337	V.15b	36,131,626,504	45,447,820,404
8. Long-term borrowings and financial leases	338	V.16b	1,811,700,252	9,061,412,252
9. Convertible bonds	339		-	-
10. Preferred shares	340		-	-
11. Deferred income tax liabilities	341		-	-
12. Long-term provisions	342		-	-
13. Science and technology development fund	343		-	-

816
NH
ONG
NHIEU
QAN V
A &
SI HA
QA -

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Balance Sheet (cont.)

RESOURCES	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
D - OWNER'S EQUITY	400		593,094,630,535	550,929,041,319
I. Owner's equity	410	V.18	593,094,630,535	550,929,041,319
1. Owner's contribution capital	411		301,584,360,000	301,584,360,000
- Ordinary shares carrying voting right	411a		301,584,360,000	301,584,360,000
- Preferred shares	411b		-	-
2. Share premiums	412		20,712,126,338	20,712,126,338
3. Bond conversion options	413		-	-
4. Other sources of capital	414		-	-
5. Treasury shares	415		-	-
6. Differences on asset revaluation	416		-	-
7. Foreign exchange differences	417		-	-
8. Investment and development fund	418		198,737,225,616	157,824,904,656
9. Business arrangement supporting fund	419		-	-
10. Other funds	420		-	-
11. Retained earnings	421		72,060,918,581	70,807,650,325
- Retained earnings accumulated to the end of the previous period	421a		-	70,807,650,325
- Retained earnings of the current period	421b		72,060,918,581	-
12. Construction investment fund	422		-	-
II. Other sources and funds	430		-	-
1. Sources of expenditure	431		-	-
2. Fund to form fixed assets	432		-	-
TOTAL RESOURCES	440		1,059,363,147,697	904,749,873,792

Prepared on 25 February 2025

Prepared by



Nguyen Xuan Tan

Chief Accountant



Pham Thi Thu Ha

Director



Le Van Cuong

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

INCOME STATEMENT

For the fiscal year ended 31 December 2024

Unit: VND

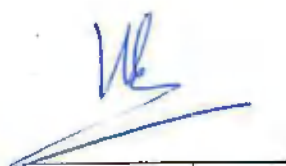
ITEMS	Code	Note	Current year	Previous year
1. Revenue from sales of merchandise and rendering of services	01	VI.1	1,580,861,351,721	1,490,904,601,908
2. Revenue deductions	02		-	-
3. Net revenue from sales of merchandise and rendering of services	10		1,580,861,351,721	1,490,904,601,908
4. Costs of sales	11	VI.2	1,338,011,635,346	1,258,007,325,543
5. Gross profit/ (loss) from sales of merchandise and rendering of services	20		242,849,716,375	232,897,276,365
6. Financial income	21	VI.3	25,761,839,918	32,490,637,004
7. Financial expenses	22	VI.4	2,638,101,316	4,522,377,395
In which: Interest expenses	23		503,814,945	1,025,856,761
8. Selling expenses	25	VI.5	30,236,949,367	34,939,347,268
9. General and administration expenses	26	VI.6	68,877,484,257	65,406,997,213
10. Net operating profit/ (loss)	30		166,859,021,353	160,519,191,493
11. Other income	31	VI.7	6,936,667	2,134,779,398
12. Other expenses	32		23,403,870	37,850,080
13. Other profit/ (loss)	40		(16,467,203)	2,096,929,318
14. Total accounting profit/ (loss) before tax	50		166,842,554,150	162,616,120,811
15. Current income tax	51	V.13	30,468,150,951	28,858,846,107
16. Deferred income tax	52		-	-
17. Profit/ (loss) after tax	60		<u>136,374,403,199</u>	<u>133,757,274,704</u>
18. Basic earnings per share	70	VI.8	-	-
19. Diluted earnings per share	71	VI.8	-	-

Prepared by



Nguyen Xuan Tan

Chief Accountant



Pham Thi Thu Ha

Prepared on 25 February 2025

Director



Le Van Cuong

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

CASH FLOW STATEMENT

(Indirect method)

For the fiscal year ended 31 December 2024

Unit: VND

ITEMS	Code	Note	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
I. Cash flows from operating activities				
1. Profit/ (loss) before tax	01		166,842,554,150	162,616,120,811
2. Adjustments				
- Depreciation and amortization of fixed assets and investment properties	02	V.9, 10	24,986,299,848	23,657,211,817
- Provisions and allowances	03	VI.4, 6	2,237,994,833	3,909,533,246
- Exchange (gain)/ loss due to revaluation of monetary items in foreign currencies	04	VI.3	(81,021)	(46,718)
- (Gain)/ loss from investing activities	05		(25,741,678,480)	(32,983,532,165)
- Interest expenses	06	VI.4	503,814,945	1,025,856,761
- Others	07		-	-
3. Operating profit/ (loss) before changes of working capital	08		168,828,904,275	158,225,143,752
- (Increase)/ decrease of receivables	09		(184,380,911,203)	(124,461,517,113)
- (Increase)/ decrease of inventories	10		(179,569,077)	(3,568,526,370)
- Increase/ (decrease) of payables	11		96,461,661,858	79,443,001,458
- (Increase)/ decrease of prepaid expenses	12		(1,152,498,928)	(21,039,720,643)
- (Increase)/ decrease of trading securities	13		-	-
- Interests paid	14		(503,814,945)	(1,025,856,761)
- Corporate income tax paid	15	V.13	(31,584,210,458)	(27,015,576,438)
- Other cash inflows from operating activities	16	V.17	70,480,000	53,000,000
- Other cash outflows from operating activities	17	V.17	(23,383,259,618)	(17,821,997,750)
Net cash flows from operating activities	20		<u>24,176,781,904</u>	<u>42,787,950,135</u>
II. Cash flows from investing activities				
1. Purchases and construction of fixed assets and other non-current assets	21		(7,388,415,498)	(16,248,736,230)
2. Proceeds from disposals of fixed assets and other non-current assets	22		-	557,480,909
3. Cash outflows for lending, buying debt instruments of other entities	23		(85,000,000,000)	(85,000,000,000)
4. Cash recovered from lending, selling debt instruments of other entities	24		78,000,000,000	39,000,000,000
5. Investments into other entities	25		-	-
6. Withdrawals of investments in other entities	26		-	-
7. Interests earned, dividends and profits received	27		25,951,393,549	32,100,941,667
Net cash flows from investing activities	30		<u>11,562,978,051</u>	<u>(29,590,313,654)</u>

statement should be read in conjunction with the Notes to the Financial Statements

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Cash Flow Statement (cont.)

ITEMS	Code	Note	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
III. Cash flows from financing activities				
1. Proceeds from issuing stocks and capital contributions from owners	31		-	-
2. Repayment for capital contributions and re-purchases of stocks already issued	32		-	-
3. Proceeds from borrowings	33	V.16	25,000,000,000	-
4. Repayment for loan principal	34	V.16	(7,249,712,000)	(7,249,712,000)
5. Payments for financial leased assets	35		-	-
6. Dividends and profits paid to the owners	36		(70,090,002,183)	(32,910,925,428)
<i>Net cash flows from financing activities</i>	40		<u>(52,339,714,183)</u>	<u>(40,160,637,428)</u>
Net cash flows during the year	50		(16,599,954,228)	(26,963,000,947)
Beginning cash and cash equivalents	60	V.1	61,612,071,652	88,575,025,881
Effects of fluctuations in foreign exchange rates	61	VI.3	81,021	46,718
Ending cash and cash equivalents	70	V.1	<u>45,012,198,445</u>	<u>61,612,071,652</u>

Prepared by



Nguyen Xuan Tan

Chief Accountant



Pham Thi Thu Ha

Prepared on 25 February 2025

Director



Le Van Cuong

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

I. GENERAL INFORMATION

1. Ownership form

Tan Cang Logistics and Stevedoring Joint Stock Company (hereinafter referred to as "the Company") is a joint stock company.

2. Operating field

The Company operates in the field of service.

3. Principal business activities

The principal business activities of the Company are:

- Trading freight transport by car, inland waterway;
- Services of logistics;
- Services of import and export freight forwarding;
- Sea freight agent;
- Services of loading and unloading goods;
- Services of customs clearance; and
- Services of leasing warehouses, yards, tally and packaging goods.

4. Normal operating cycle

The normal operating cycle of the Company is within 12 months.

5. Structure of the Company

Subsidiaries

The Company only invests in one subsidiary which is Dong Nai Newport Logistics JSC, located at Tan Cang Nhon Trach Port, Hamlet 3, Phu Thanh Commune, Nhon Trach District, Dong Nai Province. The principal business activity of this subsidiary is seaport service. As of the balance sheet date, the Company's contribution rate in this subsidiary was 51%, the voting rate and the benefit rate were equivalent to the contribution rate.

Associates

Name of companies	Address	Principal business activities	Contribution rate	Ownership rate	Voting rate
Tan Cang Ben Thanh Corporation	1295B Nguyen Thi Dinh, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City	Seaport service	36.00%	36.00%	36.00%
Hai Phong – 128 Tan Cang JSC.	Ha Doan, Dong Hai 2, Hai An, Hai Phong	Seaport service	36.00%	36.00%	36.00%
Cat Lai – Eastern Saigon JSC.	938/180 Nguyen Thi Dinh, Quarter 3, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City	Seaport service	20.00%	20.00%	20.00%

6. Statement on information comparability in the Financial Statements

The corresponding figures of the previous year are comparable to those of the current year.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

7. Employees

As of the balance sheet date, there were 288 employees working for the Company (at the beginning of the year: 294 employees).

II. FISCAL YEAR AND ACCOUNTING CURRENCY

1. Fiscal year

The fiscal year of the Company is from 1 January to 31 December annually.

2. Accounting currency unit

The accounting currency unit is Vietnam Dong (VND) because payments and receipts of the Company are primarily made in VND.

III. ACCOUNTING STANDARDS AND SYSTEM

1. Accounting System

The Company applies the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, which were issued together with the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014, the Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016 as well as other Circulars guiding the implementation of the Vietnamese Accounting Standards of the Ministry of Finance in the preparation and presentation of Financial Statements.

2. Statement on the compliance with the Accounting Standards and System

The Board of Management ensures to follow all the requirements of the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, which were issued together with the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014, the Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016 as well as other Circulars guiding the implementation of Vietnamese Accounting Standards of the Ministry of Finance in the preparation and presentation of Financial Statements.

IV. ACCOUNTING POLICIES

1. Basis of preparation of the Financial Statements

All the Financial Statements are prepared on the accrual basis (except for the information related to cash flows).

The Financial Statements are prepared in Vietnamese and English, in which the Financial Statements in Vietnamese are the official statutory financial statements of the Company. The Financial Statements in English have been translated from the Vietnamese version. Should there be any conflict between the Vietnamese and English versions, the Vietnamese version shall take precedence.

2. Cash and cash equivalents

Cash includes cash on hand and demand deposits in banks. Cash equivalents are short-term investments of which the due dates do not exceed 3 months from the dates of the investments that are readily convertible into known amounts of cash and that are subject to an insignificant risk of change in value as of the balance sheet date.

3. Financial investments

Held-to-maturity investments

Investments are classified as held-to-maturity investments that the Company intends and is able to hold to maturity. Held-to-maturity investments only include held-to-maturity term deposits in bank for the purpose of earning periodical interest.

Interest income from term deposits in bank is recognized in the Income Statement on the accrual basis.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

Investments in subsidiaries, associates

Subsidiaries

Subsidiary is an entity that is controlled by the Company. Control is obtained when the Company achieves the ability to govern the financial and operating policies of an entity so as to obtain benefits from its activities.

Associates

An associate is an entity which the Company has significant influence but does not have the right to control its financial and operating policies. Significant influence is the right to participate in making resolution on the associate's financial and operating policies but not control those policies.

Initial recognition

Investments in subsidiaries, associates are initially recognized at costs, including the cost of purchase or capital contributions plus other directly attributable transaction cost. If the Company contributes capital by non-monetary assets, costs of the investment are recognized at the fair value of the non-monetary assets at the time of occurrence.

Dividend and profit of the periods prior to the acquisition of investments are deducted from the cost of such investments. Dividend and profit of the periods after the acquisition of such investments are recorded in the Company's financial income. Particularly, stock dividends received are not recorded as an increase in value, but the increasing quantity of shares is followed up.

Provisions for impairment of investments in subsidiaries, associates

Provisions for impairment of investments in subsidiaries, associates are made when the subsidiaries, associates suffer from losses, with the provision amount determined by the difference between owners' actual contributed capital and total owners' equity as of the balance sheet date multiplied (x) by the Company's rate of charter capital owning in the subsidiaries, associates. If the subsidiaries, associates are parent companies and have their own Consolidated Financial Statements, provision for impairment loss will be made based on their Consolidated Financial Statements.

Increases/ (decreases) in the provisions for impairment of investments in subsidiaries, associates to be recognized as of the balance sheet date are recorded into "Financial expenses".

Investments in equity instruments of other entities

Investments in equity instruments of other entities include such investments in equity instruments that do not enable the Company to have the control, joint control or significant influence on these entities.

Investments in equity instruments of other entities are initially recognized at costs, including cost of purchase plus other directly attributable transaction costs. Dividend and profit of the periods prior to the acquisition of investments are deducted from the cost of such investments. Dividend and profit of the periods after the acquisition of such investments are recorded in the Company's financial income. Particularly, stock dividends received are not recorded as an increase in value, but the increasing quantity of shares is followed up.

Provisions for impairment of investments in equity instruments of other entities are made as follows:

- For investments in listed shares or fair value of investments which is reliably measured, provisions are made on the basis of the market value of shares.
- For investments of which the fair value cannot be measured at the time of reporting, provisions are made based on the losses suffered by investees, with the provision amount determined by the difference between owners' actual contributed capital and total owners' equity as of the balance sheet date multiplied (x) by the Company's rate of charter capital owning in these investees.

Increases/ (decreases) in the provisions for impairment of investments in equity instruments of other entities to be recognized as of the balance sheet date are recorded into "Financial expenses".

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

4. Receivables

Receivables are recognized at the carrying amounts less allowance for doubtful debts.

The classification of receivables as trade receivables and other receivables is made according to the following principles:

- Trade receivables reflect receivables concerning the commercial nature arising from purchase and sale transactions between the Company and customers who are independent to the Company.
- Other receivables reflect receivables not concerning the commercial nature and irrelevant to purchase and sale transactions.

Allowance is made for each doubtful debt after being offset against liabilities (if any). The allowance rate is based on the debts' overdue period or the estimated loss, as follows:

- As for overdue debts:
 - 30% of the value of debts with the overdue period from 6 months to under 1 year.
 - 50% of the value of debts with the overdue period from 1 year to under 2 years.
 - 70% of the value of debts with the overdue period from 2 years to under 3 years.
 - 100% of the value of debts with the overdue period from or over 3 years.
- As for the debts that are not overdue, but considered as doubtful debts: Allowance is made on the basis of the estimated loss.

Increases/ (decreases) in the allowance for doubtful debts to be recognized as of the balance sheet date are recorded into "General and administration expenses".

5. Inventories

Inventories are recognized at the lower of cost and net realizable value.

For materials: Costs of inventories comprise costs of purchases and other directly relevant costs incurred in bringing the inventories to their present location and conditions.

The cost of inventories is determined using the weighted average method and recorded in accordance with the perpetual inventory system.

Net realizable value is the estimated selling prices of inventories in an ordinary course of business less the estimated expenses on product completion and other necessary expenses to make the sale.

Allowance for inventories is recognized for each type of inventories when their costs are higher than their net realizable value. Increases/ (decreases) in the allowance for inventories to be recognized as of the balance sheet date are recorded into "Costs of sales".

6. Prepaid expenses

Prepaid expenses comprise actual expenses arising and relevant to financial performance in several accounting periods. Prepaid expenses of the Company mainly include expenses related to warehouses, yards such as land rental, warehouse and yard construction costs, infrastructure rental and expenses for fixed asset repairs. These prepaid expenses are allocated over the prepayment period or the period in which corresponding economic benefits are generated from these expenses.

Land rental

Prepaid land rental reflects the rental already prepaid for the land being used by the Company and is allocated to expenses using the straight-line method over the lease term.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

Warehouse and yard construction costs

The investment costs of construction of an empty container yard (depot) are allocated to expenses in the year using the straight-line method over the warehouse and yard lease term of 05 years.

Infrastructure rental

Infrastructure rental is allocated to expenses using the straight-line method over the lease term.

Expenses for fixed asset repairs

Expenses for fixed asset repairs arising once with high value are allocated to expenses using the straight-line method for the maximum period of 3 years.

7. Operating leased assets

A lease is classified as an operating lease if significant risks and rewards associated with the ownership belong to the lessor. The lease expenses are allocated to operating expenses using the straight-line method over the lease term and are not dependent on the method of lease payment.

8. Tangible fixed assets

Tangible fixed assets are determined by their historical costs less accumulated depreciation. Historical costs of tangible fixed assets include all the expenses paid by the Company to bring the asset to its working condition for its intended use. Other expenses arising subsequent to initial recognition are included into historical costs of fixed assets only if it can be clearly demonstrated that the expenditure has resulted in future economic benefits expected to be obtained from the use of these assets. Those which do not meet the above conditions will be recorded into operation costs during the year.

When a tangible fixed asset is sold or disposed, its historical cost and accumulated depreciation are written off, then any gain or loss arising from such disposal is included in the income or the expenses during the year.

Tangible fixed assets are depreciated using the straight-line method over their estimated useful lives. The depreciation years applied are as follows:

<u>Class of fixed assets</u>	<u>Years</u>
Buildings and structures	5 – 38
Machinery and equipment	3 – 20
Vehicles	5 – 6
Office equipment	3
Perennial plants	2
Other fixed assets	5 – 8

9. Intangible fixed assets

Intangible fixed assets are determined by their historical costs less accumulated amortization.

Historical costs of intangible fixed assets include all the costs paid by the Company to bring the asset to its working condition for its intended use. Other costs relevant to intangible fixed assets arising subsequent to initial recognition are included into operation costs during the period, otherwise, these costs are included into historical costs of fixed assets only if they are associated with a specific intangible fixed asset and result in future economic benefits expected to be obtained from the use of the asset.

When an intangible fixed asset is sold or disposed, its historical costs and accumulated amortization are written off, then any gain or loss arising from such disposal is included in the income or the expenses during the year.

The Company's intangible fixed assets include:

2 - C.T.1
HAN
VAN
14.10.2024

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

Land use right

Land use right includes all the actual expenses paid by the Company directly attributable to the land being used such as expenses to obtain the land use right, expenses for site clearance compensation and ground leveling, registration fees, etc. The land use right is amortized using the straight-line method over the remaining land allocation period of 35 years 9 months.

Computer software

Costs to obtain computer software, which is not a part associated with the relevant hardware, will be capitalized. Costs of computer software include all the expenses paid by the Company until the date the software is put into use. Computer software is amortized using the straight-line method in 03 years.

10. Construction-in-progress

Construction-in-progress reflects the expenses (including relevant borrowing interest expenses following the accounting policies of the Company) directly attributable to the construction of plants and the installation of machinery and equipment to serve for production, leasing, and management as well as the repair of fixed assets, which have not been completed yet. Assets in the progress of construction and installation are recorded at historical costs and not depreciated.

11. Business cooperation contract ("BCC")

Jointly controlled operations

In respect of its interests in jointly controlled operations, the Company shall recognize in its Financial Statements:

- the assets that the Company controls.
- the liabilities that the Company incurs.
- the revenue that the Company earns from the sale of merchandise or rendering services by the joint venture.
- the expenses that the Company incurs.

12. Payables and accrued expenses

Payables and accrued expenses are recorded based on the amounts payable for merchandise and services already used. Accrued expenses are recorded based on reasonable estimates for the amounts payable.

The classification of payables as trade payables, accrued expenses and other payables is made on the basis of following principles:

- Trade payables reflect payables of commercial nature arising from the purchase of merchandise, services, or assets and the seller is an independent entity with the Company.
- Accrued expenses reflect expenses for goods, services received from suppliers or supplied to customers but have not been paid, invoiced or lack of accounting records and supporting documents; pay on leave payable to employees; and accrual of operating expenses.
- Other payables reflect payables of non-commercial nature and irrelevant to purchase, sales of merchandise or rendering of services.

Payables and accrued expenses are classified into short-term and long-term ones in the Balance Sheet based on the remaining terms as of the balance sheet date.

13. Owner's equity

Owner's contribution capital

Owner's contribution capital is recorded according to the actual amounts invested by the shareholders.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

Share premiums

The differences between the issuance price and face value upon the IPO, additional issue or the difference between the re-issuance price and carrying value of treasury shares and the equity component of convertible bonds upon maturity date are recognized into share premiums. Expenses directly attributable to the additional issue of shares and the re-issuance of treasury shares are recorded as a decrease in share premiums.

14. Profit distribution

Profit after tax is distributed to the shareholders after appropriation for funds under the Charter of the Company as well as legal regulations and approved by the General Meeting of Shareholders.

The distribution of profits to the shareholders is made in consideration of non-cash items in retained earnings that may affect cash flows and the ability to pay dividends such as gains from revaluation of assets invested in other entities, gains from revaluation of monetary items, financial instruments and other non-cash items.

Dividend is recorded as payables upon approval of the General Meeting of Shareholders.

15. Recognition of revenue and income

Revenue from rendering of services

Revenue from rendering of services shall be recognized when all of the following conditions are satisfied:

- The amount of revenue can be measured reliably. When the contract stipulates that the buyer is entitled to return the services provided under specific conditions, revenue is recognized only when those specific conditions no longer exist and the buyer is not entitled to return the services rendered.
- The Company received or shall probably receive the economic benefits associated with the rendering of services.
- The stage of completion of the transaction at the end of reporting period can be measured reliably.
- The costs incurred for the transaction and the costs to complete the transaction can be measured reliably.

In the case that the services are rendered in several accounting periods, revenue is recognized on the basis of the stage of completion as of the balance sheet date.

Interest

Interest is recorded based on the term and the actual interest rate applied in each particular period.

Dividend income

Income from dividends is recognized when the Company has the right to receive dividends from the investees. Particularly, stock dividends received are not recorded as an increase in value, but the increasing quantity of shares is followed up.

16. Borrowing costs

Borrowing costs are interest expenses and other costs that the Company directly incurs in connection with the borrowings. Borrowing costs are recorded as expenses when incurred.

17. Expenses

Expenses are those that result in outflows of the Company's economic benefits and are recorded at the time of transactions or when incurrence of the transaction is reliable regardless of whether payment for expenses is made or not.

Expenses and their corresponding revenues are simultaneously recognized in accordance with matching principle. In the event that matching principle conflicts with prudence principle, expenses are recognized based on the nature and regulations of accounting standards in order to guarantee that transactions can be fairly and truly reflected.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

18. Corporate income tax

Corporate income tax only includes current income tax, which is the tax amount computed based on the taxable income. Taxable income is different from accounting profit due to the adjustments of temporary differences between tax and accounting figures, non-deductible expenses as well as those of non-taxable income and losses brought forward.

19. Related parties

Parties are considered to be related parties in case that one party is able to control the other party or has significant influence on the financial and operating decisions of the other party. Parties are also considered to be related parties in case that they are under the common control or under the common significant influence.

In considering each possible related party relationship, attention is directed to the substance of the relationship and not merely the legal form.

20. Segment reporting

A business segment is a distinguishable component of the Company that is engaged in manufacturing or providing products or services and that is subject to risks and returns that are different from those of other business segments.

A geographical segment is a distinguishable component of the Company that is engaged in manufacturing or providing products or services within a particular economic environment and that is subject to risks and returns that are different from those of components operating in other economic environments.

The segment information is prepared and presented in conformity with the accounting policy applied for the preparation and presentation of the Company's Financial Statements.

V. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE BALANCE SHEET

1. Cash and cash equivalents

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Cash on hand	12,993,298	75,769,659
Demand deposits in banks	11,999,205,147	13,536,301,993
Cash equivalents (<i>Bank deposits of which the principal maturity is from or under 3 months</i>)	33,000,000,000	48,000,000,000
Total	<u>45,012,198,445</u>	<u>61,612,071,652</u>

2. Financial investments

2a. Held-to-maturity investments

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Term deposits in bank with the term from 6 months to 1 year, the interest rates ranging from 3.7% to 5.2% per year	145,000,000,000	138,000,000,000

As of the balance sheet date, the term deposit at Asia Commercial Joint Stock Bank (ACB) of VND 25,000,000,000 was blocked to secure the loan at the same Bank (Note V.16).

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)**2b. Investments in other entities**

	Ending balance		Beginning balance	
	Original cost	Provision	Original cost	Provision
<i>Investments in subsidiaries</i>	<i>21,440,000,000</i>	-	<i>21,440,000,000</i>	-
Dong Nai Newport Logistics JSC.	21,440,000,000	-	21,440,000,000	-
<i>Investments in associates</i>	<i>97,120,000,000 (10,505,345,486)</i>		<i>97,120,000,000 (8,371,059,115)</i>	
Hai Phong – 128 Tan Cang JSC.	33,120,000,000 (10,505,345,486)		33,120,000,000 (8,371,059,115)	
Tan Cang Ben Thanh Corporation	54,000,000,000	-	54,000,000,000	-
Cat Lai – Eastern Saigon JSC.	10,000,000,000	-	10,000,000,000	-
<i>Investments in other entities</i>	<i>26,479,480,000</i>	-	<i>26,479,480,000</i>	-
Cat Lai Port JSC.	11,812,500,000	-	11,812,500,000	-
Military Commercial Joint Stock Bank (MBBank)	14,666,980,000	-	14,666,980,000	-
Total	145,039,480,000 (10,505,345,486)		145,039,480,000 (8,371,059,115)	

The number of shares held and the Company's ownership rates in the entities are as follows:

Name	Ending balance		Beginning balance	
	Number of shares	Ownership rate	Number of shares	Ownership rate
Dong Nai Newport Logistics JSC.	2,295,200	51.00%	2,295,200	51.00%
Hai Phong – 128 Tan Cang JSC.	3,312,000	36.00%	3,312,000	36.00%
Tan Cang Ben Thanh Corporation	5,400,000	36.00%	5,400,000	36.00%
Cat Lai – Eastern Saigon JSC.	1,000,000	20.00%	1,000,000	20.00%
MBBank	3,094,743		3,094,743	
Cat Lai Port JSC.	1,237,500	3.64%	1,237,500	3.64%

Fair value

For listed investments, fair value was determined in accordance with the listed price as of the balance sheet date, details are as follows:

	Ending balance	Beginning balance
MBBank	77,678,053,065	57,716,959,748
Cat Lai Port JSC.	44,302,500,000	45,663,750,000

The Company has not determined fair value of investments without listed price because there have not been any specific instructions on determination of fair value.

Operation of subsidiaries, associates

The subsidiary and the associates have been in their normal operation and have not experienced any significant change as compared to that of the previous year.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)*Transactions with subsidiaries and associates*

Significant transactions between the Company and its subsidiary and associates are as follows:

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
<i>Dong Nai Newport Logistics JSC.</i>		
Dividends receivable	218,646,223	362,338,414
Rendering of services to the subsidiary	1,686,309,384	4,083,109,563
Using services of the subsidiary	48,562,224,419	66,060,826,994
<i>Hai Phong – 128 Tan Cang JSC.</i>		
Rendering of services to the associate	1,048,608,000	3,148,992,000
<i>Tan Cang Ben Thanh Corporation</i>		
Dividends receivable	13,500,000,000	13,500,000,000
Rendering of services to the associate	360,742,000	375,446,900
Using services of the associate	333,044,086,891	337,845,612,652
<i>Cat Lai – Eastern Saigon JSC.</i>		
Using services of the associate	347,434,966,386	318,915,964,969
Acquisition of materials of the associate	15,693,340,000	21,257,800,000
Rendering of services to the associate	2,639,066,400	698,023,036
Dividends receivable	824,766,240	1,185,962,231

3. Short-term trade receivables

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<i>Receivables from related parties</i>		
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	390,468,594,587	200,717,040,157
Tan Cang Warehousing JSC.	386,005,068,022	197,071,393,066
Tan Cang Overland Transport JSC.	1,672,431,300	1,024,792,760
Tan Cang Waterway Transport JSC.	1,087,207,920	237,299,400
Tan Cang Hiep Phuoc Port JSC.	460,185,166	623,859,142
Tan Cang Hiep Phuoc Port JSC.	93,980,520	538,772,600
Hai Phong – 128 Tan Cang JSC.	94,089,600	283,409,280
Phu Huu – Newport Corporation	94,089,600	486,433,680
Tan Cang Hiep Luc JSC.	144,898,740	486,433,680
Tan Cang Hiep Luc JSC.	90,149,760	18,354,600
Tan Cang Container Services JSC.	725,213,706	342,781,462
Tan Cang Ben Thanh Corporation	65,601,360	75,340,800
Tan Cang Pilot One Member Limited Liability Company	21,657,300	-
Tan Cang Information Technology Solutions JSC.	-	1,844,640
Tan Cang – Cai Mep International Terminal Co., Ltd.	199,113	12,758,727
Tan Cang Maritime Services JSC.	7,912,080	-
<i>Receivables from other customers</i>	22,772,251,451	24,537,709,770
Total	413,240,846,038	225,254,749,927

4. Short-term prepayments to suppliers

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Phuc Lam Engineering and Trading JSC.	1,024,716,000	-
Lin Dan Engineering Trading and Investment Co., Ltd.	674,942,400	1,518,599,700
Other suppliers	683,587,512	435,401,700
Total	2,383,245,912	1,954,001,400

002
 NH
 Y
 00
 TU
 P. H.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

5. Other receivables

5a. Other short-term receivables

	Ending balance		Beginning balance	
	Value	Allowance	Value	Allowance
<i>Receivables from related parties</i>	247,320,000	-	494,365,056	-
Cat Lai – Eastern Saigon JSC.	231,000,000	-	231,000,000	-
- deposit for hiring yards				
Cat Lai – Eastern Saigon JSC.	16,320,000	-	-	-
- Other receivables				
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation – Payments on behalf	-	-	263,365,056	-
<i>Receivables from other organizations and individuals</i>	6,114,903,909	-	6,733,572,641	-
Eastern Saigon Logistics JSC. – Deposit for using services	4,112,000,000	-	4,112,000,000	-
Accrued interest income of term deposits	1,602,926,027	-	1,812,641,096	-
Deposits	40,000,000	-	45,000,000	-
Advances	287,508,062	-	302,183,646	-
Hiep Huy Hoang One Member Co., Ltd. – BCC capital contribution	-	-	375,000,000	-
Other short-term receivables	72,469,820	-	86,747,899	-
Total	6,362,223,909	-	7,227,937,697	-

5b. Other long-term receivables

	Ending balance		Beginning balance	
	Value	Allowance	Value	Allowance
Deposit for water supply	30,000,000	-	30,000,000	-
Deposit for TCL office lease	-	-	2,000,000,000	-
Ms. Bui Thi No – Deposit for land rental	300,000,000	-	300,000,000	-
Deposit for hiring yards	17,661,300,000	-	17,661,300,000	-
Construction Investment JSC. No. 14	8,316,000,000	-	8,316,000,000	-
Quang Minh Investment Construction Transport JSC.	3,000,000,000	-	3,000,000,000	-
Tincons Co., Ltd.	6,345,300,000	-	6,345,300,000	-
Total	17,991,300,000	-	19,991,300,000	-

6. Allowance for short-term doubtful debts

	Overdue period	Ending balance		Beginning balance	
		Original cost	Allowance	Original cost	Allowance
Global Fertilizer Investment JSC. (*)	Over 3 years	2,376,686,073	(516,721,074)	786,644,103	(171,026,200)
	From 2 to 3 years	-	-	1,590,041,970	(241,986,412)
Receivable from other organizations	Over 3 years	137,186,669	(137,186,669)	137,186,669	(137,186,669)
Total		2,513,872,742	(653,907,743)	2,513,872,742	(550,199,281)

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

- (*) Allowance for doubtful debts of Global Fertilizer Investment JSC. is made after being offset against payables.

Fluctuations in allowance for doubtful debts are as follows:

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Beginning balance	550,199,281	137,186,669
Additional allowance	103,708,462	413,012,612
Ending balance	<u>653,907,743</u>	<u>550,199,281</u>

7. Inventories

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Materials and supplies in stock	13,096,217,340	12,916,648,263

8. Prepaid expenses**8a. Short-term prepaid expenses**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Expenses for software	-	63,487,742
Expenses for military uniforms, uniforms and labor protection	614,989,800	665,386,100
Insurance premiums	776,169,289	775,124,067
Total	<u>1,391,159,089</u>	<u>1,503,997,909</u>

8b. Long-term prepaid expenses

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Expenses for repairs and replacement of mattress and crane at rice packing dock	6,598,097,448	9,970,098,175
Expenses for repairs, construction at Tan Cang Nhon Trach	14,863,582,113	16,564,440,582
Expenses for repairs, renovation of Tan Cang My Thuy power supply line	645,161,336	1,100,195,056
Expenses for construction, interior repairs, and equipment installation at TCL building	1,194,121,088	1,084,737,244
Expenses for construction, upgrading at Depot Tan Cang My Thuy 2	1,756,722,265	1,434,025,376
Expenses for construction at Depot Tan Cang Tan Van	2,434,623,788	167,297,088
Expenses for crane repairs	4,093,823,231	-
Total	<u>31,586,131,269</u>	<u>30,320,793,521</u>

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

9. Tangible fixed assets	Buildings and structures	Machinery and equipment	Vehicles	Office equipment	Perennial plants	Other fixed assets	Total
Historical costs							
Beginning balance	273,249,176,123	537,825,555,902	9,323,285,831	2,512,306,509	80,000,000	11,653,706,879	834,644,031,244
New acquisition	-	-	972,627,273	73,884,540	-	407,455,556	1,453,967,369
Completed construction	3,133,464,073	-	-	140,231,000	-	-	3,273,695,073
Increase due to finalization	83,333,333	90,000,000	-	-	-	60,185,185	233,518,518
Decrease due to conclusion of MOF's Inspector	-	-	-	-	-	(276,529,113)	(276,529,113)
Ending balance	276,465,973,529	537,915,555,902	10,295,913,104	2,726,422,049	80,000,000	11,844,818,507	839,328,683,091
<i>In which:</i>							
Assets fully depreciated but still in use	13,608,662,300	192,599,384,229	6,619,821,285	2,397,276,509	80,000,000	215,582,902	215,520,727,225
Assets waiting for liquidation	-	-	-	-	-	-	-
Depreciation							
Beginning balance	117,896,957,550	462,183,138,804	7,018,691,951	2,403,326,190	80,000,000	2,106,309,418	591,688,423,913
Depreciation during the year	11,375,427,978	11,358,640,890	676,680,418	80,469,237	-	2,203,646,513	25,694,865,036
Ending balance	129,272,385,528	473,541,779,694	7,695,372,369	2,483,795,427	80,000,000	4,309,955,931	617,383,288,949
Net book value							
Beginning balance	155,352,218,573	75,642,417,098	2,304,593,880	108,980,319	-	9,547,397,461	242,955,607,331
Ending balance	147,193,588,001	64,373,776,208	2,600,540,735	242,626,622	-	7,534,862,576	221,945,394,142
<i>In which:</i>							
Assets temporarily not in use	-	-	-	-	-	-	-
Assets waiting for liquidation	-	-	-	-	-	-	-

Some tangible fixed assets with the net book value of VND 68,286,894,050 have been pledged as collateral for the Company's loan at Vietnam International Commercial Joint Stock Bank (VIB) – Saigon Branch.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

10. Intangible fixed assets

	Land use right ^(*)	Computer software	Total
Historical costs			
Beginning balance	27,991,682,391	700,229,000	28,691,911,391
Ending balance	<u>27,991,682,391</u>	<u>700,229,000</u>	<u>28,691,911,391</u>
<i>In which:</i>			
Assets fully amortized but still in use	-	580,229,000	580,229,000
Amortization			
Beginning balance	5,233,738,895	589,153,730	5,822,892,625
Amortization during the year	705,672,660	39,999,996	745,672,656
Ending balance	<u>5,939,411,555</u>	<u>629,153,726</u>	<u>6,568,565,281</u>
Net book value			
Beginning balance	22,757,943,496	111,075,270	22,869,018,766
Ending balance	<u>22,052,270,836</u>	<u>71,075,274</u>	<u>22,123,346,110</u>
<i>In which:</i>			
Assets temporarily not in use	-	-	-
Assets waiting for liquidation	-	-	-

- (*) This is the land use right in Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City acquired from District 2 Public Service One Member Co., Ltd., with the term of use until 30 August 2055; the net book value of VND 22,052,270,836 which has been pledged as collateral at VIB - Saigon Branch.

11. Construction-in-progress

	Beginning balance	Expenses incurred	Transferred to fixed assets	Ending balance
Acquisition of fixed assets	288,000,000	1,485,283,110	(1,453,967,369)	319,315,741
Construction-in-progress	2,668,427,324	3,694,093,083	(3,273,695,073)	3,088,825,334
<i>Project of relocation of petroleum warehouse of region 2</i>	1,808,239,341	87,384,138	-	1,895,623,479
<i>Project of road connecting IMDG yard in ICD TCNT</i>	-	2,433,939,073	(2,433,939,073)	-
<i>Other projects</i>	860,187,983	1,172,769,872	(839,756,000)	1,193,201,855
Total	<u>2,956,427,324</u>	<u>5,179,376,193</u>	<u>(4,727,662,442)</u>	<u>3,408,141,075</u>

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)**12. Short-term trade payables**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<i>Payables to related parties</i>	<i>218,333,638,683</i>	<i>152,708,265,163</i>
Phu Huu – Newport Corporation	15,874,920	25,923,240
Tan Cang Container Services JSC.	19,947,820,777	11,834,236,546
Tan Cang Offshore Travel and Flight Services JSC.	35,357,000	244,129,731
Cat Lai – Eastern Saigon JSC.	29,691,170,956	20,641,457,950
Tan Cang Technical Services JSC.	8,801,507,909	5,163,866,468
Tan Cang Warehousing JSC.	50,447,070	56,552,040
Tan Cang – STC Human Resource Development Co., Ltd.	42,920,000	-
Tan Cang Ben Thanh Corporation	140,422,506,082	97,007,582,280
Dong Nai Newport Logistics JSC.	19,121,671,023	16,638,609,588
Tan Cang Waterway Transport JSC.	148,758,120	1,095,907,320
Tan Cang Hiep Luc JSC.	28,169,856	-
Tan Cang Overland Transport JSC.	27,434,970	-
<i>Payables to other suppliers</i>	<i>61,785,787,049</i>	<i>23,725,358,844</i>
Total	<u>280,119,425,732</u>	<u>176,433,624,007</u>

The Company has no overdue trade payables.

13. Taxes and other obligations to the State Budget

	<u>Beginning balance</u>	<u>Amount payable during the year</u>	<u>Amount already paid during the year</u>	<u>Ending balance</u>
VAT on local sales	-	22,624,351,095	(22,624,351,095)	-
Corporate income tax	11,484,549,613	30,468,150,951	(31,584,210,458)	10,368,490,106
Corporate income tax paid on behalf of the BCC's parties	1,319,371,794	1,437,067,916	(1,478,536,220)	1,277,903,490
Personal income tax	187,214,420	6,835,966,857	(6,605,550,898)	417,630,379
License duty	-	5,500,000	(5,500,000)	-
Foreign contractor tax (FCT)	-	113,706,818	(113,706,818)	-
Total	<u>12,991,135,827</u>	<u>61,484,743,637</u>	<u>(62,411,855,489)</u>	<u>12,064,023,975</u>

Value added tax (VAT)

The Company has to pay VAT in accordance with the deduction method. The VAT rate applied to water sale is 5%, and the VAT rates applied to other services are 8% and 10%.

Corporate income tax (CIT)

The Company has to pay CIT for taxable income at the rate of 20%.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

Estimated CIT payable during the year is as follows:

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Total accounting profit before tax	166,842,554,150	162,616,120,811
Increases/(decreases) of accounting profit to determine income subject to tax:		
- Increases	4,806,484,567	2,616,805,870
<i>Non-deductible expenses</i>	4,806,565,588	4,727,030,661
<i>Exchange gain due to the revaluation of cash in the previous year which is realized in the current year</i>	4,806,518,870	4,726,985,576
	46,718	45,085
- Decreases	(81,021)	(2,110,224,791)
<i>Exchange gain due to the revaluation of cash at the end of the current year</i>	(81,021)	(46,718)
<i>Temporary differences of the previous year with unrecognized deferred income tax</i>	-	(2,110,178,073)
Income subject to tax	171,649,038,717	165,232,926,681
Income exempted from tax (income from dividends)	(19,308,283,963)	(20,947,841,145)
Total taxable income	152,340,754,754	144,285,085,536
CIT rate	20%	20%
CIT payable	30,468,150,951	28,857,017,107
<i>Adjustments of CIT of the previous years</i>	-	1,829,000
Total CIT to be paid	30,468,150,951	28,858,846,107

The determination of corporate income tax liability of the Company is based on the prevailing regulations on taxes. However, these regulations may change from time to time and regulations applicable to variety of transactions can be interpreted differently. Therefore, the tax amount presented in the Financial Statements could change when being inspected by the Tax Office.

Other taxes

The Company declares and pays these taxes according to prevailing regulations.

14. Short-term accrued expenses

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<i>Accrued expenses to related parties</i>	14,680,217,982	18,322,814,365
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation – Land rental	3,372,386,322	472,582,400
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation – Expenses for loading and unloading, lifting on and lifting off	2,042,398,000	-
Tan Cang Ben Thanh Corporation		
- Expenses for transportation, loading and unloading, and yard storage	9,265,433,660	17,850,231,965
<i>Payables to other organizations and individuals</i>	5,535,962,925	4,295,045,700
Loan interest expenses	22,884,171	-
Expenses for transportation, loading and unloading	2,269,994,996	1,190,188,350
Expenses for yard storage	3,243,083,758	3,104,857,350
Total	20,216,180,907	22,617,860,065

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

15. Other payables

15a. Other short-term payables

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<i>Payables to related parties</i>	19,391,273,904	21,350,903,936
Tan Cang Ben Thanh Corporation ⁽ⁱ⁾	10,598,617,337	13,378,334,623
- BCC contribution capital	6,000,000,000	-
- Payable for profit distributed from BCC results	4,598,617,337	13,378,334,623
Dong Nai Newport Logistics JSC.	2,930,563,532	3,892,452,914
- Receipts and payments on behalf	-	266,960,056
- BCC contribution capital ⁽ⁱ⁾	1,500,000,000	-
- Deposit for hiring office	280,909,200	280,909,200
- Payable for profit distributed from BCC results ⁽ⁱ⁾	1,149,654,332	3,344,583,658
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation - Payable for receipts and payments on behalf	21,000,000	-
Tan Cang Pilot One Member Limited Liability Company – profit distributed from BCC results ⁽ⁱⁱ⁾	5,841,093,035	4,080,116,399
<i>Payables to other organizations and individuals</i>	14,226,660,370	15,948,232,904
Trade Union's expenditure	357,370,549	699,538,669
Social insurance premiums, health insurance premiums	807,034,261	722,401,407
Dividends payable	6,349,573,989	6,279,515,215
Deposit received for office rental	100,000,000	283,806,100
Union One Logistics and Trade Investment JSC. - profit distributed from BCC results ⁽ⁱⁱ⁾	2,299,656,040	1,125,671,572
Hiep Huy Hoang Company – payable for BCC	-	4,922,483,282
Payable for container deposit received on behalf	2,391,772,510	-
Other short-term payables	1,921,253,021	1,914,816,659
Total	<u>33,617,934,274</u>	<u>37,299,136,840</u>

15b. Other long-term payables

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<i>Payables to related parties</i>	20,813,210,000	28,313,210,000
Tan Cang Ben Thanh Corporation	-	6,000,000,000
- BCC contribution capital ⁽ⁱ⁾	-	-
Dong Nai Newport Logistics JSC.	-	1,500,000,000
- BCC contribution capital ⁽ⁱ⁾	-	-
Tan Cang Information Technology Solutions JSC.	63,210,000	63,210,000
- Deposit received for office rental	-	-
Tan Cang Pilot One Member Limited Liability Company – BCC contribution capital ⁽ⁱⁱ⁾	18,750,000,000	18,750,000,000
Tan Cang Pilot One Member Limited Liability Company – Deposit received for office rental	2,000,000,000	2,000,000,000
<i>Payables to other organizations and individuals</i>	15,318,416,504	17,134,610,404
Union One Logistics and Trade Investment JSC. - BCC contribution capital ⁽ⁱⁱ⁾	12,500,000,000	12,500,000,000
Long-term deposits received	2,818,416,504	4,634,610,404
Total	<u>36,131,626,504</u>	<u>45,447,820,404</u>

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

Additional information on Business Cooperation Contracts ("BCC"):

- (i) According to BCC No. 490/HD-GNVT-KHKD dated 30 May 2014, the Agreement Minutes of Capital Increase dated 25 May 2016 and additional agreements on business cooperation in exploiting container yards and services related to loading and unloading into goods container and container tank at Depot 6 - Cat Lai Port, three participating parties are as follows: The Company contributes VND 7,500,000,000 equivalent to 50%; Tan Cang Ben Thanh Corporation contributes VND 6,000,000,000 equivalent to 40%; and Dong Nai Newport Logistics JSC. contributes VND 1,500,000,000 equivalent to 10%. As at 31 December 2024, the parties were completing the procedures for termination of this business cooperation.
- (ii) According to BCC No. 612/2015/TCL-HT-TT dated 26 October 2015 and the Capital Contribution Transfer Contract dated 10 January 2017 on business cooperation for the implementation of the project "receiving the transfer of land use right and investing in the construction and exploitation of office building" in My Thanh Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, three participating parties are as follows: The Company contributes 50%; Tan Cang Pilot One Member Limited Liability Company contributes 30% and Union One Investment, Union One Logistics and Trade Investment JSC. (receiving the transfer from Thu Thiem Construction, Trade and Services Co., Ltd.) contributes 20% of total investment capital of the project. The Company is the representative of the BCC. The term of contract is 50 years.

15c. Overdue debts

The Company has no other overdue payables.

16. Borrowings

16a. Short-term borrowings

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Asia Commercial Joint Stock Bank ("ACB") - Head Office - Short-term loans ^(*)	25,000,000,000	-
Vietnam International Commercial Joint Stock Bank ("VIB") - Saigon Branch - Current portions of long-term loans (Note V.16b)	7,249,712,000	7,249,712,000
Total	<u>32,249,712,000</u>	<u>7,249,712,000</u>

The Company has solvency to repay short-term loans.

^(*) This is the loan arising from the Agreement dated 27 December 2024 with the amount of VND 25 billion to supplement working capital serving production and business activities, the loan term is 3 months starting from the day after the first disbursement date. The in-due interest rate is 5% per year. Collateral is all balances including principal and interest arising from term deposits at the same Bank.

Details of increase/ (decrease) of short-term borrowings during the year are as follows:

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Beginning balance	7,249,712,000	7,249,712,000
Amount of loans incurred	25,000,000,000	-
Transfer from long-term borrowings	7,249,712,000	7,249,712,000
Amount of loans repaid	<u>(7,249,712,000)</u>	<u>(7,249,712,000)</u>
Ending balance	<u>32,249,712,000</u>	<u>7,249,712,000</u>

16b. Long-term borrowings

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
VIB - Saigon Branch	1,811,700,252	9,061,412,252

The Company has solvency to repay long-term loans.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

This is the loan arising from the Credit Agreement dated 24 January 2018 to invest in the project: "Receiving the transfer of land use right and investing in the construction and exploitation of the office building" at Lot 11, Residential Quarter 1, Thanh My Loi Ward, District 2, Ho Chi Minh City. Total Credit Agreement amount is VND 62,500,000,000 within 18 months starting from the first withdrawal date. The loans are required to be repaid in 28 equal installments for each quarter, starting on the 15th month starting from the first withdrawal date. The floating interest rate are applied as of the disbursement date (the applicable interest rate in 2024 was 7 - 8% per year). Collateral includes land use right and constructions on the land financed by the loan.

Payment schedule of long-term borrowings is as follows:

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
From or under 1 year	7,249,712,000	7,249,712,000
Over 1 year to 5 years	1,811,700,252	9,061,412,252
Over 5 years	-	-
Total	<u>9,061,412,252</u>	<u>16,311,124,252</u>

Details of increase/ (decrease) of long-term borrowings are as follows:

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Beginning balance	9,061,412,252	16,311,124,252
Transfer to short-term loans	(7,249,712,000)	(7,249,712,000)
Ending balance	<u>1,811,700,252</u>	<u>9,061,412,252</u>

17. Bonus and welfare funds

	<u>Bonus fund</u>	<u>Welfare fund</u>	<u>Bonus fund for the Executive Officers</u>	<u>Total</u>
Beginning balance	8,660,837,071	9,035,925,883	-	17,696,762,954
Increase due to appropriation from profit	11,700,581,829	11,700,581,829	647,589,368	24,048,753,026
Increase due to allocation from the Parent Company	70,480,000	-	-	70,480,000
Disbursement in the year	(10,756,000,000)	(11,979,670,250)	(647,589,368)	(23,383,259,618)
Ending balance	<u>9,675,898,900</u>	<u>8,756,837,462</u>	<u>-</u>	<u>18,432,736,362</u>

18. Owner's equity

18a. Statement on changes in owner's equity

	<u>Owner's contribution capital</u>	<u>Share premiums</u>	<u>Investment and development fund</u>	<u>Retained earnings</u>	<u>Total</u>
<i>For the year 2023</i>					
Beginning balance	301,584,360,000	20,712,126,338	117,697,722,245	67,950,359,046	507,944,567,629
Profit of the year	-	-	-	133,757,274,704	133,757,274,704
Dividends declared from profit of 2022	-	-	-	(67,278,359,046)	(67,278,359,046)
Appropriation for funds from profit of 2022	-	-	-	(772,000,000)	(772,000,000)
Adjustment of BCC profit distribution of 2022	-	-	-	100,000,000	100,000,000
Appropriation for funds from profit of 2023	-	-	40,127,182,411	(62,949,624,379)	(22,822,441,968)
Ending balance	<u>301,584,360,000</u>	<u>20,712,126,338</u>	<u>157,824,904,656</u>	<u>70,807,650,325</u>	<u>550,929,041,319</u>

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

	Owner's contribution capital	Share premiums	Investment and development fund	Retained earnings	Total
<i>For the year 2024</i>					
Beginning balance	301,584,360,000	20,712,126,338	157,824,904,656	70,807,650,325	550,929,041,319
Profit of the year	-	-	-	136,374,403,199	136,374,403,199
Dividends declared from profit of 2023	-	-	-	(70,160,060,957)	(70,160,060,957)
Appropriation for funds from profit of 2023	-	-	-	(647,589,368)	(647,589,368)
Appropriation for funds from profit of 2024	-	-	40,912,320,960	(64,313,484,618)	(23,401,163,658)
Ending balance	301,584,360,000	20,712,126,338	198,737,225,616	72,060,918,581	593,094,630,535

18b. Details of owner's capital contribution

	Ending balance	Beginning balance
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	153,812,730,000	153,812,730,000
Other shareholders	147,771,630,000	147,771,630,000
Total	301,584,360,000	301,584,360,000

18c. Shares

	Ending balance	Beginning balance
Number of ordinary shares registered to be issued	30,158,436	30,158,436
Number of ordinary shares already issued	30,158,436	30,158,436
Number of ordinary shares repurchased	-	-
Number of ordinary outstanding shares	30,158,436	30,158,436

Face value per outstanding share: VND 10,000.

18d. Profit distribution

During the year, the Company distributed profit in accordance with the Resolution of 2024 Annual General Meeting of Shareholders No.453/NQ-DHDCDTN.2024 dated 6 June 2024 as follows:

	VND
Distribution of profit after tax of 2023	
• Dividends declared to shareholders	: 70,160,060,957
• Appropriation for the Executive Officers' bonus fund	: 647,589,368
Temporary distribution of profit after tax of 2024	
• Appropriation for investment and development fund (30% of profit after tax)	: 40,912,320,960
• Appropriation for bonus and welfare funds (25% of actual payroll fund)	: 23,401,163,658

19. Off-Balance Sheet items

As of the balance sheet date, cash and cash equivalents included USD 65.34 (the beginning balance was USD 65.34).

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)**VI. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE INCOME STATEMENT****1. Revenue from sales of merchandise and rendering of services****1a. Gross revenue**

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Revenue from transportation, loading and unloading services	255,968,305,426	270,741,445,669
Revenue from depot services	1,254,366,725,250	1,130,375,400,287
Revenue from other services	70,526,321,045	89,787,755,952
Total	<u>1,580,861,351,721</u>	<u>1,490,904,601,908</u>

1b. Revenue from sales of merchandise and rendering of services to related parties

Besides transactions of rendering of services to the subsidiary and the associates as presented in Note V.2b, the Company also has transactions of rendering of services to related parties which are neither the subsidiary nor the associates as follows:

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	812,317,102,568	860,187,364,491
Tan Cang Warehousing JSC.	3,506,759,677	2,937,225,569
Tan Cang Overland Transport JSC.	3,602,790,962	2,702,499,506
Tan Cang Waterway Transport JSC.	1,908,271,778	1,625,936,709
Phu Huu – Newport Corporation	705,011,723	1,747,696,265
Tan Cang Information Technology Solutions JSC.	526,662,500	228,147,500
Tan Cang Hiep Luc JSC.	250,535,600	194,699,545
Tan Cang Hiep Phuoc Port JSC.	3,317,111,704	1,296,050,746
Tan Cang – Cai Mep International Terminal Co., Ltd.	54,581,091	192,106,364
Tan Cang Container Services JSC.	1,065,728,151	1,316,400,791
Binh Duong – Newport Logistics JSC.	187,962,963	-
Tan Cang Pilot One Member Limited Liability Company	5,309,995,446	5,294,623,080
Tan Cang Maritime Services JSC.	29,489,000	23,121,818

2. Costs of sales

This is the cost of services rendered in the year.

3. Financial income

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Interest from term deposits	6,433,394,517	11,478,210,111
Interest from demand deposits	20,080,417	64,539,030
Dividends and profit received	19,308,283,963	20,947,841,145
Exchange gain due to the revaluation of monetary items in foreign currencies	81,021	46,718
Total	<u>25,761,839,918</u>	<u>32,490,637,004</u>

4. Financial expenses

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Interest expenses	503,814,945	1,025,856,761
Provisions for diminution in value of financial investments	2,134,286,371	3,496,520,634
Total	<u>2,638,101,316</u>	<u>4,522,377,395</u>

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)**5. Selling expenses**

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Commission expenses	24,134,310,883	27,246,350,059
Expenses for external services	3,262,685,184	3,132,989,368
Other expenses	2,839,953,300	4,560,007,841
Total	<u>30,236,949,367</u>	<u>34,939,347,268</u>

6. General and administration expenses

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Labor costs	37,247,366,573	35,423,482,129
Office supplies	848,818,637	1,038,461,651
Depreciation/amortization of fixed assets	737,975,855	709,723,133
Taxes, fees and legal fees	410,071,027	114,151,891
Allowance for doubtful debts	103,708,462	413,012,612
Expenses for external services	8,256,715,821	7,950,675,840
Other expenses	21,272,827,882	19,757,489,957
Total	<u>68,877,484,257</u>	<u>65,406,997,213</u>

7. Other income

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Gain on disposal and liquidation of fixed assets	-	557,480,909
Proceeds from damage compensation	1,963,377	1,558,718,789
Other income	4,973,290	18,579,700
Total	<u>6,936,667</u>	<u>2,134,779,398</u>

8. Earnings per share ("EPS")

The information of EPS is presented in the Consolidated Financial Statements.

9. Operating costs by factors

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Materials and supplies	46,576,382,463	54,901,204,459
Labor costs	107,971,018,501	104,086,969,946
Depreciation/amortization of fixed assets (*)	24,986,299,848	23,657,211,817
Expenses for external services	1,226,550,794,060	1,144,168,616,506
Other expenses	31,041,574,098	31,539,667,296
Total	<u>1,437,126,068,970</u>	<u>1,358,353,670,024</u>

(*) Total depreciation expenses in the year
(Notes V.9, V.10)

Depreciation expenses allocated to BCC's party	<u>(1,454,237,844)</u>	<u>(1,454,237,844)</u>
Depreciation expenses of the Company	<u>24,986,299,848</u>	<u>23,657,211,817</u>

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

VII. OTHER DISCLOSURES

1. Transactions and balances with the related parties

The related parties of the Company include the key managers, their related individuals and other related parties.

1a. Transactions and balances with the key managers and their related individuals

The key managers include the Board of Directors (BOD), the Board of Supervisors (BOS) and the Executive Officers (the Board of Management (BOM) and the Chief Accountant). The key managers' related individuals are their close family members.

Transactions, receivables from and payables to key managers and their related individuals

The Company has no transactions or receivables from and payables to the key managers and their related individuals.

Compensation of the key managers

		<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Mr. Le Hoang Linh	Chairman	1,450,126,107	1,487,321,024
Mr. Le Van Cuong	BOD Member cum Director	1,433,047,221	1,410,760,042
Mr. Hoang Duc Thinh	BOD Member	109,814,567	117,540,373
Mr. Nguyen Xuan Binh	BOD Member	-	28,770,186
Mr. Pham Trung Nghi	BOD Member	109,814,567	88,770,186
Mr. Ngo Ngoc Khanh	BOD Member cum Deputy Director	530,091,340	88,770,186
Mr. Pham Van Phuong	Head of BOS	109,814,567	117,540,373
Mr. Tran Van Truong	BOS Member	675,642,157	635,221,551
Ms. Le Thi Kim Chung	BOS Member	69,851,653	76,032,298
Mr. Dang Thanh Son	Deputy Director	875,561,388	966,370,821
Mr. Chau Thanh Hai	Deputy Director	934,674,836	930,618,081
Mr. Nguyen Van Hoa	Deputy Director	892,404,836	875,882,361
Ms. Pham Thi Thu Ha	Chief Accountant	823,069,499	794,736,524
Total		<u>8,013,912,739</u>	<u>7,618,334,007</u>

1b. Transactions and balances with the related parties

Other related parties of the Company during the year include:

<u>Name</u>	<u>Relationship</u>
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	Parent Company
Dong Nai Newport Logistics JSC.	Subsidiary
Hai Phong – 128 Tan Cang JSC.	Associate
Tan Cang Ben Thanh Corporation	Associate
Cat Lai – Eastern Sai Gon JSC.	Associate
Tan Cang Construction JSC.	Company in the same Group
ICD Tan Cang Song Than JSC.	Company in the same Group
Tan Cang Warehousing JSC.	Company in the same Group
ICD Tan Cang – Long Binh JSC.	Company in the same Group
Tan Cang Overland Transport JSC.	Company in the same Group
Tan Cang Waterway Transport JSC.	Company in the same Group

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

Name	Relationship
Tan Cang Technical Services JSC.	Company in the same Group
Tan Cang – Cai Mep JSC.	Company in the same Group
Tan Cang Information Technology Solutions JSC.	Company in the same Group
Tan Cang Hiep Phuoc Port JSC.	Company in the same Group
Tan Cang – STC Human Resource Development Co., Ltd.	Company in the same Group
Phu Huu – Newport Corporation	Company in the same Group
Tan Cang Hiep Luc JSC.	Company in the same Group
Cat Lai Port JSC.	Company in the same Group
SITC Newport Logistics Co., Ltd.	Company in the same Group
Tan Cang Container Services JSC.	Company in the same Group
Tan Cang – Tay Ninh JSC.	Company in the same Group
Tan Cang HMM Logistics Co., Ltd.	Company in the same Group
Tan Cang Offshore Travel and Flight Services JSC.	Company in the same Group
Tan Cang Shipping Warehouse Service Co., Ltd.	Company in the same Group

Transactions with other related parties

Apart from transactions with the subsidiary and the associates as presented in Note V.2b as well as transactions of rendering of services to other related parties which are neither the subsidiary nor the associates as presented in Note VI.1b, the Company also has other significant transactions with other related parties as follows:

	Current year	Previous year
<i>Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation</i>		
Using services rendered by the Parent Company	13,985,586,710	13,366,004,550
Dividends payable to the Parent Company	35,782,725,977	34,313,013,032
<i>Tan Cang Pilot One Member Limited Liability Company</i>		
Allocating BCC's revenue	4,651,709,356	4,669,400,179
Allocating BCC's expenses	3,111,261,737	3,148,834,604
<i>Cat Lai Port JSC.</i>		
Dividends receivable	3,217,500,000	4,554,000,000
<i>Using services rendered by the related parties</i>		
Tan Cang Overland Transport JSC.	264,627,000	432,160,380
Tan Cang Waterway Transport JSC.	3,841,429,000	8,142,111,550
Tan Cang Technical Services JSC.	40,037,834,325	39,145,451,819
Tan Cang Information Technology Solutions JSC.	-	4,084,623,599
Tan Cang Hiep Phuoc Logistics JSC.	138,848,600	133,705,000
Phu Huu – Newport Corporation	229,156,000	174,790,000
Tan Cang – STC Human Resource Development Co., Ltd.	334,234,049	159,082,168
Tan Cang Shipping Warehouse Service Co., Ltd.	861,111	14,213,637
Tan Cang Hiep Luc JSC.	100,395,500	723,920,200
Tan Cang HMM Logistics Co., Ltd.	31,870,365	91,974,407
Tan Cang Container Services JSC.	37,452,132,109	33,154,194,780
Tan Cang Offshore Travel and Flight Services JSC.	568,209,332	550,851,228
Tan Cang Warehousing JSC.	443,731,750	354,614,000

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (Cont.)

Receivables from and payables to other related parties

Receivables from and payables to other related parties are presented in Notes V.3, V.4, V.5a, V.12, V.14 and V.15.

Receivables from other related parties are unsecured and will be paid in cash. No allowance has been made for the receivables from other related parties.

2. Segment information

The Company only operates in the field of providing transportation, forwarding, loading and unloading services in the area of Cat Lai Port, in the Vietnamese territory. Therefore, the Company does not present the segment reporting by business segment or geographical segment.

3. Subsequent events

There have been no material events after the balance sheet date, which require to make adjustments on the figures or to be disclosed in the Financial Statements.

Prepared on 25 February 2025

Prepared by

Chief Accountant

Director



Nguyen Xuan Tan

Pham Thi Thu Ha

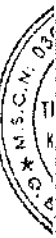
Le Van Cuong

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ
GIAO NHẬN VẬN TẢI
XẾP DỠ TÂN CẢNG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	13 - 39



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103006182, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 3 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 12 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 08 tháng 3 năm 2021 do thay đổi địa chỉ Công ty.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028 73073979
- Fax : 028 37423027

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, đường thủy nội địa;
- Dịch vụ logistics;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Đại lý vận tải đường biển;
- Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Dịch vụ cho thuê kho bãi, kiểm đếm, đóng gói hàng hóa.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Lê Hoàng Linh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2020
Ông Lê Văn Cường	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 6 tháng 6 năm 2024
Ông Hoàng Đức Thịnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021
Ông Ngô Ngọc Khánh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2022
Ông Phạm Trung Nghị	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2022

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Văn Phương	Trưởng ban	Ngày 15 tháng 6 năm 2021
Bà Lê Thị Kim Chung	Thành viên	Ngày 15 tháng 6 năm 2021
Ông Trần Văn Trường	Thành viên	Ngày 16 tháng 6 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lê Văn Cường	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 02 năm 2020
Ông Châu Thanh Hải	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 02 năm 2021
Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 11 năm 2021
Ông Ngô Ngọc Khánh	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 02 năm 2024
Ông Đặng Thanh Sơn	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 07 tháng 11 năm 2024
Bà Phạm Thị Thu Hà	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 11 năm 2019

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Lê Văn Cường.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Nhóm Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Nhóm Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc



Lê Văn Cường

Ngày 25 tháng 02 năm 2025

Số:2.0109/25/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và Công ty con (gọi chung là “nhóm Công ty”), được lập ngày 25 tháng 02 năm 2025, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của nhóm Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng và Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức – Thành viên Ban Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0368-2023-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2025

Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 4028-2022-008-1



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		663.244.375.700	474.241.740.927
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	55.519.125.648	71.071.180.963
1. Tiền	111		13.519.125.648	20.071.180.963
2. Các khoản tương đương tiền	112		42.000.000.000	51.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		145.102.279.452	138.800.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	145.102.279.452	138.800.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		444.458.326.105	248.269.964.734
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	428.124.364.646	231.658.324.499
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.399.837.389	2.021.727.046
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	14.846.581.813	15.398.662.470
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(912.457.743)	(808.749.281)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		13.096.217.340	12.916.648.263
1. Hàng tồn kho	141	V.7	13.096.217.340	12.916.648.263
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.068.427.155	3.183.946.967
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	3.125.709.558	2.114.848.569
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.942.717.597	1.069.098.398
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thanh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		447.392.005.771	466.240.563.442
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		17.991.300.000	19.991.300.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	17.991.300.000	19.991.300.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		247.426.512.763	273.824.340.980
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	225.303.166.653	250.955.322.214
<i>Nguyên giá</i>	222		904.665.685.355	899.981.033.508
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(679.362.518.702)	(649.025.711.294)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	22.123.346.110	22.869.018.766
<i>Nguyên giá</i>	228		28.691.911.391	28.691.911.391
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(6.568.565.281)	(5.822.892.625)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	3.408.141.075	2.956.427.324
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.408.141.075	2.956.427.324
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		146.340.870.928	138.745.032.990
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	119.861.390.928	112.265.552.990
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	26.479.480.000	26.479.480.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		32.225.181.005	30.723.462.148
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	32.225.181.005	30.723.462.148
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.110.636.381.471	940.482.304.369

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		459.983.241.926	341.621.209.264
I. Nợ ngắn hạn	310		422.039.915.170	288.611.976.608
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	272.139.149.586	166.169.666.280
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		507.226.395	332.767.062
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	12.301.808.364	13.218.910.454
4. Phải trả người lao động	314		34.736.612.159	26.608.689.021
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	20.400.109.725	23.162.649.428
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	31.149.293.587	34.032.658.293
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	32.249.712.000	7.249.712.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	18.556.003.354	17.836.924.070
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		37.943.326.756	53.009.232.656
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	36.131.626.504	43.947.820.404
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	1.811.700.252	9.061.412.252
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		650.653.139.545	598.861.095.105
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	650.653.139.545	598.861.095.105
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		301.584.360.000	301.584.360.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		301.584.360.000	301.584.360.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20.712.126.338	20.712.126.338
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.512.000.000	1.512.000.000
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		198.962.141.295	158.032.370.821
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		105.466.176.752	94.553.109.542
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		23.745.459.217	94.553.109.542
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		81.720.717.535	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		22.416.335.160	22.467.128.404
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.110.636.381.471	940.482.304.369

Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

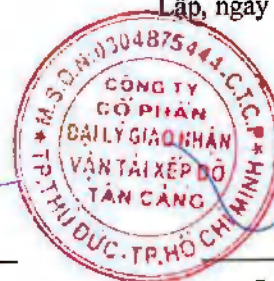
Giám đốc



Nguyễn Xuân Tân



Phạm Thị Thu Hà



Lê Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.631.183.620.056	1.529.415.505.455
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.631.183.620.056	1.529.415.505.455
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.382.737.677.902	1.290.169.467.939
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		248.445.942.154	239.246.037.516
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	11.505.783.614	17.537.756.286
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	503.814.945	1.025.856.761
Trong đó: chi phí lãi vay	23		503.814.945	1.025.856.761
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	21.920.604.178	11.687.964.202
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	30.590.906.571	35.177.208.068
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	73.599.936.434	70.174.311.898
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		177.177.671.996	162.094.381.277
12. Thu nhập khác	31	VI.7	7.215.616	2.134.779.398
13. Chi phí khác	32		168.826.313	107.850.081
14. Lợi nhuận khác	40		(161.610.697)	2.026.929.317
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		177.016.061.299	164.121.310.594
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	30.788.062.496	29.699.992.020
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>146.227.998.803</u>	<u>134.421.318.574</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>146.060.376.424</u>	<u>134.162.690.792</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>167.622.379</u>	<u>258.627.782</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>4.067</u>	<u>3.670</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	<u>4.067</u>	<u>3.670</u>

Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2025

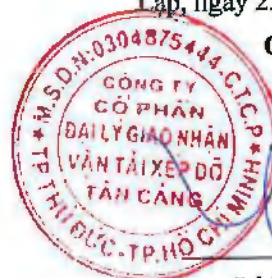
Người lập biểu

Nguyễn Xuân Tân

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thu Hà

Giám đốc



Lê Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh						
1. Lợi nhuận trước thuế	01		177.016.061.299		164.121.310.594	
2. Điều chỉnh cho các khoản:						
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	VI.9	29.628.242.220		30.730.832.651	
- Các khoản dự phòng	03	VI.6	103.708.462		413.012.612	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	(81.021)		(46.718)	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(19.077.596.101)		(18.025.922.479)	
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	503.814.945		1.025.856.761	
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-		-	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		188.174.149.804		178.265.043.421	
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(193.054.779.954)		(92.472.756.680)	
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(179.569.077)		(3.568.526.370)	
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		102.515.547.402		82.874.050.453	
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.512.579.846)		(19.818.046.292)	
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-		-	
- Tiền lãi vay đã trả	14		(480.930.774)		(1.025.856.761)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(31.904.122.003)		(27.856.722.351)	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.17	70.480.000		53.000.000	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.17	(23.417.259.618)		(17.840.997.750)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		39.210.935.934		98.609.187.670	
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư						
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(7.388.415.498)		(16.248.736.230)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-		557.480.909	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(85.000.000.000)		(88.000.000.000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		78.697.720.548		41.200.000.000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-		-	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-		-	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.622.898.985		17.136.171.433	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.067.795.965)		(45.355.083.888)	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.16	25.000.000.000	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16	(7.249.712.000)	(7.249.712.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(70.445.564.305)	(66.076.716.821)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(52.695.276.305)	(73.326.428.821)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(15.552.136.336)	(20.072.325.039)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	71.071.180.963	91.143.459.284
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		81.021	46.718
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	55.519.125.648	71.071.180.963

Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Văn Cường

Nguyễn Xuân Tân

Phạm Thị Thu Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, đường thủy nội địa;
- Dịch vụ logistics;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Đại lý vận tải đường biển;
- Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Dịch vụ cho thuê kho bãi, kiểm đếm, đóng gói hàng hóa.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Cấu trúc nhóm Công ty

Nhóm Công ty bao gồm Công ty mẹ và một công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ, được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty con

Công ty chi đầu tư vào 1 công ty con là Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai có trụ sở chính tại Cảng Tân Cảng Nhơn Trạch, Ấp 3, Xã Phú Thạnh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là dịch vụ cảng biển. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 51%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Các Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ cảng biển	36,00%	36,00%	36,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 – Hải Phòng	Hạ Đoạn, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng	Dịch vụ cảng biển	36,00%	36,00%	36,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đồng Sài Gòn	938/180 Nguyễn Thị Định, khu phố 3, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ cảng biển	20,00%	20,00%	20,00%

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, có 364 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Nhóm Công ty (số đầu năm là 375 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty và công ty con khác thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa công ty trong nhóm Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Công ty đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi nhóm Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thanh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Nhóm Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Nhóm Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Nhóm Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Nhóm Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Nhóm Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Nhóm Công ty và người mua là đơn vị độc lập.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức lập dự phòng căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Đối với hàng tồn kho là nguyên vật liệu, giá gốc hàng tồn kho được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Nhóm Công ty chủ yếu là chi phí liên quan đến kho bãi như chi phí thuê đất, chi phí xây dựng kho bãi, chi phí thuê cơ sở hạ tầng và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Nhóm Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí xây dựng kho bãi

Chi phí đầu tư xây dựng bãi chứa container rộng (depot) được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê kho bãi là 05 năm.

Chi phí thuê cơ sở hạ tầng

Chi phí thuê cơ sở hạ tầng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian không quá 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 Đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 38
Máy móc và thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3
Cây lâu năm	2
Tài sản cố định khác	5 - 8

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Nhóm Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty và công ty con đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất còn lại là 35 năm 9 tháng.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thanh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Nhóm Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà nhóm Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Nhóm Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu Nhóm Công ty được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí Nhóm Công ty phải gánh chịu.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Nhóm Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Nhóm Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	401.162.811	169.727.523
Tiền gửi ngân hàng	13.117.962.837	19.901.453.440
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	42.000.000.000	51.000.000.000
Cộng	55.519.125.648	71.071.180.963

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm, lãi suất từ 3,7% - 5,2%/năm	145.102.279.452	138.000.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Á Châu là 25.000.000.000 VND bị phong tỏa để đảm bảo cho khoản vay tại cùng Ngân hàng (xem thuyết minh tại V.16).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành ⁽ⁱ⁾	54.000.000.000	31.689.142.718	85.689.142.718	54.000.000.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng ⁽ⁱⁱ⁾	33.120.000.000	(10.505.345.487)	22.614.654.513	33.120.000.000
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đồng Sài Gòn ⁽ⁱⁱⁱ⁾	10.000.000.000	1.557.593.697	11.557.593.697	10.000.000.000
Cộng	97.120.000.000	22.741.390.928	119.861.390.928	97.120.000.000

(i) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Nhóm Công ty sở hữu 5.400.000 cổ phần, tương đương 36% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành, không thay đổi so với số đầu năm.

(ii) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Nhóm Công ty sở hữu 3.312.000 cổ phần, tương đương 36% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng, không thay đổi so với số đầu năm.

(iii) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Nhóm Công ty sở hữu 1.000.000 cổ phần, tương đương 20% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Cát Lái - Đồng Sài Gòn, không thay đổi so với số đầu năm.

Giá trị phần sở hữu của Nhóm Công ty tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phân lãi hoặc lỗ trong năm	Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	76.251.872.837	22.937.269.881	(13.500.000.000)	85.689.142.718
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	25.033.720.736	(2.419.066.223)	-	22.614.654.513
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đồng Sài Gòn	10.979.959.417	1.402.400.520	(824.766.240)	11.557.593.697
Cộng	112.265.552.990	21.920.604.178	(14.324.766.240)	119.861.390.928

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	1.048.608.000	3.148.992.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành		
Cổ tức được chia	13.500.000.000	13.500.000.000
Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	360.742.000	375.446.900
Sử dụng dịch vụ của Công ty liên kết	333.044.086.891	337.845.612.652
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	5.467.121.500	698.023.036
Mua vật tư của Công ty liên kết	17.443.153.247	21.257.800.000
Sử dụng dịch vụ của Công ty liên kết	359.849.522.132	318.915.964.969
Cổ tức được chia	824.766.240	1.185.962.231

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Ngân hàng Thương mại				
Cổ phần Quân đội	14.666.980.000	77.678.053.065	14.666.980.000	57.716.959.748
(3.094.743 Cổ phần)				
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	11.812.500.000	44.302.500.000	11.812.500.000	45.663.750.000
(1.237.500 Cổ phần)				
Cộng	26.479.480.000	121.980.553.065	26.479.480.000	103.380.709.748

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	396.032.593.166	201.195.572.157
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	387.339.185.326	197.071.393.066
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	1.672.431.300	1.024.792.760
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	460.185.166	623.859.142
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng- Bình Dương	24.844.000	326.024.000
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	4.428.288.200	368.423.400
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn	740.404.995	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	123.552.000	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng miền Bắc	-	21.384.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	725.213.706	342.781.462
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước	93.980.520	538.772.600
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	94.089.600	283.409.280

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	144.898.740	486.433.680
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	65.601.360	75.340.800
Công ty TNHH Một thành viên Hoa Tiêu Tân Cảng	21.657.300	-
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng- Cái Mép	199.113	12.758.727
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	90.149.760	18.354.600
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	-	1.844.640
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	7.912.080	-
Phải thu các khách hàng khác	32.091.771.480	30.462.752.342
Cộng	428.124.364.646	231.658.324.499

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Thương mại và Kỹ thuật Phúc Lâm	1.024.716.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Thương mại và Đầu tư Lin Đan	674.942.400	1.518.599.700
Các nhà cung cấp khác	700.178.989	503.127.346
Cộng	2.399.837.389	2.021.727.046

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan	503.072.516	-	494.365.056	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Các khoản chi hộ	175.106.236	-	263.365.056	-
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng - Các khoản chi hộ	30.606.280	-	-	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái-Các khoản chi hộ	50.040.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Cát Lái- Đông Sài Gòn - Đặt cọc thuê bãi	231.000.000	-	231.000.000	-
Công ty Cổ phần Cát Lái- Đông Sài Gòn - Phải thu khác	16.320.000	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	14.343.509.297	-	14.904.297.414	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Đông Sài Gòn - Đặt cọc sử dụng dịch vụ	4.112.000.000	-	4.112.000.000	-
Công ty TNHH MTV Hiệp Huy Hoàng - Vốn góp hợp tác kinh doanh	-	-	375.000.000	-
Thu chi hộ	1.188.375.780	-	491.320.400	-
Tạm ứng	4.229.270.653	-	4.560.916.964	-
Ký cược, ký quỹ	53.000.000	-	52.000.000	-
Dự thu lãi tiền gửi	1.684.986.301	-	1.826.127.123	-
Các khoản phải thu người lao động	2.629.408.167	-	3.287.842.778	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	446.468.396	-	199.090.149	-
Cộng	14.846.581.813	-	15.398.662.470	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Đặt cọc cung cấp nước	30.000.000	-	30.000.000	-
Bà Bùi Thị Nở - Đặt cọc tiền thuê đất	300.000.000	-	300.000.000	-
Đặt cọc thuê văn phòng tòa nhà TCL	-	-	2.000.000.000	-
Đặt cọc thuê bãi	17.661.300.000	-	17.661.300.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 14	8.316.000.000	-	8.316.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vận tải Quang Minh	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
Công ty TNHH Tincons	6.345.300.000	-	6.345.300.000	-
Cộng	17.991.300.000	-	19.991.300.000	-

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư Phân bón Toàn cầu (*)	Trên 3 năm	2.376.686.073	(516.721.074)	786.644.103	(171.026.200)
	Từ 2-3 năm	-	-	1.590.041.970	(241.986.412)
Phải thu các tổ chức khác	Trên 3 năm	395.736.669	(395.736.669)	395.736.669	(395.736.669)
Cộng		2.772.422.742	(912.457.743)	2.772.422.742	(808.749.281)

(*) Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty Cổ phần Đầu tư Phân bón Toàn Cầu được trích lập sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	808.749.281	395.736.669
Trích lập dự phòng bổ sung	103.708.462	413.012.612
Số cuối năm	912.457.743	808.749.281

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	13.096.217.340	12.916.648.263

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí quân trang, đồng phục, bảo hộ lao động	614.989.800	665.386.100
Chi phí bảo hiểm	818.988.396	812.967.876
Phí sử dụng đường bộ	173.845.769	146.026.225
Công cụ, dụng cụ	1.440.501.719	406.076.511
Các chi phí khác	77.383.874	84.391.857
Cộng	3.125.709.558	2.114.848.569

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa, thay mới đệm, cầu Bền đóng gao	6.598.097.448	9.970.098.175
Chi phí sửa chữa, thi công tại Tân Cảng Nhơn Trạch	14.863.582.113	16.564.440.582
Chi phí sửa chữa, cải tạo đường dây cáp nguồn điện Tân Cảng Mỹ Thủy	645.161.336	1.100.195.056
Thi công, sửa chữa nội thất, lắp đặt trang thiết bị tòa nhà TCL	1.194.121.088	1.084.737.244
Chi phí sửa chữa bến đóng gao		
Chi phí thi công, nâng cấp tại Depot Tân Cảng Mỹ Thủy 2	1.756.722.265	1.434.025.376
Chi phí thi công, xây dựng tại Depot Tân Cảng Tân Vạn	2.434.623.788	167.297.088
Chi phí sửa chữa cầu	4.093.823.231	-
Công cụ, dụng cụ	639.049.736	402.668.627
Cộng	32.225.181.005	30.723.462.148

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thanh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	273.249.176.123	554.206.185.447	58.216.022.186	2.575.942.873	80.000.000	11.653.706.879	899.981.033.508
Mua trong năm	-	-	972.627.273	73.884.540	-	407.455.556	1.453.967.369
Đầu tư XD/CB hoàn thành theo quyết toán	3.133.464.073	-	-	140.231.000	-	-	3.273.695.073
Tăng theo quyết toán	83.333.333	90.000.000	-	-	-	60.185.185	233.518.518
Giảm do kết luận của thanh tra BTC	-	-	-	-	-	(276.529.113)	(276.529.113)
Số cuối năm	276.465.973.529	554.296.185.447	59.188.649.459	2.790.058.413	80.000.000	11.844.818.507	904.665.685.355

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	13.608.662.300	207.817.513.774	38.119.975.830	2.460.912.873	80.000.000	215.582.902	262.302.647.679
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-	-

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	117.896.957.549	477.174.315.469	49.308.899.874	2.459.228.986	80.000.000	2.106.309.416	649.025.711.294
Khấu hao trong năm	11.375.427.978	12.485.625.937	4.183.904.175	88.202.805	-	2.203.646.513	30.336.807.408
Số cuối năm	129.272.385.527	489.659.941.406	53.492.804.049	2.547.431.791	80.000.000	4.309.955.929	679.362.518.702

Giá trị còn lại

Số đầu năm	155.352.218.574	77.031.869.978	8.907.122.312	116.713.887	-	9.547.397.463	250.955.322.214
Số cuối năm	147.193.588.002	64.636.244.041	5.695.845.410	242.626.622	-	7.534.862.578	225.303.166.653

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 68.286.894.050 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*)	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	27.991.682.391	700.229.000	28.691.911.391
Số cuối năm	27.991.682.391	700.229.000	28.691.911.391
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	580.229.000	580.229.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	5.233.738.895	589.153.730	5.822.892.625
Khấu hao trong năm	705.672.660	39.999.996	745.672.656
Số cuối năm	5.939.411.555	629.153.726	6.568.565.281
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	22.757.943.496	111.075.270	22.869.018.766
Số cuối năm	22.052.270.836	71.075.274	22.123.346.110
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

(*) Là quyền sử dụng đất tại phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 2; thời hạn sử dụng đến ngày 30 tháng 8 năm 2055; có giá trị còn lại 22.052.270.836 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh	Kết chuyển vào TSCĐ	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	288.000.000	1.485.283.110	(1.453.967.369)	319.315.741
Xây dựng cơ bản dở dang	2.668.427.324	3.694.093.083	(3.273.695.073)	3.088.825.334
Dự án di dời kho xăng dầu vùng 2	1.808.239.341	87.384.138	-	1.895.623.479
Công trình Đường kết nối Bãi IMDG tại ICD TCNT	-	2.433.939.073	(2.433.939.073)	-
Các công trình khác	860.187.983	1.172.769.872	(839.756.000)	1.193.201.855
Cộng	2.956.427.324	5.179.376.193	(4.727.662.442)	3.408.141.075

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	203.785.094.673	138.019.733.827
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	-	163.500.000
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	50.447.070	56.552.040
Công ty Cổ phần Vận Tải Thủy Tân Cảng	148.758.120	1.095.907.320
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	10.055.503.043	6.014.168.196
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	140.422.506.082	97.007.582.280
Công ty TNHH Phát Triển Nguồn Nhân Lực Tân Cảng - STC	42.920.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	28.169.856	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	19.947.820.777	11.834.236.546
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Tây Ninh	-	445.408.200
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	15.874.920	25.923.240
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương	22.696.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	27.434.970	-
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn	32.987.606.835	21.132.326.274
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	35.357.000	244.129.731
Phải trả các nhà cung cấp khác	68.354.054.913	28.149.932.453
Cộng	272.139.149.586	166.169.666.280

Nhóm Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	214.711.322	24.256.060.549	(24.253.889.948)	216.881.923
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.484.549.619	30.788.062.496	(31.904.122.003)	10.368.490.112
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp hộ bên hợp tác kinh doanh	1.319.371.794	1.437.067.916	(1.478.536.220)	1.277.903.490
Thuế thu nhập cá nhân	200.277.719	7.048.144.417	(6.809.889.297)	438.532.839
Các loại thuế khác	-	122.206.818	(122.206.818)	-
Cộng	13.218.910.454	63.651.542.196	(64.568.644.286)	12.301.808.364

Thuế giá trị gia tăng

Công ty và công ty con nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho tiền bán nước là 5%, dịch vụ khác là 8% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty và công ty con phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty và công ty con được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty và công ty con kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	14.837.217.982	18.322.814.365
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	5.414.784.322	472.582.400
Chi phí thuê đất	3.372.386.322	472.582.400
Chi phí vận chuyển, xếp dỡ	2.042.398.000	-
Công ty Cổ phần Cát Lái- Đông Sài Gòn	157.000.000	-
- Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng		
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	9.265.433.660	17.850.231.965
- Chi phí vận chuyển, xếp dỡ, lưu bãi		
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	5.562.891.743	4.839.835.063
Chi phí vận chuyển, xếp dỡ	2.269.994.996	1.190.188.350
Chi phí lưu bãi	3.243.083.758	3.104.857.350
Các chi phí khác	49.812.989	544.789.363
Cộng	20.400.109.725	23.162.649.428

15. Phải trả khác**15a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	16.460.710.372	17.458.451.022
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành ⁽ⁱ⁾	10.598.617.337	13.378.334.623
- Vốn góp hợp tác kinh doanh	6.000.000.000	-
- Phải trả lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh	4.598.617.337	13.378.334.623
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng – lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh ⁽ⁱⁱ⁾	5.841.093.035	4.080.116.399
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn- Phải trả về thu chi hộ	21.000.000	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	14.688.583.215	16.574.207.271
Kinh phí công đoàn	460.315.544	801.511.464
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	807.034.261	722.401.407
Cổ tức phải trả	6.367.886.723	6.653.390.071
Đặt cọc thuê văn phòng	100.000.000	283.806.100
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Tiếp vận Union One - Lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	2.299.656.040	1.125.671.572
Phải trả Công ty Hiệp Huy Hoàng	-	4.922.483.282
- phải trả về hợp tác kinh doanh		
Phải trả về thu hộ tiền cước container	2.391.772.510	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.261.918.137	2.064.943.375
Cộng	31.149.293.587	34.032.658.293

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	20.813.210.000	26.813.210.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	-	6.000.000.000
- Vốn góp hợp tác kinh doanh ⁽ⁱ⁾		
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng – Vốn góp hợp tác kinh doanh ⁽ⁱⁱ⁾	18.750.000.000	18.750.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng - Đặt cọc tiền thuê văn phòng	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng - Đặt cọc tiền thuê văn phòng	63.210.000	63.210.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	15.318.416.504	17.134.610.404
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Tiếp vận Union One - Vốn góp hợp tác kinh doanh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	12.500.000.000	12.500.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.818.416.504	4.634.610.404
Cộng	36.131.626.504	43.947.820.404

Thông tin bổ sung về các hợp đồng hợp tác kinh doanh:

- (i) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 490/HĐ-GNVT-KHKD ngày 30 tháng 5 năm 2014, Biên bản thỏa thuận tăng vốn ngày 25 tháng 5 năm 2016 và các thỏa thuận bổ sung về hợp tác kinh doanh khai thác bãi Container và các dịch vụ liên quan đến xếp dỡ container hàng imo, cont tank tại Depot 6 – Cảng Cát Lái, 3 bên tham gia gồm: Công ty góp 7.500.000.000 VND tương đương 50%; Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành góp 6.000.000.000 VND tương đương 40%; Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai góp 1.500.000.000 VND, tương đương 10%. Thời hạn hợp tác được tự động gia hạn theo thời hạn thuê bãi. Tại thời điểm 31/12/2024, các bên đang hoàn tất các thủ tục để kết thúc hoạt động hợp tác kinh doanh này.
- (ii) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 612/2015/TCL-HT-TT ngày 26 tháng 10 năm 2015 và Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 10 tháng 01 năm 2017 về việc hợp tác kinh doanh để thực hiện dự án “nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư xây dựng, khai thác tòa nhà văn phòng làm việc” tại phường Mỹ Thạnh Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, 3 bên tham gia gồm: Công ty góp 50%; Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng góp 30% và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Tiếp vận Union One (nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH MTV Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Thủ Thiêm) góp 20% tổng vốn đầu tư của dự án. Công ty là bên đại diện cho hợp đồng. Thời hạn của hợp đồng là 50 năm.

15c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Nhóm Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

16. Vay

16a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Á Châu - Hội sở - Vay ngắn hạn ^(*)	25.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam		
- Chi nhánh Sài Gòn - Vay dài hạn đến hạn trả	7.249.712.000	7.249.712.000
(Xem thuyết minh số V.16b)		
Cộng	32.249.712.000	7.249.712.000

Nhóm Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Khoản vay theo Hợp đồng ngày 27/12/2024, số tiền vay là 25 tỷ VND với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn cho vay 3 tháng kể từ ngày kế tiếp của ngày nhận tiền vay lần đầu tiên. Lãi suất trong hạn là 5%/năm. Tài sản thế chấp là toàn bộ số dư bao gồm số vốn gốc và lãi phát sinh của tài khoản tiền gửi có kỳ hạn tại cùng ngân hàng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	7.249.712.000	7.249.712.000
Số tiền vay phát sinh	25.000.000.000	-
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	7.249.712.000	7.249.712.000
Số tiền vay đã trả	(7.249.712.000)	(7.249.712.000)
Số cuối năm	32.249.712.000	7.249.712.000

16b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	1.811.700.252	9.061.412.252

Nhóm Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Khoản vay theo hợp đồng tín dụng ngày 24/01/2018, để đầu tư dự án: "Nhận chuyển nhượng QSDĐ và Đầu tư xây dựng khai thác tòa nhà làm việc" tại lô 11, Khu dân cư số 1, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Q2, TPHCM. Tổng số tiền hợp đồng tín dụng là: 62.500.000.000 VND, trong vòng 18 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Các khoản vay phải hoàn trả theo 28 lần hoàn trả bằng nhau vào mỗi quý, bắt đầu vào tháng thứ 15 kể từ ngày rút vốn lần đầu. Lãi suất thả nổi, được xác định thời điểm giải ngân (lãi suất năm 2024 là 7 - 8%/năm). Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất và công trình trên đất hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	7.249.712.000	7.249.712.000
Trên 1 năm đến 5 năm	1.811.700.252	9.061.412.252
Trên 5 năm	-	-
Cộng	9.061.412.252	16.311.124.252

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	9.061.412.252	16.311.124.252
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(7.249.712.000)	(7.249.712.000)
Số cuối năm	1.811.700.252	9.061.412.252

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Quỹ khen thưởng</u>	<u>Quỹ phúc lợi</u>	<u>Quỹ thưởng Ban điều hành</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	8.800.998.187	9.035.925.883	-	17.836.924.070
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	11.717.687.705	11.700.581.829	647.589.368	24.065.858.902
Tăng do Công ty mẹ cấp	70.480.000	-	-	70.480.000
Chi quỹ trong năm	(10.790.000.000)	(11.979.670.250)	(647.589.368)	(23.417.259.618)
Số cuối năm	9.799.165.892	8.756.837.462	-	18.556.003.354

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đông Văn Công, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu

18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Năm 2023							
Số dư đầu năm	301.584.360.000	20.712.126.338	1.512.000.000	117.878.265.220	91.330.786.960	22.569.499.167	555.587.037.685
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	134.162.690.792	258.627.782	134.421.318.574
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2022	-	-	-	-	(67.278.359.046)	(348.067.156)	(67.626.426.202)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2022	-	-	-	-	(772.000.000)	-	(772.000.000)
Điều chỉnh chia lãi liên doanh của năm 2022	-	-	-	-	100.000.000	-	100.000.000
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2023	-	-	-	40.127.182.411	(62.949.624.379)	-	(22.822.441.968)
Trích lập các quỹ từ công ty con	-	-	-	26.923.190	(40.384.785)	(12.931.389)	(26.392.984)
Số dư cuối năm	301.584.360.000	20.712.126.338	1.512.000.000	158.032.370.821	94.553.109.542	22.467.128.404	598.861.095.105
Năm 2024							
Số dư đầu năm	301.584.360.000	20.712.126.338	1.512.000.000	158.032.370.821	94.553.109.542	22.467.128.404	598.861.095.105
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	146.060.376.424	167.622.379	146.227.998.803
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2023	-	-	-	-	(70.160.060.957)	(210.034.504)	(70.370.095.461)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2023	-	-	-	-	(647.589.368)	-	(647.589.368)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2024	-	-	-	40.912.320.960	(64.313.484.618)	-	(23.401.163.658)
Trích lập các quỹ từ công ty con	-	-	-	17.449.514	(26.174.271)	(8.381.119)	(17.105.876)
Số dư cuối năm	301.584.360.000	20.712.126.338	1.512.000.000	158.032.370.821	94.553.109.542	22.467.128.404	650.653.139.545

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	153.812.730.000	153.812.730.000
Các cổ đông khác	147.771.630.000	147.771.630.000
Cộng	301.584.360.000	301.584.360.000

18c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	30.158.436	30.158.436
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	30.158.436	30.158.436
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	30.158.436	30.158.436

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18d. Phân phối lợi nhuận

Tại Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (Công ty mẹ):

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 453/NQ-ĐHĐCĐTN.2024 ngày 06 tháng 6 năm 2024 như sau:

	VND
Phân phối từ lợi nhuận sau thuế năm 2023	
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 70.160.060.957
• Trích quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	: 647.589.368
Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024	
• Trích quỹ đầu tư phát triển (30% lợi nhuận sau thuế)	: 40.912.320.960
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (25% quỹ lương thực hiện)	: 23.401.163.658

Tại Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai (Công ty con):

Trong năm, Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 như sau:

	VND
Phân phối lợi nhuận năm 2023	
• Trích quỹ đầu tư phát triển (10% Lợi nhuận sau thuế)	: 428.680.727
Phân phối lợi nhuận năm 2024	
• Trích quỹ đầu tư phát triển (10% Lợi nhuận sau thuế)	: 34.211.752
• Trích quỹ khen thưởng (5% Lợi nhuận sau thuế)	: 17.105.876

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 65,34 USD (số đầu năm là 65,34 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ vận tải, xếp dỡ	296.386.123.479	288.882.798.091
Doanh thu dịch vụ Depot	1.264.271.175.532	1.150.744.951.412
Doanh thu dịch vụ khác	70.526.321.045	89.787.755.952
Cộng	1.631.183.620.056	1.529.415.505.455

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, nhóm Công ty còn phát sinh các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	814.562.433.109	860.187.364.491
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	3.506.759.677	2.937.225.569
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	8.008.127.887	3.132.684.186
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	1.908.271.778	1.625.936.709
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	705.011.723	1.747.696.265
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	526.662.500	228.147.500
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	250.535.600	194.699.545
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng - Hiệp Phước	3.317.111.704	1.296.050.746
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	54.581.091	192.106.364
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	1.065.728.151	1.316.400.791
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	9.630.000	16.000.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	114.400.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Hoa Tiêu Tân Cảng	5.309.995.446	5.294.623.080
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	29.489.000	23.121.818
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Bình Dương	2.564.978.519	785.677.407

2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn dịch vụ cung cấp trong năm.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	6.716.886.663	11.568.901.070
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	23.944.430	69.267.998
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.764.871.500	5.899.540.500
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	81.021	46.718
Cộng	11.505.783.614	17.537.756.286

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	503.814.945	1.025.856.761

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoa hồng dịch vụ	24.134.310.883	27.246.350.059
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.616.642.388	3.370.850.168
Các chi phí khác	2.839.953.300	4.560.007.841
Cộng	30.590.906.571	35.177.208.068

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	40.702.590.278	38.120.996.358
Chi phí vật liệu quản lý	74.346.597	74.872.483
Chi phí đồ dùng văn phòng	878.880.068	1.048.749.101
Chi phí khấu hao tài sản cố định	745.709.423	795.697.298
Thuế, phí và lệ phí	413.071.027	117.151.891
Dự phòng phải thu khó đòi	103.708.462	413.012.612
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.628.565.951	9.012.854.670
Các chi phí khác	22.053.064.628	20.590.977.485
Cộng	73.599.936.434	70.174.311.898

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý tài sản cố định	-	557.480.909
Tiền bồi thường	1.963.377	1.558.718.789
Thu nhập khác	5.252.239	18.579.700
Cộng	7.215.616	2.134.779.398

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	146.060.376.424	134.162.690.792
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ Ban điều hành của Cổ đông Công ty mẹ	(23.409.888.415)	(23.483.492.931)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	122.650.488.009	110.679.197.861
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	30.158.436	30.158.436
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	4.067	3.670

⁽¹⁾ Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại, giảm từ 3.691 VND xuống còn 3.670 VND, do xác định lại số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 453/NQ-ĐHĐCĐTN.2024 ngày 06 tháng 6 năm 2024.

⁽²⁾ Để phục vụ mục đích trình bày chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay, quỹ khen thưởng, phúc lợi được tạm tính theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2024.

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	63.189.468.949	69.927.781.259
Chi phí nhân công	126.375.904.359	119.743.778.098
Chi phí khấu hao tài sản cố định (*)	29.628.242.220	30.730.832.651
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.232.674.954.969	1.140.507.365.574
Chi phí khác	35.059.950.410	34.611.230.323
Cộng	1.486.928.520.907	1.395.520.987.905
(*) Tổng chi phí khấu hao đã trích trong năm (thuyết minh V.9, V.10)	31.082.480.064	32.185.070.495
Khấu hao phân chia các bên hợp tác kinh doanh	(1.454.237.844)	(1.454.237.844)
Chi phí khấu hao của Công ty	29.628.242.220	30.730.832.651

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với nhóm Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Nhóm Công ty không phát sinh giao dịch và không có số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Năm nay	Năm trước
Ông Lê Hoàng Linh	Chủ tịch HĐQT	1.468.126.107	1.487.321.024
Ông Lê Văn Cường	Thành viên HĐQT/Giám đốc	1.433.047.221	1.410.760.042
Ông Hoàng Đức Thịnh	Thành viên HĐQT	109.814.567	117.540.373
Ông Nguyễn Xuân Bình	Thành viên HĐQT	-	28.770.186
Ông Phạm Trung Nghị	Thành viên HĐQT	109.814.567	88.770.186
Ông Ngô Ngọc Khánh	Thành viên HĐQT/Phó Giám đốc	530.091.340	88.770.186
Ông Phạm Văn Phụng	Trưởng ban kiểm soát	109.814.567	117.540.373
Ông Trần Văn Trường	Thành viên kiểm soát	675.642.157	635.221.551
Bà Lê Thị Kim Chung	Thành viên kiểm soát	69.851.653	76.032.298
Ông Đặng Thanh Sơn	Phó Giám đốc	898.658.162	966.370.821
Ông Châu Thanh Hải	Phó Giám đốc	1.322.674.836	930.618.081
Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó Giám đốc	892.404.836	875.882.361
Bà Phạm Thị Thu Hà	Kế toán trưởng	837.469.499	794.736.524
Cộng		8.457.409.513	7.618.334.007

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác có phát sinh giao dịch với nhóm Công ty có phát sinh giao dịch trong năm gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Sóng Thần	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây dựng Tân Cảng Số Một	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Phú Hữu	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Tiếp vận SITC Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Tây Ninh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Tiếp vận Tân Cảng HMM	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Dịch vụ Kho bãi Tân Cảng Shipping	Công ty cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, nhóm Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Sử dụng dịch vụ của Công ty mẹ	14.795.073.951	13.578.595.145
Chia cổ tức cho Công ty mẹ	35.782.725.977	34.313.013.032
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái		
Cổ tức được chia	3.217.500.000	4.554.000.000
Sử dụng dịch vụ của các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	264.627.000	432.160.380
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	3.841.429.000	8.142.111.550
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	53.474.467.440	50.408.399.180
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	139.580.000	4.084.623.599
Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC	341.434.049	159.082.168

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng HMM	31.870.365	91.974.407
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương	128.264.815	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Tây Ninh	148.605.000	2.064.800.072
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	229.156.000	174.790.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	138.848.600	133.705.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	-	8.490.000
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	443.731.750	354.614.000
Công ty TNHH Dịch vụ Kho bãi Tân Cảng Shipping	861.111	14.213.637
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	37.452.132.109	33.154.194.780
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	100.395.500	723.920.200
Công ty Cổ phần Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	568.209.332	550.851.228
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	-	118.972.730

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.12, V.14 và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Nhóm Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ xếp dỡ bốc xếp, thực hiện trên địa bàn khu vực Cảng Cát Lái, trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Nhóm Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý địa lý.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Xuân Tân

Phạm Thị Thu Hà

Lê Văn Cường



CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS
FOR THE FISCAL YEAR ENDED 31 DECEMBER 2024

TAN CANG
LOGISTICS AND STEVEDORING
JOINT STOCK COMPANY

CONTENTS

	Page
1. Contents	1
2. Statement of the Board of Management	2 - 3
3. Independent Auditor's Report	4 - 5
4. Consolidated Balance Sheet as at 31 December 2024	6 - 9
5. Consolidated Income Statement for the fiscal year ended 31 December 2024	10
6. Consolidated Cash Flow Statement for the fiscal year ended 31 December 2024	11 - 12
7. Notes to the Consolidated Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2024	13 - 39

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT

The Board of Management of Tan Cang Logistics and Stevedoring Joint Stock Company (hereinafter referred to as "the Company") presents this statement together with the Consolidated Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2024 including the Financial Statements of the Company and its subsidiary (hereinafter collectively referred to as "the Group").

Business highlights

Tan Cang Logistics and Stevedoring Joint Stock Company is a joint stock company operating in accordance with the 1st Business Registration Certificate No. 4103006182 dated 8 March 2007 granted by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City. During the course of operation, the Company has been additionally 12 times granted by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City with the amended Business Registration Certificates. In which, the 12th amended Business Registration Certificate dated 8 March 2021 was due to the change in the Company's address.

Head office

- Address : No. 470 Dong Van Cong Road, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City
- Tel. : 028 73073979
- Fax : 028 37423027

The principal business activities of the Company are:

- Trading freight transport by car, inland waterway;
- Services of logistics;
- Services of import and export freight forwarding;
- Sea freight agent;
- Services of loading and unloading goods;
- Services of customs clearance; and
- Services of leasing warehouses, yards, tally and packaging goods.

Board of Directors, Board of Supervisors and Executive Officers

The members of the Board of Directors, the Board of Supervisors, the Board of Management and the Chief Accountant of the Company during the year and as of the date of this statement include:

Board of Directors

Full name	Position	Appointing date/re-appointing date
Mr. Le Hoang Linh	Chairman	Appointed on 22 May 2020
Mr. Le Van Cuong	Member	Re-appointed on 6 June 2024
Mr. Hoang Duc Thinh	Member	Appointed on 15 June 2021
Mr. Ngo Ngoc Khanh	Member	Appointed on 16 June 2022
Mr. Pham Trung Nghi	Member	Appointed on 16 June 2022

Board of Supervisors

Full name	Position	Appointing date
Mr. Pham Van Phuong	Head of BOS	15 June 2021
Ms. Le Thi Kim Chung	Member	15 June 2021
Mr. Tran Van Truong	Member	16 June 2022

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT (cont.)

Executive Officers

Full name	Position	Appointing date/resigning date
Mr. Le Van Cuong	Director	Appointed on 26 February 2020
Mr. Chau Thanh Hai	Deputy Director	Appointed on 08 February 2021
Mr. Nguyen Van Hoa	Deputy Director	Appointed on 30 November 2021
Mr. Ngo Ngoc Khanh	Deputy Director	Appointed on 19 February 2024
Mr. Dang Thanh Son	Deputy Director	Resigned on 07 November 2024
Ms. Pham Thi Thu Ha	Chief Accountant	Appointed on 19 November 2019

Legal representative

The legal representative of the Company during the year and as of the date of this statement is Mr. Le Van Cuong.

Auditor

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd. has been appointed to perform the audit on the Consolidated Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2024 of the Group.

Responsibilities of the Board of Management

The Board of Management is responsible for the preparation of the Consolidated Financial Statements to give a true and fair view on the consolidated financial position, the consolidated financial performance and the consolidated cash flows of the Group during the year. In order to prepare these Consolidated Financial Statements, the Board of Management must:

- select appropriate accounting policies and apply them consistently;
- make judgments and estimates reasonably and prudently;
- state clearly whether the accounting standards applied to the Group are followed or not, and all the material differences from these standards are disclosed and explained in the Consolidated Financial Statements;
- prepare the Consolidated Financial Statements of the Group on the going-concern basis, except for the cases that the going-concern assumption is considered inappropriate; and
- design and implement effectively the internal control system to minimize the risks of material misstatements due to frauds or errors in the preparation and presentation of the Consolidated Financial Statements.

The Board of Management hereby ensures that all the proper accounting books of the Group have been fully recorded and can fairly reflect the financial position of the Group at any time, and that all the accounting books have been prepared in compliance with the applicable Accounting System. The Board of Management is also responsible for managing the Group's assets and consequently has taken appropriate measures to prevent and detect frauds and other irregularities.

The Board of Management hereby commits to the compliance with the aforementioned requirements in preparation of the Consolidated Financial Statements.

Approval on the Financial Statements

The Board of Management hereby approves the accompanying Consolidated Financial Statements, which give a true and fair view of the consolidated financial position as at 31 December 2024, the consolidated financial performance and the consolidated cash flows for the fiscal year then ended of the Group in conformity with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant statutory requirements on the preparation and presentation of Consolidated Financial Statements.

For and on behalf of the Board of Management,

Director



Le Van Cuong

25 February 2025

1.998
CHI T
CÓN
TH NH
TOÁI
A
TÀI I
S ĐA

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Head Office : 02 Trương Sơn St., Ward 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Branch In Hà Nội : 40 Giảng Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam

Branch In Nha Trang : Lot STH06A.01, St. No.13, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam

Branch In Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyễn Giáp St., Cái Rang Dist., Cần Thơ City, Vietnam

Tel +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn

Tel +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn

Tel +84 (0258) 246 5151 kttv.nh@a-c.com.vn

Tel +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn



www.a-c.com.vn

No. 2.0109/25/TC-AC

INDEPENDENT AUDITOR'S REPORT

THE SHAREHOLDERS, THE BOARD OF DIRECTORS AND THE BOARD OF MANAGEMENT TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

We have audited the accompanying Consolidated Financial Statements of Tan Cang Logistics and Stevedoring Joint Stock Company (hereinafter referred to as "the Company") and its subsidiary (hereinafter collectively referred to as "the Group"), which were prepared on 25 February 2025, from page 06 to page 39, including the Consolidated Balance Sheet as at 31 December 2024, the Consolidated Income Statement, the Consolidated Cash Flow Statement for the fiscal year then ended and the Notes to the Consolidated Financial Statements.

Responsibility of the Board of Management

The Company's Board of Management is responsible for the preparation, true and fair presentation of the Group's Consolidated Financial Statements in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant statutory requirements on the preparation and presentation of Consolidated Financial Statements; and responsible for the internal control as the Board of Management determines necessary to enable the preparation and presentation of the Consolidated Financial Statements to be free from material misstatement due to fraud or error.

Responsibility of Auditors

Our responsibility is to express an opinion on the Consolidated Financial Statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with the Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical standards and requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the Group's Consolidated Financial Statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the Consolidated Financial Statements. The procedures selected depend on the auditor's judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the Consolidated Financial Statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the Group's preparation and true and fair presentation of the Consolidated Financial Statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Group's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by the Board of Management, as well as evaluating the overall presentation of the Consolidated Financial Statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

5-0
HÀN
TY
M H
VÀ T
& C
A N
TP

Opinion of Auditors

In our opinion, the Consolidated Financial Statements give a true and fair view, in all material respects, of the consolidated financial position as at 31 December 2024 of Tan Cang Logistics and Stevedoring Joint Stock Company and its subsidiary, its consolidated financial performance and its consolidated cash flows for the fiscal year then ended in conformity with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant statutory requirements on the preparation and presentation of Consolidated Financial Statements.

Other matter

The Auditor's Report on the Group's Consolidated Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2024 is prepared in Vietnamese and English. Should there be any conflict between the Vietnamese and English versions, the Vietnamese version shall take precedence.

For and on behalf of

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd.

Hanoi Branch



Nguyen Hoang Duc – Partner

Audit Practice Registration Certificate:

No. 0368-2023-008-1

Authorized signatory

Hanoi, 25 February 2025

Vu Tuan Nghia – Auditor

Audit Practice Registration Certificate:

No. 4028-2022-008-1



TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

CONSOLIDATED BALANCE SHEET

As at 31 December 2024

Unit: VND

ASSETS	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
A - CURRENT ASSETS	100		663,244,375,700	474,241,740,927
I. Cash and cash equivalents	110	V.1	55,519,125,648	71,071,180,963
1. Cash	111		13,519,125,648	20,071,180,963
2. Cash equivalents	112		42,000,000,000	51,000,000,000
II. Short-term financial investments	120		145,102,279,452	138,800,000,000
1. Trading securities	121		-	-
2. Provisions for diminution in value of trading securities	122		-	-
3. Held-to-maturity investments	123	V.2a	145,102,279,452	138,800,000,000
III. Short-term receivables	130		444,458,326,105	248,269,964,734
1. Short-term trade receivables	131	V.3	428,124,364,646	231,658,324,499
2. Short-term prepayments to suppliers	132	V.4	2,399,837,389	2,021,727,046
3. Short-term inter-company receivables	133		-	-
4. Receivables based on the progress of construction contracts	134		-	-
5. Receivables for short-term loans	135		-	-
6. Other short-term receivables	136	V.5a	14,846,581,813	15,398,662,470
7. Allowance for short-term doubtful debts	137	V.6	(912,457,743)	(808,749,281)
8. Deficit assets for treatment	139		-	-
IV. Inventories	140		13,096,217,340	12,916,648,263
1. Inventories	141	V.7	13,096,217,340	12,916,648,263
2. Allowance for devaluation of inventories	149		-	-
V. Other current assets	150		5,068,427,155	3,183,946,967
1. Short-term prepaid expenses	151	V.8a	3,125,709,558	2,114,848,569
2. Deductible VAT	152		1,942,717,597	1,069,098,398
3. Taxes and other receivables from the State	153		-	-
4. Trading Government bonds	154		-	-
5. Other current assets	155		-	-

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Consolidated Balance Sheet (cont.)

ASSETS	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
B - NON-CURRENT ASSETS	200		447,392,005,771	466,240,563,442
I. Long-term receivables	210		17,991,300,000	19,991,300,000
1. Long-term trade receivables	211		-	-
2. Long-term prepayments to suppliers	212		-	-
3. Working capital in affiliates	213		-	-
4. Long-term inter-company receivables	214		-	-
5. Receivables for long-term loans	215		-	-
6. Other long-term receivables	216	V.5b	17,991,300,000	19,991,300,000
7. Allowance for long-term doubtful debts	219		-	-
II. Fixed assets	220		247,426,512,763	273,824,340,980
1. Tangible fixed assets	221	V.9	225,303,166,653	250,955,322,214
<i>Historical costs</i>	222		904,665,685,355	899,981,033,508
<i>Accumulated depreciation</i>	223		(679,362,518,702)	(649,025,711,294)
2. Financial leased assets	224		-	-
<i>Historical costs</i>	225		-	-
<i>Accumulated depreciation</i>	226		-	-
3. Intangible fixed assets	227	V.10	22,123,346,110	22,869,018,766
<i>Historical costs</i>	228		28,691,911,391	28,691,911,391
<i>Accumulated amortization</i>	229		(6,568,565,281)	(5,822,892,625)
III. Investment properties	230		-	-
Historical costs	231		-	-
Accumulated depreciation	232		-	-
IV. Long-term assets in progress	240	V.11	3,408,141,075	2,956,427,324
1. Long-term work in progress	241		-	-
2. Construction-in-progress	242		3,408,141,075	2,956,427,324
V. Long-term financial investments	250		146,340,870,928	138,745,032,990
1. Investments in subsidiaries	251		-	-
2. Investments in joint ventures and associates	252	V.2b	119,861,390,928	112,265,552,990
3. Investments in other entities	253	V.2c	26,479,480,000	26,479,480,000
4. Provisions for diminution in value of long-term financial investments	254		-	-
5. Held-to-maturity investments	255		-	-
VI. Other non-current assets	260		32,225,181,005	30,723,462,148
1. Long-term prepaid expenses	261	V.8b	32,225,181,005	30,723,462,148
2. Deferred income tax assets	262		-	-
3. Long-term components and spare parts	263		-	-
4. Other non-current assets	268		-	-
5. Goodwill	269		-	-
TOTAL ASSETS	270		1,110,636,381,471	940,482,304,369

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Consolidated Balance Sheet (cont.)

RESOURCES	Code	Note	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
C - LIABILITIES	300		459,983,241,926	341,621,209,264
I. Current liabilities	310		422,039,915,170	288,611,976,608
1. Short-term trade payables	311	V.12	272,139,149,586	166,169,666,280
2. Short-term advances from customers	312		507,226,395	332,767,062
3. Taxes and other obligations to the State Budget	313	V.13	12,301,808,364	13,218,910,454
4. Payables to employees	314		34,736,612,159	26,608,689,021
5. Short-term accrued expenses	315	V.14	20,400,109,725	23,162,649,428
6. Short-term inter-company payables	316		-	-
7. Payables based on the progress of construction contracts	317		-	-
8. Short-term unearned revenue	318		-	-
9. Other short-term payables	319	V.15a	31,149,293,587	34,032,658,293
10. Short-term borrowings and financial leases	320	V.16a	32,249,712,000	7,249,712,000
11. Short-term provisions	321		-	-
12. Bonus and welfare funds	322	V.17	18,556,003,354	17,836,924,070
13. Price stabilization fund	323		-	-
14. Trading Government bonds	324		-	-
II. Non-current liabilities	330		37,943,326,756	53,009,232,656
1. Long-term trade payables	331		-	-
2. Long-term advances from customers	332		-	-
3. Long-term accrued expenses	333		-	-
4. Inter-company payables for working capital	334		-	-
5. Long-term inter-company payables	335		-	-
6. Long-term unearned revenue	336		-	-
7. Other long-term payables	337	V.15b	36,131,626,504	43,947,820,404
8. Long-term borrowings and financial leases	338	V.16b	1,811,700,252	9,061,412,252
9. Convertible bonds	339		-	-
10. Preferred shares	340		-	-
11. Deferred income tax liabilities	341		-	-
12. Long-term provisions	342		-	-
13. Science and technology development fund	343		-	-

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Consolidated Balance Sheet (cont.)

RESOURCES	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
D - OWNER'S EQUITY	400		650,653,139,545	598,861,095,105
I. Owner's equity	410	V.18	650,653,139,545	598,861,095,105
1. Owner's contribution capital	411		301,584,360,000	301,584,360,000
- Ordinary shares carrying voting right	411a		301,584,360,000	301,584,360,000
- Preferred shares	411b		-	-
2. Share premiums	412		20,712,126,338	20,712,126,338
3. Bond conversion options	413		-	-
4. Other sources of capital	414		1,512,000,000	1,512,000,000
5. Treasury shares	415		-	-
6. Differences on asset revaluation	416		-	-
7. Foreign exchange differences	417		-	-
8. Investment and development fund	418		198,962,141,295	158,032,370,821
9. Business arrangement supporting fund	419		-	-
10. Other funds	420		-	-
11. Retained earnings	421		105,466,176,752	94,553,109,542
- Retained earnings accumulated to the end of the previous period	421a		23,745,459,217	94,553,109,542
- Retained earnings of the current period	421b		81,720,717,535	-
12. Construction investment fund	422		-	-
13. Non-controlling interests	429		22,416,335,160	22,467,128,404
II. Other sources and funds	430		-	-
1. Sources of expenditure	431		-	-
2. Fund to form fixed assets	432		-	-
TOTAL RESOURCES	440		1,110,636,381,471	940,482,304,369

Prepared on 25 February 2025

Prepared by



Nguyen Xuan Tan

Chief Accountant



Pham Thi Thu Ha

Director



Le Van Cuong

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

CONSOLIDATED INCOME STATEMENT

For the fiscal year ended 31 December 2024

Unit: VND

ITEMS	Code	Note	Current year	Previous year
1. Revenue from sales of merchandise and rendering of services	01	VI.1	1,631,183,620,056	1,529,415,505,455
2. Revenue deductions	02		-	-
3. Net revenue from sales of merchandise and rendering of services	10		1,631,183,620,056	1,529,415,505,455
4. Costs of sales	11	VI.2	1,382,737,677,902	1,290,169,467,939
5. Gross profit/ (loss) from sales of merchandise and rendering of services	20		248,445,942,154	239,246,037,516
6. Financial income	21	VI.3	11,505,783,614	17,537,756,286
7. Financial expenses	22	VI.4	503,814,945	1,025,856,761
In which: Interest expenses	23		503,814,945	1,025,856,761
8. Profit/ (loss) in joint ventures, associates	24	V.2b	21,920,604,178	11,687,964,202
9. Selling expenses	25	VI.5	30,590,906,571	35,177,208,068
10. General and administration expenses	26	VI.6	73,599,936,434	70,174,311,898
11. Net operating profit/ (loss)	30		177,177,671,996	162,094,381,277
12. Other income	31	VI.7	7,215,616	2,134,779,398
13. Other expenses	32		168,826,313	107,850,081
14. Other profit/ (loss)	40		(161,610,697)	2,026,929,317
15. Total accounting profit/ (loss) before tax	50		177,016,061,299	164,121,310,594
16. Current income tax	51	V.13	30,788,062,496	29,699,992,020
17. Deferred income tax	52		-	-
18. Profit/ (loss) after tax	60		<u>146,227,998,803</u>	<u>134,421,318,574</u>
19. Profit/ (loss) after tax of the Parent Company	61		<u>146,060,376,424</u>	<u>134,162,690,792</u>
20. Profit/ (loss) after tax of non-controlling shareholders	62		<u>167,622,379</u>	<u>258,627,782</u>
21. Basic earnings per share	70	VI.8	<u>4,067</u>	<u>3,670</u>
22. Diluted earnings per share	71	VI.8	<u>4,067</u>	<u>3,670</u>

Prepared by



Nguyen Xuan Tan

Chief Accountant



Pham Thi Thu Ha

Prepared on 25 February 2025

Director



Le Van Cuong

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT

(Indirect method)

For the fiscal year ended 31 December 2024

Unit: VND

ITEMS	Code	Note	Current year	Previous year
I. Cash flows from operating activities				
1. Profit/ (loss) before tax	01		177,016,061,299	164,121,310,594
2. Adjustments				
- Depreciation and amortization of fixed assets and investment properties	02	VI.9	29,628,242,220	30,730,832,651
- Provisions and allowances	03	VI.6	103,708,462	413,012,612
- Exchange (gain)/ loss due to revaluation of monetary items in foreign currencies	04	VI.3	(81,021)	(46,718)
- (Gain)/ loss from investing activities	05		(19,077,596,101)	(18,025,922,479)
- Interest expenses	06	VI.4	503,814,945	1,025,856,761
- Others	07		-	-
3. Operating profit/ (loss) before changes of working capital	08		188,174,149,804	178,265,043,421
- (Increase)/ decrease of receivables	09		(193,054,779,954)	(92,472,756,680)
- (Increase)/ decrease of inventories	10		(179,569,077)	(3,568,526,370)
- Increase/ (decrease) of payables	11		102,515,547,402	82,874,050,453
- (Increase)/ decrease of prepaid expenses	12		(2,512,579,846)	(19,818,046,292)
- (Increase)/ decrease of trading securities	13		-	-
- Interests paid	14		(480,930,774)	(1,025,856,761)
- Corporate income tax paid	15		(31,904,122,003)	(27,856,722,351)
- Other cash inflows from operating activities	16	V.17	70,480,000	53,000,000
- Other cash outflows from operating activities	17	V.17	(23,417,259,618)	(17,840,997,750)
Net cash flows from operating activities	20		39,210,935,934	98,609,187,670
II. Cash flows from investing activities				
1. Purchases and construction of fixed assets and other non-current assets	21		(7,388,415,498)	(16,248,736,230)
2. Proceeds from disposals of fixed assets and other non-current assets	22		-	557,480,909
3. Cash outflows for lending, buying debt instruments of other entities	23		(85,000,000,000)	(88,000,000,000)
4. Cash recovered from lending, selling debt instruments of other entities	24		78,697,720,548	41,200,000,000
5. Investments into other entities	25		-	-
6. Withdrawals of investments in other entities	26		-	-
7. Interests earned, dividends and profits received	27		11,622,898,985	17,136,171,433
Net cash flows from investing activities	30		(2,067,795,965)	(45,355,083,888)

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Consolidated Cash Flow Statement (cont.)

ITEMS	Code	Note	Current year	Previous year
III. Cash flows from financing activities				
1. Proceeds from issuing stocks and capital contributions from owners	31		-	
2. Repayment for capital contributions and re-purchases of stocks already issued	32		-	
3. Proceeds from borrowings	33	V.16	25,000,000,000	
4. Repayment for loan principal	34	V.16	(7,249,712,000)	(7,249,712,000)
5. Payments for financial leased assets	35		-	-
6. Dividends and profits paid to the owners	36		(70,445,564,305)	(66,076,716,821)
<i>Net cash flows from financing activities</i>	40		(52,695,276,305)	(73,326,428,821)
Net cash flows during the year	50		(15,552,136,336)	(20,072,325,039)
Beginning cash and cash equivalents	60	V.1	71,071,180,963	91,143,459,284
Effects of fluctuations in foreign exchange rates	61		81,021	46,718
Ending cash and cash equivalents	70	V.1	55,519,125,648	71,071,180,963

Prepared by



Nguyen Xuan Tan

Chief Accountant



Pham Thi Thu Ha

Prepared on 25 February 2025

Director



Le Van Cuong

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

I. GENERAL INFORMATION

1. Ownership form

Tan Cang Logistics and Stevedoring Joint Stock Company (hereinafter referred to as “the Company” or “the Parent Company”) is a joint stock company.

2. Operating field

The Company operates in the field of service.

3. Principal business activities

The principal business activities of the Company are:

- Trading freight transport by car, inland waterway;
- Services of logistics;
- Services of import and export freight forwarding;
- Sea freight agent;
- Services of loading and unloading goods;
- Services of customs clearance; and
- Services of leasing warehouses, yards, tally and packaging goods.

4. Normal operating cycle

The normal operating cycle of the Company is within 12 months.

5. Statement on information comparability in the Consolidated Financial Statements

The corresponding figures of the previous year are comparable to those of the current year.

6. Structure of the Group

The Group includes the Parent Company and one subsidiary under the control of the Parent Company which is consolidated in these Consolidated Financial Statements.

Subsidiaries

The Company only invests in one subsidiary which is Dong Nai Newport Logistics JSC. located at Tan Cang Nhon Trach Port, Hamlet 3, Phu Thanh Commune, Nhon Trach District, Dong Nai Province. The principal business activity of this subsidiary is seaport service. As of the balance sheet date, the Company's contribution rate in this subsidiary was 51%, the voting rate and the benefit rate were equivalent to the contribution rate.

Associates

Name of companies	Address	Principal business activities	Contribution rate	Ownership rate	Voting rate
Tan Cang Ben Thanh Corporation	1295B Nguyen Thi Dinh, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City	Seaport service	36.00%	36.00%	36.00%
Hai Phong – 128 Tan Cang JSC.	Ha Doan, Dong Hai 2, Hai An, Hai Phong	Seaport service	36.00%	36.00%	36.00%

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

Name of companies	Address	Principal business activities	Contribution rate	Ownership rate	Voting rate
Cat Lai – Eastern Saigon JSC.	938/180 Nguyen Thi Dinh, Quarter 3, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City	Seaport service	20.00%	20.00%	20.00%

7. Employees

As of the balance sheet date, there were 364 employees working for the companies in the Group (at the beginning of the year: 375 employees).

II. FISCAL YEAR AND ACCOUNTING CURRENCY

1. Fiscal year

The fiscal year of the Company is from 1 January to 31 December annually.

2. Accounting currency unit

The accounting currency unit is Vietnam Dong (VND) because payments and receipts of the Group are primarily made in VND.

III. ACCOUNTING STANDARDS AND SYSTEM

1. Accounting System

The Group applies the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, which were issued together with the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 on guidelines for accounting policies for enterprises, the Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016, the Circular No. 202/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 giving guidance on the preparation and presentation of Consolidated Financial Statements as well as other Circulars guiding the implementation of the Vietnamese Accounting Standards of the Ministry of Finance in the preparation and presentation of Consolidated Financial Statements.

2. Statement on the compliance with the Accounting Standards and System

The Board of Management ensures to follow all the requirements of the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, which were issued together with the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014, the Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016, the Circular No. 202/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 as well as other Circulars guiding the implementation of the Vietnamese Accounting Standards of the Ministry of Finance in the preparation and presentation of Consolidated Financial Statements.

IV. ACCOUNTING POLICIES

1. Basis of preparation of the Consolidated Financial Statements

All the Consolidated Financial Statements are prepared on the accrual basis (except for the information related to cash flows).

The Consolidated Financial Statements are prepared in Vietnamese and English, in which the Consolidated Financial Statements in Vietnamese are the official statutory financial statements of the Group. The Consolidated Financial Statements in English have been translated from the Vietnamese version. Should there be any conflict between the Vietnamese and English versions, the Vietnamese version shall take precedence.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

2. Basis of consolidation

The Consolidated Financial Statements include the Financial Statements of the Parent Company and the Financial Statements of its subsidiaries. A subsidiary is a business that is controlled by the Parent Company. The control exists when the Parent Company has the power to directly or indirectly govern the financial and operating policies of the subsidiary to obtain economic benefits from its activities. In determining the control power, the potential voting right arising from share call options, debt or equity instruments that are convertible into ordinary shares as of the balance sheet date shall be taken into consideration.

The business performance results of the subsidiaries that are acquired or disposed of during the period are included in the Consolidated Income Statement from the date of acquisition or until the date of disposal of those subsidiaries.

The Financial Statements of the Parent Company and its subsidiaries used for consolidation are prepared for the same accounting period and apply consistent accounting policies for similar transactions and events in similar circumstances. In case the subsidiaries' accounting policies are different from those that are applied consistently within the Group, the appropriate adjustments should be made to the subsidiaries' Financial Statements before they are used to prepare the Consolidated Financial Statements.

Intra-group balances in the balance sheet and intra-group transactions and unrealized intra-group gains or losses resulting from these transactions are eliminated when preparing the Consolidated Financial Statements. Unrealized losses resulting from intra-group transactions are also eliminated unless costs that cause those losses cannot be recovered.

performance results and net assets that are not held by the Parent Company and are presented in a specific item in the Consolidated Income Statement and the Consolidated Balance Sheet (as a part of the owner's equity). NCI include the value of NCI at the date of initial business combination and those in the changes of owner's equity commencing from that date. Losses arising in subsidiaries are allocated to NCI based on the non-controlling shareholders' ownership rate in the subsidiaries, even if those losses exceed the non-controlling shareholders' ownership in the net assets of the subsidiaries.

When the Parent Company contributes capital to increase the benefit rate in an existing subsidiary, the difference between the consideration transferred for the additional investment and the carrying amount of the subsidiary's net assets that are additional purchased at the acquisition date is recorded as "Retained earnings" on the Consolidated Balance Sheet.

3. Cash and cash equivalents

Cash includes cash on hand and demand deposits in banks. Cash equivalents are short-term investments of which the due dates do not exceed 3 months from the dates of the investments that are readily convertible into known amounts of cash and that are subject to an insignificant risk of change in value as of the balance sheet date.

4. Financial investments

Held-to-maturity investments

Investments are classified as held-to-maturity investments that the Group intends and is able to hold to maturity. Held-to-maturity investments only include held-to-maturity term deposits in bank for the purpose of earning periodical interest.

Interest income from term deposits in bank is recognized in the Income Statement on the accrual basis.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

Investments in associates

An associate is an entity which the Group has significant influence but does not have the right to control its financial and operating policies. Significant influence is the right to participate in making resolution on the associate's financial and operating policies but not control those policies.

Investments in associates are recognized in accordance with the equity method. Accordingly, the investments in associates are presented in the Consolidated Financial Statements by the initial investment costs and adjusted for changes in benefits on net assets of associates after the investment date. If the benefits of the Group in losses of associates are higher than or equal to book value of the investments, the value of investments will be presented in the Consolidated Financial Statements as zero unless the Group has an obligation to make the payment instead of associates.

The Financial Statements of associates are prepared for the same accounting period of the Group. In case the accounting policies of an associate are different from those consistently applied in the Group, the Financial Statements of that associate will be suitably adjusted before being used to prepare the Consolidated Financial Statements.

Unrealized gains and losses from transactions with associates are eliminated by the proportion belong to the Group when preparing the Consolidated Financial Statements.

Investments in equity instruments of other entities

Investments in equity instruments of other entities include such investments in equity instruments that do not enable the Group to have the control, joint control or significant influence on these entities.

Investments in equity instruments of other entities are initially recognized at costs, including cost of purchase plus other directly attributable transaction costs. Dividend and profit of the periods prior to the acquisition of investments are deducted from the cost of such investments. Dividend and profit of the periods after the acquisition of such investments are recorded in the Group's financial income. Particularly, stock dividends received are not recorded as an increase in value, but the increasing quantity of shares is followed up.

Provisions for impairment of investments in equity instruments of other entities are made as follows:

- For investments in listed shares or fair value of investments which is reliably measured, provisions are made on the basis of the market value of shares.
- For investments of which the fair value cannot be measured at the time of reporting, provisions are made based on the losses suffered by investees, with the provision amount determined by the difference between owners' actual contributed capital and total owners' equity as of the balance sheet date multiplied (x) by the Group's rate of charter capital owning in these investees.

Increases/ (decreases) in the provisions for impairment of investments in equity instruments of other entities to be recognized as of the balance sheet date are recorded into "Financial expenses".

5. Receivables

Receivables are recognized at the carrying amounts less allowance for doubtful debts.

The classification of receivables as trade receivables and other receivables is made according to the following principles:

- Trade receivables reflect receivables concerning the commercial nature arising from purchase and sale transactions between the Group and customers who are independent to the Group.
- Other receivables reflect receivables not concerning the commercial nature and irrelevant to purchase and sale transactions.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

Allowance is made for each doubtful debt after being offset against liabilities (if any). The allowance rate is based on the debts' overdue period or the estimated loss, as follows:

- As for overdue debts:
 - 30% of the value of debts with the overdue period from 6 months to under 1 year.
 - 50% of the value of debts with the overdue period from 1 year to under 2 years.
 - 70% of the value of debts with the overdue period from 2 years to under 3 years.
 - 100% of the value of debts with the overdue period from or over 3 years.
- As for the debts that are not overdue, but considered as doubtful debts: Allowance is made on the basis of the estimated loss.

Increases/ (decreases) in the allowance for doubtful debts to be recognized as of the balance sheet date are recorded into "General and administration expenses".

6. Inventories

Inventories are recognized at the lower of cost and net realizable value.

For materials: Costs of inventories comprise costs of purchases and other directly relevant costs incurred in bringing the inventories to their present location and conditions.

The cost of inventories is determined using the weighted average method and recorded in accordance with the perpetual inventory system.

Net realizable value is the estimated selling prices of inventories in an ordinary course of business less the estimated expenses on product completion and other necessary expenses to make the sale.

Allowance for inventories is recognized for each type of inventories when their costs are higher than their net realizable value. Increases/ (decreases) in the allowance for inventories to be recognized as of the balance sheet date are recorded into "Costs of sales".

7. Prepaid expenses

Prepaid expenses comprise actual expenses arising and relevant to financial performance in several accounting periods. Prepaid expenses of the Group mainly include expenses related to warehouses, yards such as land rental, warehouse and yard construction costs, infrastructure rental and expenses for fixed asset repairs. These prepaid expenses are allocated over the prepayment period or the period in which corresponding economic benefits are generated from these expenses.

Land rental

Prepaid land rental reflects the rental already prepaid for the land being used by the Group and is allocated to expenses using the straight-line method over the lease term.

Warehouse and yard construction costs

The investment costs of construction of an empty container yard (depot) are allocated to expenses in the year using the straight-line method over the warehouse and yard lease term of 05 years.

Infrastructure rental

Infrastructure rental is allocated to expenses using the straight-line method over the lease term.

Expenses for fixed asset repairs

Expenses for fixed asset repairs arising once with high value are allocated to expenses using the straight-line method for the maximum period of 3 years.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

8. Operating leased assets

A lease is classified as an operating lease if significant risks and rewards associated with the ownership belong to the lessor. The lease expenses are allocated to operating expenses using the straight-line method over the lease term and are not dependent on the method of lease payment.

9. Tangible fixed assets

Tangible fixed assets are determined by their historical costs less accumulated depreciation. Historical costs of tangible fixed assets include all the expenses paid by the Group to bring the asset to its working condition for its intended use. Other expenses arising subsequent to initial recognition are included into historical costs of fixed assets only if it can be clearly demonstrated that the expenditure has resulted in future economic benefits expected to be obtained from the use of these assets. Those which do not meet the above conditions will be recorded into operation costs during the year.

When a tangible fixed asset is sold or disposed, its historical cost and accumulated depreciation are written off, then any gain or loss arising from such disposal is included in the income or the expenses during the year.

Tangible fixed assets are depreciated using the straight-line method over their estimated useful lives. The depreciation years applied are as follows:

<u>Class of fixed assets</u>	<u>Years</u>
Buildings and structures	6 - 38
Machinery and equipment	3 - 20
Vehicles	5 - 6
Office equipment	3
Perennial plants	2
Other fixed assets	5 - 8

10. Intangible fixed assets

Intangible fixed assets are determined by their historical costs less accumulated amortization.

Historical costs of intangible fixed assets include all the costs paid by the Group to bring the asset to its working condition for its intended use. Other costs relevant to intangible fixed assets arising subsequent to initial recognition are included into operation costs during the period, otherwise, these costs are included into historical costs of fixed assets only if they are associated with a specific intangible fixed asset and result in future economic benefits expected to be obtained from the use of the asset.

When an intangible fixed asset is sold or disposed, its historical costs and accumulated amortization are written off, then any gain or loss arising from such disposal is included in the income or the expenses during the year.

The Group's intangible fixed assets include:

Land use right

Land use right includes all the actual expenses paid by the Group directly attributable to the land being used such as expenses to obtain the land use right, expenses for site clearance compensation and ground leveling, registration fees, etc. The land use right is amortized using the straight-line method over the remaining land allocation period of 35 years 9 months.

Computer software

Costs to obtain computer software, which is not a part associated with the relevant hardware, will be capitalized. Costs of computer software include all the expenses paid by the Group until the date the software is put into use. Computer software is amortized using the straight-line method in 03 years.



TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

11. Construction-in-progress

Construction-in-progress reflects the expenses (including relevant borrowing interest expenses following the accounting policies of the Group) directly attributable to the construction of plants and the installation of machinery and equipment to serve for production, leasing, and management as well as the repair of fixed assets, which have not been completed yet. Assets in the progress of construction and installation are recorded at historical costs and not depreciated.

12. Business cooperation contract ("BCC")

Jointly controlled operations

In respect of its interests in jointly controlled operations, the Group shall recognize in its Financial Statements:

- the assets that the Group controls.
- the liabilities that the Group incurs.
- the revenue that the Group earns from the sale of merchandise or rendering services by the joint venture.
- the expenses that the Group incurs.

13. Payables and accrued expenses

Payables and accrued expenses are recorded based on the amounts payable for merchandise and services already used. Accrued expenses are recorded based on reasonable estimates for the amounts payable.

The classification of payables as trade payables, accrued expenses and other payables is made on the basis of following principles:

- Trade payables reflect payables of commercial nature arising from the purchase of merchandise, services, or assets and the seller is an independent entity with the Group.
- Accrued expenses reflect expenses for goods, services received from suppliers or supplied to customers but have not been paid, invoiced or lack of accounting records and supporting documents; pay on leave payable to employees; and accrual of operating expenses.
- Other payables reflect payables of non-commercial nature and irrelevant to purchase, sales of merchandise or rendering of services.

Payables and accrued expenses are classified into short-term and long-term ones in the Consolidated Balance Sheet based on the remaining terms as of the balance sheet date.

14. Owner's equity

Owner's contribution capital

Owner's contribution capital is recorded according to the actual amounts invested by the shareholders.

Share premiums

The differences between the issuance price and face value upon the IPO, additional issue or the difference between the re-issuance price and carrying value of treasury shares and the equity component of convertible bonds upon maturity date are recognized into share premiums. Expenses directly attributable to the additional issue of shares and the re-issuance of treasury shares are recorded as a decrease in share premiums.

Other sources of capital

Other sources of capital are due to the supplementation from business profits, revaluation of assets and fair value of the assets gifted, granted or sponsored to the Group after deducting taxes payable (if any) related to these assets.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

15. Profit distribution

Profit after tax is distributed to the shareholders after appropriation for funds under the Charter of the Company as well as legal regulations and approved by the General Meeting of Shareholders.

The distribution of profits to the shareholders is made in consideration of non-cash items in retained earnings that may affect cash flows and the ability to pay dividends such as gains from revaluation of assets invested in other entities, gains from revaluation of monetary items, financial instruments and other non-cash items.

Dividend is recorded as payables upon approval of the General Meeting of Shareholders.

16. Recognition of revenue and income

Revenue from rendering of services

Revenue from rendering of services shall be recognized when all of the following conditions are satisfied:

- The amount of revenue can be measured reliably. When the contract stipulates that the buyer is entitled to return the services provided under specific conditions, revenue is recognized only when those specific conditions no longer exist and the buyer is not entitled to return the services rendered.
- The Group received or shall probably receive the economic benefits associated with the rendering of services.
- The stage of completion of the transaction at the end of reporting period can be measured reliably.
- The costs incurred for the transaction and the costs to complete the transaction can be measured reliably.

In the case that the services are rendered in several accounting periods, revenue is recognized on the basis of the stage of completion as of the balance sheet date.

Interest

Interest is recorded based on the term and the actual interest rate applied in each particular period.

Dividend income

Income from dividends is recognized when the Group has the right to receive dividends from the investees. Particularly, stock dividends received are not recorded as an increase in value, but the increasing quantity of shares is followed up.

17. Borrowing costs

Borrowing costs are interest expenses and other costs that the Group directly incurs in connection with the borrowings. Borrowing costs are recorded as expenses when incurred.

18. Expenses

Expenses are those that result in outflows of the Group's economic benefits and are recorded at the time of transactions or when incurrence of the transaction is reliable regardless of whether payment for expenses is made or not.

Expenses and their corresponding revenues are simultaneously recognized in accordance with matching principle. In the event that matching principle conflicts with prudence principle, expenses are recognized based on the nature and regulations of accounting standards in order to guarantee that transactions can be fairly and truly reflected.

19. Corporate income tax

Corporate income tax only includes current income tax, which is the tax amount computed based on the taxable income. Taxable income is different from accounting profit due to the adjustments of temporary differences between tax and accounting figures, non-deductible expenses as well as those of non-taxable income and losses brought forward.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

20. Related parties

Parties are considered to be related parties in case that one party is able to control the other party or has significant influence on the financial and operating decisions of the other party. Parties are also considered to be related parties in case that they are under the common control or under the common significant influence.

In considering each possible related party relationship, attention is directed to the substance of the relationship and not merely the legal form.

21. Segment reporting

A business segment is a distinguishable component of the Group that is engaged in manufacturing or providing products or services and that is subject to risks and returns that are different from those of other business segments.

A geographical segment is a distinguishable component of the Group that is engaged in manufacturing or providing products or services within a particular economic environment and that is subject to risks and returns that are different from those of components operating in other economic environments.

The segment information is prepared and presented in conformity with the accounting policy applied for the preparation and presentation of the Group's Consolidated Financial Statements.

V. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET

1. Cash and cash equivalents

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Cash on hand	401,162,811	169,727,523
Demand deposits in banks	13,117,962,837	19,901,453,440
Cash equivalents (<i>Bank deposits of which the principal maturity is from or under 3 months</i>)	42,000,000,000	51,000,000,000
Total	<u>55,519,125,648</u>	<u>71,071,180,963</u>

2. Financial investments

2a. Held-to-maturity investments

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Term deposits in bank with the term from 6 months to under 1 year, the interest rates ranging from 3.7% to 5.2% per year	145,102,279,452	138,000,000,000

As of the balance sheet date, the term deposit at Asia Commercial Joint Stock Bank (ACB) of VND 25,000,000,000 was blocked to secure the loan at the same Bank (Note V.16).

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

2b. Investments in associates

	Ending balance		Beginning balance	
	Original cost	Profit after investment date	Original cost	Profit after investment date
Tan Cang Ben Thanh Corporation ⁽ⁱ⁾	54,000,000,000	31,689,142,718	54,000,000,000	22,251,872,837
Hai Phong – 128 Tan Cang JSC. ⁽ⁱⁱ⁾	33,120,000,000	(10,505,345,487)	33,120,000,000	(8,086,279,264)
Cat Lai – Eastern Saigon JSC. ⁽ⁱⁱⁱ⁾	10,000,000,000	1,557,593,697	10,000,000,000	979,959,417
Total	97,120,000,000	22,741,390,928	97,120,000,000	15,145,552,990

(i) As of the balance sheet date, the Group owned 5,400,000 shares equivalent to 36% of charter capital of Tan Cang Ben Thanh Corporation, same as the beginning balance.

(ii) As of the balance sheet date, the Group owned 3,312,000 shares equivalent to 36% of charter capital of Hai Phong – 128 Tan Cang JSC., same as the beginning balance.

(iii) As of the balance sheet date, the Group owned 1,000,000 shares equivalent to 20% of charter capital of Cat Lai – Eastern Saigon JSC., same as the beginning balance.

The value of the Group's ownership in the associates is as follows:

	Value of ownership at the beginning of the year	Profit/(loss) during the year	Dividend receivable during the year	Value of ownership at the end of the year
Tan Cang Ben Thanh Corporation	76,251,872,837	22,937,269,881	(13,500,000,000)	85,689,142,718
Hai Phong – 128 Tan Cang JSC.	25,033,720,736	(2,419,066,223)	-	22,614,654,513
Cat Lai – Eastern Saigon JSC.	10,979,959,417	1,402,400,520	(824,766,240)	11,557,593,697
Total	112,265,552,990	21,920,604,178	(14,324,766,240)	119,861,390,928

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)*Operation of associates*

The associates have been in their normal operation and have not experienced any significant change as compared to that of the previous year.

Transactions with associates

Significant transactions between the Company and its associates are as follows:

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Hai Phong – 128 Tan Cang JSC.		
Rendering of services to the associate	1,048,608,000	3,148,992,000
Tan Cang Ben Thanh Corporation		
Dividends receivable	13,500,000,000	13,500,000,000
Rendering of services to the associate	360,742,000	375,446,900
Using services of the associate	333,044,086,891	337,845,612,652
Cat Lai – Eastern Saigon JSC.		
Rendering of services to the associate	5,467,121,500	698,023,036
Acquisition of materials of the associate	17,443,153,247	21,257,800,000
Using services of the associate	359,849,522,132	318,915,964,969
Dividends receivable	824,766,240	1,185,962,231

2c. Investments in other entities

	<u>Ending balance</u>		<u>Beginning balance</u>	
	<u>Original cost</u>	<u>Fair value</u>	<u>Original cost</u>	<u>Fair value</u>
Military Commercial Joint Stock Bank (MBBank) (3,094,743 shares)	14,666,980,000	77,678,053,065	14,666,980,000	57,716,959,748
Cat Lai Port JSC. (1,237,500 shares)	11,812,500,000	44,302,500,000	11,812,500,000	45,663,750,000
Total	26,479,480,000	121,980,553,065	26,479,480,000	103,380,709,748

Fair value

For listed investments, fair value was determined in accordance with the listed price as of the balance sheet date.

The Company has not determined fair value of investments without listed price because there have not been any specific instructions on determination of fair value.

3. Short-term trade receivables

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Receivables from related parties		
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	396,032,593,166	201,195,572,157
Tan Cang Warehousing JSC.	387,339,185,326	197,071,393,066
Tan Cang Waterway Transport JSC.	1,672,431,300	1,024,792,760
Binh Duong – Newport Logistics JSC.	460,185,166	623,859,142
Tan Cang Overland Transport JSC.	24,844,000	326,024,000
Cat Lai – Eastern Saigon JSC.	4,428,288,200	368,423,400
Cat Lai Port International Logistics JSC.	740,404,995	-
North Newport Logistics JSC.	123,552,000	-
Tan Cang Container Services JSC.	-	21,384,000
Tan Cang Hiep Phuoc Port JSC.	725,213,706	342,781,462
Hai Phong – 128 Tan Cang JSC.	93,980,520	538,772,600
	94,089,600	283,409,280

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

	<u>Ending balance</u>		<u>Beginning balance</u>		
Phu Huu – Newport Corporation		144,898,740		486,433,680	
Tan Cang Ben Thanh Corporation		65,601,360		75,340,800	
Tan Cang Pilot One Member Limited Liability Company		21,657,300		-	
Tan Cang – Cai Mep International Terminal Co., Ltd.		199,113		12,758,727	
Tan Cang Hiep Luc JSC.		90,149,760		18,354,600	
Tan Cang Information Technology Solutions JSC.		-		1,844,640	
Tan Cang Maritime Services JSC.		7,912,080		-	
<i>Receivables from other customers</i>		<u>32,091,771,480</u>		<u>30,462,752,342</u>	
Total		<u>428,124,364,646</u>		<u>231,658,324,499</u>	
4. Short-term prepayments to suppliers					
		<u>Ending balance</u>		<u>Beginning balance</u>	
Phuc Lam Engineering and Trading JSC.		1,024,716,000		-	
Lin Dan Engineering Trading and Investment Co., Ltd.		674,942,400		1,518,599,700	
Other suppliers		700,178,989		503,127,346	
Total		<u>2,399,837,389</u>		<u>2,021,727,046</u>	
5. Other receivables					
5a. Other short-term receivables					
		<u>Ending balance</u>		<u>Beginning balance</u>	
		<u>Value</u>	<u>Allowance</u>	<u>Value</u>	<u>Allowance</u>
<i>Receivables from related parties</i>		<u>503,072,516</u>	-	<u>494,365,056</u>	-
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation – Payments on behalf		175,106,236	-	263,365,056	-
Tan Cang Overland Transport JSC. - Payments on behalf		30,606,280	-	-	-
Cat Lai Port International Logistics JSC. - Payments on behalf		50,040,000	-	-	-
Cat Lai – Eastern Saigon JSC. - Deposit for hiring yards		231,000,000	-	231,000,000	-
Cat Lai – Eastern Saigon JSC. - Other receivables		16,320,000	-	-	-
<i>Receivables from other organizations and individuals</i>		<u>14,343,509,297</u>	-	<u>14,904,297,414</u>	-
Eastern Saigon Logistics JSC. – Deposit for using services		4,112,000,000	-	4,112,000,000	-
Hiep Huy Hoang One Member Co., Ltd. – BCC capital contribution		-	-	375,000,000	-
Receipts and payments on behalf		1,188,375,780	-	491,320,400	-
Advances		4,229,270,653	-	4,560,916,964	-
Deposits		53,000,000	-	52,000,000	-
Accrued interest income of term deposits		1,684,986,301	-	1,826,127,123	-
Receivables from employees		2,629,408,167	-	3,287,842,778	-
Other short-term receivables		446,468,396	-	199,090,149	-
Total		<u>14,846,581,813</u>	-	<u>15,398,662,470</u>	-

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

5b. Other long-term receivables

	Ending balance		Beginning balance	
	Value	Allowance	Value	Allowance
Deposit for water supply	30,000,000	-	30,000,000	-
Ms. Bui Thi No – Deposit for land rental	300,000,000	-	300,000,000	-
Deposit for TCL office lease	-	-	2,000,000,000	-
Deposit for hiring yards	17,661,300,000	-	17,661,300,000	-
Construction Investment JSC. No. 14	8,316,000,000	-	8,316,000,000	-
Quang Minh Investment Construction Transport JSC.	3,000,000,000	-	3,000,000,000	-
Tincons Co., Ltd.	6,345,300,000	-	6,345,300,000	-
Total	17,991,300,000	-	19,991,300,000	-

6. Allowance for short-term doubtful debts

	Overdue period	Ending balance		Beginning balance	
		Original cost	Allowance	Original cost	Allowance
Global Fertilizer Investment JSC. (*)	Over 3 years	2,376,686,073	(516,721,074)	786,644,103	(171,026,200)
	From 2 to 3 years	-	-	1,590,041,970	(241,986,412)
Receivable from other organizations	Over 3 years	395,736,669	(395,736,669)	395,736,669	(395,736,669)
Total		2,772,422,742	(912,457,743)	2,772,422,742	(808,749,281)

(*) Allowance for doubtful debts of Global Fertilizer Investment JSC. is made after being offset against payables.

Fluctuations in allowance for doubtful debts are as follows:

	Current year	Previous year
Beginning balance	808,749,281	395,736,669
Additional allowance	103,708,462	413,012,612
Ending balance	912,457,743	808,749,281

7. Inventories

	Ending balance	Beginning balance
Materials and supplies in stock	13,096,217,340	12,916,648,263

8. Prepaid expenses

8a. Short-term prepaid expenses

	Ending balance	Beginning balance
Expenses for military uniforms, uniforms and labor protection	614,989,800	665,386,100
Insurance premiums	818,988,396	812,967,876
Road toll	173,845,769	146,026,225
Expenses for tools	1,440,501,719	406,076,511
Other expenses	77,383,874	84,391,857
Total	3,125,709,558	2,114,848,569

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)**8b. Long-term prepaid expenses**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Expenses for repairs and replacement of mattress and crane at rice packing dock	6,598,097,448	9,970,098,175
Expenses for repairs, construction at Tan Cang Nhon Trach	14,863,582,113	16,564,440,582
Expenses for repairs, renovation of Tan Cang My Thuy power supply line	645,161,336	1,100,195,056
Expenses for construction, interior repairs, and equipment installation at TCL building	1,194,121,088	1,084,737,244
Expenses for repairs of rice packing dock		
Expenses for construction, upgrading at Depot Tan Cang My Thuy 2	1,756,722,265	1,434,025,376
Expenses for construction at Depot Tan Cang Tan Van	2,434,623,788	167,297,088
Expenses for crane repairs	4,093,823,231	-
Expenses for tools	639,049,736	402,668,627
Total	<u>32,225,181,005</u>	<u>30,723,462,148</u>

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

9. Tangible fixed assets	Buildings and structures	Machinery and equipment	Vehicles	Office equipment	Perennial plants	Other fixed assets	Total
Historical costs							
Beginning balance	273,249,176,123	554,206,185,447	58,216,022,186	2,575,942,873	80,000,000	11,653,706,879	899,981,033,508
New acquisition	-	-	972,627,273	73,884,540	-	407,455,556	1,453,967,369
Completed construction based on finalization	3,133,464,073	-	-	140,231,000	-	-	3,273,695,073
Increase due to finalization	83,333,333	90,000,000	-	-	-	60,185,185	233,518,518
Decrease due to conclusion of MOF's Inspector	-	-	-	-	-	(276,529,113)	(276,529,113)
Ending balance	276,465,973,529	554,296,185,447	59,188,649,459	2,790,058,413	80,000,000	11,844,818,507	904,665,685,355
<i>In which:</i>							
Assets fully depreciated but still in use	13,608,662,300	207,817,513,774	38,119,975,830	2,460,912,873	80,000,000	215,582,902	262,302,647,679
Assets waiting for liquidation	-	-	-	-	-	-	-
Depreciation							
Beginning balance	117,896,957,549	477,174,315,469	49,308,899,874	2,459,228,986	80,000,000	2,106,309,416	649,025,711,294
Depreciation during the year	11,375,427,978	12,485,625,937	4,183,904,175	88,202,805	-	2,203,646,513	30,336,807,408
Ending balance	129,272,385,527	489,659,941,406	53,492,804,049	2,547,431,791	80,000,000	4,309,955,929	679,362,518,702
Net book value							
Beginning balance	155,352,218,574	77,031,869,978	8,907,122,312	116,713,887	-	9,547,397,463	250,955,322,214
Ending balance	147,193,588,002	64,636,244,041	5,695,845,410	242,626,622	-	7,534,862,578	225,303,166,653
<i>In which:</i>							
Assets temporarily not in use	-	-	-	-	-	-	-
Assets waiting for liquidation	-	-	-	-	-	-	-

Some tangible fixed assets with the net book value of VND 68,286,894,050 have been pledged as collateral for the Company's loan at Vietnam International Commercial Joint Stock Bank (VIB) – Saigon Branch.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)**10. Intangible fixed assets**

	Land use right ^(*)	Computer software	Total
Historical costs			
Beginning balance	27,991,682,391	700,229,000	28,691,911,391
Ending balance	<u>27,991,682,391</u>	<u>700,229,000</u>	<u>28,691,911,391</u>
<i>In which:</i>			
Assets fully amortized but still in use	-	580,229,000	580,229,000
Amortization			
Beginning balance	5,233,738,895	589,153,730	5,822,892,625
Amortization during the year	705,672,660	39,999,996	745,672,656
Ending balance	<u>5,939,411,555</u>	<u>629,153,726</u>	<u>6,568,565,281</u>
Net book value			
Beginning balance	22,757,943,496	111,075,270	22,869,018,766
Ending balance	<u>22,052,270,836</u>	<u>71,075,274</u>	<u>22,123,346,110</u>
<i>In which:</i>			
Assets temporarily not in use	-	-	-
Assets waiting for liquidation	-	-	-

(*) This is the land use right in Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City acquired from District 2 Public Service One Member Co., Ltd., with the term of use until 30 August 2055; the net book value of VND 22,052,270,836 which has been pledged as collateral at VIB - Saigon Branch.

11. Construction-in-progress

	Beginning balance	Expenses incurred	Transferred to fixed assets	Ending balance
Acquisition of fixed assets	288,000,000	1,485,283,110	(1,453,967,369)	319,315,741
Construction-in-progress	2,668,427,324	3,694,093,083	(3,273,695,073)	3,088,825,334
<i>Project of relocation of petroleum warehouse of region 2</i>	1,808,239,341	87,384,138	-	1,895,623,479
<i>Project of road connecting IMDG yard in ICD TCNT</i>	-	2,433,939,073	(2,433,939,073)	-
<i>Other projects</i>	860,187,983	1,172,769,872	(839,756,000)	1,193,201,855
Total	<u>2,956,427,324</u>	<u>5,179,376,193</u>	<u>(4,727,662,442)</u>	<u>3,408,141,075</u>

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)**12. Short-term trade payables**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<i>Payables to related parties</i>	<i>203,785,094,673</i>	<i>138,019,733,827</i>
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	-	163,500,000
Tan Cang Warehousing JSC.	50,447,070	56,552,040
Tan Cang Waterway Transport JSC.	148,758,120	1,095,907,320
Tan Cang Technical Services JSC.	10,055,503,043	6,014,168,196
Tan Cang Ben Thanh Corporation	140,422,506,082	97,007,582,280
Tan Cang – STC Human Resource Development Co., Ltd.	42,920,000	-
Tan Cang Hiep Luc JSC.	28,169,856	-
Tan Cang Container Services JSC.	19,947,820,777	11,834,236,546
Tan Cang – Tay Ninh JSC.	-	445,408,200
Phu Huu – Newport Corporation	15,874,920	25,923,240
Binh Duong – Newport Logistics JSC.	22,696,000	-
Tan Cang Overland Transport JSC.	27,434,970	-
Cat Lai – Eastern Saigon JSC.	32,987,606,835	21,132,326,274
Tan Cang Offshore Travel and Flight Services JSC.	35,357,000	244,129,731
<i>Payables to other suppliers</i>	<i>68,354,054,913</i>	<i>28,149,932,453</i>
Total	<u>272,139,149,586</u>	<u>166,169,666,280</u>

The Group has no overdue trade payables.

13. Taxes and other obligations to the State Budget

	<u>Beginning balance</u>	<u>Amount payable during the year</u>	<u>Amount already paid during the year</u>	<u>Ending balance</u>
VAT on local sales	214,711,322	24,256,060,549	(24,253,889,948)	216,881,923
Corporate income tax	11,484,549,619	30,788,062,496	(31,904,122,003)	10,368,490,112
Corporate income tax paid on behalf of the BCC's parties	1,319,371,794	1,437,067,916	(1,478,536,220)	1,277,903,490
Personal income tax	200,277,719	7,048,144,417	(6,809,889,297)	438,532,839
Other taxes	-	122,206,818	(122,206,818)	-
Total	<u>13,218,910,454</u>	<u>63,651,542,196</u>	<u>(64,568,644,286)</u>	<u>12,301,808,364</u>

Value added tax (VAT)

The Company and its subsidiary have to pay VAT in accordance with the deduction method. The VAT rate applied to water sale is 5%, and the VAT rates applied to other services are 8% and 10%.

Corporate income tax (CIT)

The Company and its subsidiary have to pay CIT for taxable income at the rate of 20% (that of the previous year was 20%).

The determination of corporate income tax liability of the Company and its subsidiary is based on the prevailing regulations on taxes. However, these regulations may change from time to time and regulations applicable to variety of transactions can be interpreted differently. Therefore, the tax amount presented in the Consolidated Financial Statements could change when being inspected by the Tax Office.

Other taxes

The Company and its subsidiary declare and pay these taxes according to prevailing regulations.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)**14. Short-term accrued expenses**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<i>Accrued expenses to related parties</i>	<i>14,837,217,982</i>	<i>18,322,814,365</i>
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	5,414,784,322	472,582,400
<i>Land rental</i>	<i>3,372,386,322</i>	<i>472,582,400</i>
<i>Expenses for transportation, loading and unloading</i>	<i>2,042,398,000</i>	-
Cat Lai – Eastern Saigon JSC.	157,000,000	-
- Expenses for repairs, maintenance		
Tan Cang Ben Thanh Corporation		
- Expenses for transportation, loading and unloading, and yard storage	9,265,433,660	17,850,231,965
<i>Payables to other organizations and individuals</i>	<i>5,562,891,743</i>	<i>4,839,835,063</i>
Expenses for transportation, loading and unloading	2,269,994,996	1,190,188,350
Expenses for yard storage	3,243,083,758	3,104,857,350
Other accrued expenses	49,812,989	544,789,363
Total	<u>20,400,109,725</u>	<u>23,162,649,428</u>

15. Other payables**15a. Other short-term payables**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<i>Payables to related parties</i>	<i>16,460,710,372</i>	<i>17,458,451,022</i>
Tan Cang Ben Thanh Corporation ⁽ⁱ⁾	10,598,617,337	13,378,334,623
- BCC contribution capital	6,000,000,000	-
- Payable for profit distributed from BCC results	4,598,617,337	13,378,334,623
Tan Cang Pilot One Member Limited Liability Company – Profit distributed from BCC results ⁽ⁱⁱ⁾	5,841,093,035	4,080,116,399
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation - Payable for receipts and payments on behalf	21,000,000	-
<i>Payables to other organizations and individuals</i>	<i>14,688,583,215</i>	<i>16,574,207,271</i>
Trade Union's expenditure	460,315,544	801,511,464
Social insurance premiums, health insurance premiums	807,034,261	722,401,407
Dividends payable	6,367,886,723	6,653,390,071
Deposit received for office rental	100,000,000	283,806,100
Union One Logistics and Trade Investment JSC. - Profit distributed from BCC results ⁽ⁱⁱⁱ⁾	2,299,656,040	1,125,671,572
Payable to Hiep Huy Hoang Company – Payable for BCC	-	4,922,483,282
Payable for container deposit received on behalf	2,391,772,510	-
Other short-term payables	2,261,918,137	2,064,943,375
Total	<u>31,149,293,587</u>	<u>34,032,658,293</u>

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)**15b. Other long-term payables**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<i>Payables to related parties</i>	20,813,210,000	26,813,210,000
Tan Cang Ben Thanh Corporation	-	6,000,000,000
- BCC contribution capital ⁽ⁱ⁾		
Tan Cang Pilot One Member Limited Liability Company – BCC contribution capital ⁽ⁱⁱ⁾	18,750,000,000	18,750,000,000
Tan Cang Pilot One Member Limited Liability Company - Deposit received for office rental	2,000,000,000	2,000,000,000
Tan Cang Information Technology Solutions JSC. - Deposit received for office rental	63,210,000	63,210,000
<i>Payables to other organizations and individuals</i>	15,318,416,504	17,134,610,404
Union One Logistics and Trade Investment JSC. - BCC contribution capital ⁽ⁱⁱⁱ⁾	12,500,000,000	12,500,000,000
Long-term deposits received	2,818,416,504	4,634,610,404
Total	<u>36,131,626,504</u>	<u>43,947,820,404</u>

Additional information on Business Cooperation Contracts (“BCC”):

⁽ⁱ⁾ According to BCC No. 490/HD-GNVT-KHKD dated 30 May 2014, the Agreement Minutes of Capital Increase dated 25 May 2016 and additional agreements on business cooperation in exploiting container yards and services related to loading and unloading imo goods container and container tank at Depot 6 - Cat Lai Port, three participating parties are as follows: The Company contributes VND 7,500,000,000 equivalent to 50%; Tan Cang Ben Thanh Corporation contributes VND 6,000,000,000 equivalent to 40%; and Dong Nai Newport Logistics JSC. contributes VND 1,500,000,000 equivalent to 10%. As at 31 December 2024, the parties were completing the procedures for termination of this business cooperation.

⁽ⁱⁱ⁾ According to BCC No. 612/2015/TCL-HT-TT dated 26 October 2015 and the Capital Contribution Transfer Contract dated 10 January 2017 on business cooperation for the implementation of the project "receiving the transfer of land use right and investing in the construction and exploitation of office building" in My Thanh Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, three participating parties are as follows: The Company contributes 50%; Tan Cang Pilot One Member Limited Liability Company contributes 30% and Union One Investment, Union One Logistics and Trade Investment JSC. (receiving the transfer from Thu Thiem Construction, Trade and Services Co., Ltd.) contributes 20% of total investment capital of the project. The Company is the representative of the BCC. The term of contract is 50 years.

15c. Overdue debts

The Group has no other overdue payables.

16. Borrowings**16a. Short-term borrowings**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Asia Commercial Joint Stock Bank (“ACB”) - Head Office – Short-term loans ⁽ⁱ⁾	25,000,000,000	-
Vietnam International Commercial Joint Stock Bank (“VIB”) – Saigon Branch - Current portions of long-term loans (Note V.16b)	7,249,712,000	7,249,712,000
Total	<u>32,249,712,000</u>	<u>7,249,712,000</u>

The Group has solvency to repay short-term loans.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

(^c) This is the loan arising from the Agreement dated 27 December 2024 with the amount of VND 25 billion to supplement working capital serving production and business activities, the loan term is 3 months starting from the day after the first disbursement date. The in-due interest rate is 5% per year. Collateral is all balances including principal and interest arising from term deposits at the same Bank.

Details of increase/ (decrease) of short-term borrowings during the year are as follows:

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Beginning balance	7,249,712,000	7,249,712,000
Amount of loans incurred	25,000,000,000	-
Transfer from long-term borrowings	7,249,712,000	7,249,712,000
Amount of loans repaid	<u>(7,249,712,000)</u>	<u>(7,249,712,000)</u>
Ending balance	<u>32,249,712,000</u>	<u>7,249,712,000</u>

16b. Long-term borrowings

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
VIB - Saigon Branch	1,811,700,252	9,061,412,252

The Group has solvency to repay long-term loans.

This is the loan arising from the Credit Agreement dated 24 January 2018 to invest in the project: "Receiving the transfer of land use right and investing in the construction and exploitation of the office building" at Lot 11, Residential Quarter 1, Thanh My Loi Ward, District 2, Ho Chi Minh City. Total Credit Agreement amount is VND 62,500,000,000 within 18 months starting from the first withdrawal date. The loans are required to be repaid in 28 equal installments for each quarter, starting on the 15th month starting from the first withdrawal date. The floating interest rate are applied as of the disbursement date (the applicable interest rate in 2024 was 7 - 8% per year). Collateral includes land use right and constructions on the land financed by the loan.

Payment schedule of long-term borrowings is as follows:

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
From or under 1 year	7,249,712,000	7,249,712,000
Over 1 year to 5 years	1,811,700,252	9,061,412,252
Over 5 years	-	-
Total	<u>9,061,412,252</u>	<u>16,311,124,252</u>

Details of increase/ (decrease) of long-term borrowings are as follows:

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Beginning balance	9,061,412,252	16,311,124,252
Transfer to short-term loans	<u>(7,249,712,000)</u>	<u>(7,249,712,000)</u>
Ending balance	<u>1,811,700,252</u>	<u>9,061,412,252</u>

17. Bonus and welfare funds

	<u>Bonus fund</u>	<u>Welfare fund</u>	<u>Bonus fund for the Executive Officers</u>	<u>Total</u>
Beginning balance	8,800,998,187	9,035,925,883	-	17,836,924,070
Increase due to appropriation from profit	11,717,687,705	11,700,581,829	647,589,368	24,065,858,902
Increase due to allocation from the Parent Company	70,480,000	-	-	70,480,000
Disbursement in the year	<u>(10,790,000,000)</u>	<u>(11,979,670,250)</u>	<u>(647,589,368)</u>	<u>(23,417,259,618)</u>
Ending balance	<u>9,799,165,892</u>	<u>8,756,837,462</u>	<u>-</u>	<u>18,556,003,354</u>

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

18. Owner's equity

18a. Statement on changes in owner's equity

	Owner's contribution capital	Share premiums	Other funds	Investment and development fund	Retained earnings	Non-controlling interests	Total
<i>For the year 2023</i>							
Beginning balance	301,584,360,000	20,712,126,338	1,512,000,000	117,878,265,220	91,330,786,960	22,569,499,167	555,587,037,665
Profit of the year	-	-	-	-	134,162,690,792	258,627,782	134,421,318,574
Dividends declared from profit of 2022	-	-	-	-	(67,278,359,046)	(348,067,156)	(67,626,426,202)
Appropriation for funds from profit of 2022	-	-	-	-	(772,000,000)	-	(772,000,000)
Adjustment of BCC profit distribution of 2022	-	-	-	-	100,000,000	-	100,000,000
Appropriation for funds from profit of 2023	-	-	-	40,127,182,411	(62,949,624,379)	-	(22,822,441,968)
Appropriation for funds from the subsidiary	-	-	-	26,923,190	(40,384,785)	(12,931,389)	(26,392,984)
Ending balance	301,584,360,000	20,712,126,338	1,512,000,000	158,032,370,821	94,553,109,542	22,467,128,404	598,861,095,105
<i>For the year 2024</i>							
Beginning balance	301,584,360,000	20,712,126,338	1,512,000,000	158,032,370,821	94,553,109,542	22,467,128,404	598,861,095,105
Profit of the year	-	-	-	-	146,060,376,424	167,622,379	146,227,998,803
Dividends declared from profit of 2023	-	-	-	-	(70,160,060,957)	(210,034,504)	(70,370,095,461)
Appropriation for funds from profit of 2023	-	-	-	-	(647,589,368)	-	(647,589,368)
Appropriation for funds from profit of 2024	-	-	-	40,912,320,960	(64,313,484,618)	-	(23,401,163,658)
Appropriation for funds from the subsidiary	-	-	-	17,449,514	(26,174,271)	(8,381,119)	(17,105,876)
Ending balance	301,584,360,000	20,712,126,338	1,512,000,000	158,032,370,821	94,553,109,542	22,467,128,404	650,653,139,545

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)**18b. Details of owner's capital contribution**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	153,812,730,000	153,812,730,000
Other shareholders	147,771,630,000	147,771,630,000
Total	<u>301,584,360,000</u>	<u>301,584,360,000</u>

18c. Shares

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Number of ordinary shares registered to be issued	30,158,436	30,158,436
Number of ordinary shares already issued	30,158,436	30,158,436
Number of ordinary shares repurchased	-	-
Number of ordinary outstanding shares	30,158,436	30,158,436

Face value per outstanding share: VND 10,000.

18d. Profit distribution***In Tan Cang Logistics and Stevedoring JSC. (the Parent Company):***

During the year, the Company distributed profit in accordance with the Resolution of 2024 Annual General Meeting of Shareholders No. 453/NQ-DHDCDTN,2024 dated 6 June 2024 as follows:

	<u>VND</u>
Distribution of profit after tax of 2023	
• Dividends declared to shareholders	70,160,060,957
• Appropriation for the Executive Officers' bonus fund	647,589,368
Temporary distribution of profit after tax of 2024	
• Appropriation for investment and development fund (30% of profit after tax)	40,912,320,960
• Appropriation for bonus and welfare funds (25% of actual payroll fund)	23,401,163,658

In Dong Nai Newport Logistics JSC. (the subsidiary):

During the year, the subsidiary temporarily distributed profit in accordance with the Resolution of 2023 Annual General Meeting of Shareholders as follows:

	<u>VND</u>
Distribution of profit of 2023	
• Appropriation for investment and development fund (10% of profit after tax)	428,680,727
Distribution of profit of 2024	
• Appropriation for investment and development fund (10% of profit after tax)	34,211,752
• Appropriation for bonus fund (5% of profit after tax)	17,105,876

19. Off-Consolidated Balance Sheet items

As of the balance sheet date, cash and cash equivalents included USD 65.34 (the beginning balance was USD 65.34).

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)**VI. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE CONSOLIDATED INCOME STATEMENT****1. Revenue from sales of merchandise and rendering of services****1a. Gross revenue**

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Revenue from transportation, loading and unloading services	296,386,123,479	288,882,798,091
Revenue from depot services	1,264,271,175,532	1,150,744,951,412
Revenue from other services	70,526,321,045	89,787,755,952
Total	<u>1,631,183,620,056</u>	<u>1,529,415,505,455</u>

1b. Revenue from sales of merchandise and rendering of services to related parties

Besides transactions of rendering of services to the associates as presented in Note V.2b, the Group also has transactions of rendering of services to related parties which are not the associates, as follows:

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	814,562,433,109	860,187,364,491
Tan Cang Warehousing JSC.	3,506,759,677	2,937,225,569
Tan Cang Overland Transport JSC.	8,008,127,887	3,132,684,186
Tan Cang Waterway Transport JSC.	1,908,271,778	1,625,936,709
Phu Huu – Newport Corporation	705,011,723	1,747,696,265
Tan Cang Information Technology Solutions JSC.	526,662,500	228,147,500
Tan Cang Hiep Luc JSC.	250,535,600	194,699,545
Tan Cang Hiep Phuoc Port JSC.	3,317,111,704	1,296,050,746
Tan Cang – Cai Mep International Terminal Co., Ltd.		192,106,364
Tan Cang Container Services JSC.	1,065,728,151	1,316,400,791
Cat Lai Logistics JSC.	9,630,000	16,000,000
Cat Lai Port International Logistics JSC.	114,400,000	-
Tan Cang Pilot One Member Limited Liability Company	5,309,995,446	5,294,623,080
Tan Cang Maritime Services JSC.	29,489,000	23,121,818
Binh Duong – Newport Logistics JSC.	2,564,978,519	785,677,407

2. Costs of sales

This is the cost of services rendered in the year.

3. Financial income

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Interest from term deposits	6,716,886,663	11,568,901,070
Interest from demand deposits	23,944,430	69,267,998
Dividends and profit received	4,764,871,500	5,899,540,500
Exchange gain due to the revaluation of monetary items in foreign currencies	81,021	46,718
Total	<u>11,505,783,614</u>	<u>17,537,756,286</u>

4. Financial expenses

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Interest expenses	503,814,945	1,025,856,761

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

5. Selling expenses	Current year	Previous year
Commission expenses	24,134,310,883	27,246,350,059
Expenses for external services	3,616,642,388	3,370,850,168
Other expenses	2,839,953,300	4,560,007,841
Total	30,590,906,571	35,177,208,068
6. General and administration expenses	Current year	Previous year
Labor costs	40,702,590,278	38,120,996,358
Materials, supplies	74,346,597	74,872,483
Office supplies	878,880,068	1,048,749,101
Depreciation/amortization of fixed assets	745,709,423	795,697,298
Taxes, fees and legal fees	413,071,027	117,151,891
Allowance for doubtful debts	103,708,462	413,012,612
Expenses for external services	8,628,565,951	9,012,854,670
Other expenses	22,053,064,628	20,590,977,485
Total	73,599,936,434	70,174,311,898
7. Other income	Current year	Previous year
Gain on disposal and liquidation of fixed assets	-	557,480,909
Compensation receipts	1,963,377	1,558,718,789
Other income	5,252,239	18,579,700
Total	7,215,616	2,134,779,398
8. Earnings per share ("EPS")		
8a. Basic/Diluted EPS		
	Current year	Previous year
Accounting profit after corporate income tax	146,060,376,424	134,162,690,792
Appropriation for bonus and welfare funds, and the Executive Officers' bonus fund of the Parent Company	(23,409,888,415)	(23,483,492,931)
Profit used to calculate basic/diluted EPS	122,650,488,009	110,679,197,861
Average number of ordinary shares outstanding during the year	30,158,436	30,158,436
Basic/diluted EPS	4,067	3,670
⁽ⁱ⁾ The basic EPS of the previous year was recalculated, decreasing from VND 3,691 to VND 3,670 due to the deduction of the appropriation for the bonus and welfare funds, and the Executive Officers' bonus fund, in accordance with the Resolution of Annual General Meeting of Shareholders No. 453/NQ-DHDCDTN.2024 dated 6 June 2024.		
⁽ⁱⁱ⁾ For the purpose of presenting the "Basic EPS" item of the current year, the bonus and welfare funds are temporarily calculated in accordance with the Resolution of 2024 Annual General Meeting of Shareholders.		
8b. Other information		
There have not been any transactions of ordinary shares or potential transactions of ordinary shares from the balance sheet date to the disclosure date of these Consolidated Financial Statements.		



TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)**9. Operating costs by factors**

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Materials and supplies	63,189,468,949	69,927,781,259
Labor costs	126,375,904,359	119,743,778,098
Depreciation/amortization of fixed assets (*)	29,628,242,220	30,730,832,651
Expenses for external services	1,232,674,954,969	1,140,507,365,574
Other expenses	35,059,950,410	34,611,230,323
Total	<u>1,486,928,520,907</u>	<u>1,395,520,987,905</u>
(*) Total depreciation expenses in the year (Notes V.9, V.10)	31,082,480,064	32,185,070,495
Depreciation expenses allocated to BCC's party	(1,454,237,844)	(1,454,237,844)
Depreciation expenses of the Company	<u>29,628,242,220</u>	<u>30,730,832,651</u>

VII. OTHER DISCLOSURES**1. Transactions and balances with the related parties**

The related parties of the Group include the key managers, their related individuals and other related parties.

1a. Transactions and balances with the key managers and their related individuals

The key managers include the Board of Directors (BOD), the Board of Supervisors (BOS) and the Executive Officers (the Board of Management (BOM) and the Chief Accountant). The key managers' related individuals are their close family members.

Transactions, receivables from and payables to key managers and their related individuals

The Group has no transactions or receivables from and payables to the key managers and their related individuals.

Compensation of the key managers

		<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Mr. Le Hoang Linh	Chairman	1,468,126,107	1,487,321,024
Mr. Le Van Cuong	BOD Member cum Director	1,433,047,221	1,410,760,042
Mr. Hoang Duc Thinh	BOD Member	109,814,567	117,540,373
Mr. Nguyen Xuan Binh	BOD Member	-	28,770,186
Mr. Pham Trung Nghi	BOD Member	109,814,567	88,770,186
Mr. Ngo Ngoc Khanh	BOD Member cum Deputy Director	530,091,340	88,770,186
Mr. Pham Van Phuong	Head of BOS	109,814,567	117,540,373
Mr. Tran Van Truong	BOS Member	675,642,157	635,221,551
Ms. Le Thi Kim Chung	BOS Member	69,851,653	76,032,298
Mr. Dang Thanh Son	Deputy Director	898,658,162	966,370,821
Mr. Chau Thanh Hai	Deputy Director	1,322,674,836	930,618,081
Mr. Nguyen Van Hoa	Deputy Director	892,404,836	875,882,361
Ms. Pham Thi Thu Ha	Chief Accountant	837,469,499	794,736,524
Total		<u>8,457,409,513</u>	<u>7,618,334,007</u>

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

1b. Transactions and balances with the related parties

Other related parties of the Group include:

Name	Relationship
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	Parent Company
Hai Phong – 128 Tan Cang JSC.	Associate
Tan Cang Ben Thanh Corporation	Associate
Cat Lai – Eastern Sai Gon JSC.	Associate
Tan Cang Construction JSC.	Company in the same Group
ICD Tan Cang Song Than JSC.	Company in the same Group
Tan Cang Warehousing JSC.	Company in the same Group
ICD Tan Cang – Long Binh JSC.	Company in the same Group
Tan Cang Overland Transport JSC.	Company in the same Group
Tan Cang Waterway Transport JSC.	Company in the same Group
Tan Cang Technical Services JSC.	Company in the same Group
Tan Cang – Cai Mep JSC.	Company in the same Group
Tan Cang Information Technology Solutions JSC.	Company in the same Group
Tan Cang Hiep Phuoc Port JSC.	Company in the same Group
Tan Cang – STC Human Resource Development Co., Ltd.	Company in the same Group
Tan Cang First Construction JSC.	Company in the same Group
Phu Huu – Newport Corporation	Company in the same Group
Tan Cang Hiep Luc JSC.	Company in the same Group
Cat Lai Port JSC.	Company in the same Group
SITC Newport Logistics Co., Ltd.	Company in the same Group
Tan Cang Container Services JSC.	Company in the same Group
Tan Cang – Tay Ninh JSC.	Company in the same Group
Tan Cang HMM Logistics Co., Ltd.	Company in the same Group
Tan Cang Offshore Travel and Flight Services JSC.	Company in the same Group
Tan Cang Shipping Warehouse Service Co., Ltd.	Company in the same Group

Transactions with other related parties

Apart from transactions with the associates as presented in Note V.2 as well as transactions of sales of merchandise and rendering of services to other related parties which are not the associates as presented in Note VI.1b, the Group also has other significant transactions with other related parties as follows:

	Current year	Previous year
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation		
Using services rendered by the Parent Company	14,795,073,951	13,578,595,145
Dividends payable to the Parent Company	35,782,725,977	34,313,013,032
Cat Lai Port JSC.		
Dividends receivable	3,217,500,000	4,554,000,000
Using services rendered by the related parties		
Tan Cang Overland Transport JSC.	264,627,000	432,160,380
Tan Cang Waterway Transport JSC.	3,841,429,000	8,142,111,550
Tan Cang Technical Services JSC.	53,474,467,440	50,408,399,180
Tan Cang Information Technology Solutions JSC	139,580,000	4,084,623,599
Tan Cang – STC Human Resource Development Co., Ltd.	341,434,049	159,082,168

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Tan Cang HMM Logistics Co., Ltd.	31,870,365	91,974,407
Binh Duong – Newport Logistics JSC.	128,264,815	-
Tan Cang – Tay Ninh JSC.	148,605,000	2,064,800,072
Phu Huu – Newport Corporation	229,156,000	174,790,000
Tan Cang Hiep Phuoc Logistics JSC.	138,848,600	133,705,000
Cat Lai Logistics JSC.	-	8,490,000
Tan Cang Warehousing JSC.	443,731,750	354,614,000
Tan Cang Shipping Warehouse Service Co., Ltd.	861,111	14,213,637
Tan Cang Container Services JSC.	37,452,132,109	33,154,194,780
Tan Cang Hiep Luc JSC.	100,395,500	723,920,200
Tan Cang Offshore Travel and Flight Services JSC.	568,209,332	550,851,228
Cat Lai Port International Logistics JSC.	-	118,972,730

Receivables from and payables to other related parties are presented in Notes V.3, V.4, V.5, V.12, V.14 and V.15.

Receivables from other related parties are unsecured and will be paid in cash. No allowance has been made for the receivables from other related parties.

2. Segment information

The Group only operates in the field of providing transportation, forwarding, loading and unloading services in the area of Cat Lai Port, in the Vietnamese territory. Therefore, the Group does not present the segment reporting by business segment or geographical segment.

3. Subsequent events

There have been no material events after the balance sheet date, which require to make adjustments on the figures or to be disclosed in the Consolidated Financial Statements.

Prepared on 25 February 2025

Prepared by

Chief Accountant

Director

Nguyen Xuan Tan

Pham Thi Thu Ha



Le Van Cuong